

## Chương VI Bắc Kỳ Dậy Lửa

Từ thập niên 1850, Bắc Kỳ—tức phần lãnh thổ từ phía nam Ninh Bình ngược lên biên giới Hoa-Việt, chiếc nôi của tộc Kinh và vương quốc Đại Việt Nam nhiều ngàn năm—đã trở thành chứng bệnh nhức đầu, chóng mặt kinh niên thứ hai của Hoàng Nhiệm. Cuộc "biểu dương lực lượng" của Pháp ở Đà Nẵng và Sài Gòn, rồi mỗi năm hai lần cướp đoạt những món tiền bồi hoàn chiến phí khổng lồ, và đánh chiếm cả sáu tỉnh miền Nam năm 1867, tạo nên những chuỗi phản ứng dây chuyền dẫn đến sự bức tử của nền tự chủ lần thứ hai của Việt Nam, mở đầu cho gần một thế kỷ nô lệ thực dân Pháp.

Trước hết là những cuộc nổi loạn liên miên của các cộng đồng giáo dân Ki-tô, tiêu biểu bằng tổ chức thổ phỉ và hải tặc, với khẩu hiệu "khôi phục nhà Lê" thiết lập một vương quốc Ki-tô tự trị với Huế.

Trong khi Hoàng Nhiệm và triều đình—dưới sự khuynh đảo của các đại thần "khúm núm nhưng độc tài," và ảnh hưởng sâu đậm của hậu cung Hoàng Thái hậu Phạm Thị Hằng, tức Từ Dụ (1810-1901)—còn nỗ lực chuộc lại miền Nam, đa số viên chức thuộc địa cùng các Thống đốc Sài Gòn chỉ muốn củng cố quyền lực và phát triển kinh tế thuộc địa [*colony*] mới, tảng lờ những nỗ lực nặng phân ghi vào sử sách như một thành tích, ý muốn [*declaration of intent*] của ông vua bệnh hoạn bị ám ảnh vì những "chân lý" trung nghĩa của các tuồng hát bội đã sử Trung Hoa. (1) Tuy nhiên, các nhà truyền giáo vẫn không ngừng nghỉ vận động đánh chiếm "Tonkin" —không chỉ bao gồm lãnh thổ Bắc Kỳ dưới triều Hoàng Nhiệm, mà có lẽ gồm cả giáo phận Đường Ngoài Nam, từ sông Gianh ngược ra bắc.

1. Nhiều hơn một lần Hoàng Nhiệm khiến các khách ngoại quốc than phiền về việc vua cho họ "ân sủng" được coi hát bội, với những màn thưởng tiền cho các diễn viên khi có một tình tiết hợp ý.

Thị trường Hoa Nam và tài nguyên thiên nhiên ở miền Bắc, cùng tham tâm chiếm cướp một phần lãnh thổ Đại Nam của nhà Thanh cũng đóng góp những yếu tố không nhỏ. Sau khi phái đoàn thám hiểm sông Cửu Long ngược từ Cầm-Bốt lên Lào trong hai năm 1866-1867 thất bại, nhu cầu trao đổi khí giới lấy vàng bạc và thổ sản Vân Nam-Tứ Xuyên và Quý Châu khiến dòng sông Hồng bỗng hấp dẫn hơn với những kẻ ưa phiêu lưu làm giàu.

Trong khi đó, triều đình Huế ngày một lụn bại, đi từ nhân nhượng này sang nhân nhượng khác, miễn duy trì được hòa bình—nghĩa là yên ổn bản thân cho mẹ con Hoàng Nhiệm, cùng một phần lãnh thổ nào đó để duy trì hương hỏa cùng thu nhập. Với ưu thế tuyệt đối về binh lực, hành động khó tránh của Pháp là thực hiện chính sách tầm ăn dâu, thôn tính dần Đại Nam tùy theo hoàn cảnh và phương tiện của Pháp. (Bài học Luật Kẻ Mạnh này đang được Tập Cận Bình [Xi Jin-ping] và Trung Nam Hải [Zhongnanhai] áp dụng tại biển Đông Nam Á, nhưng các cơ quan

truyền thông quốc tế dịch qua Anh ngữ sai lầm là Biển Nam Trung Hoa [*South China Sea*] theo các bản đồ cũ.

## I. SƠ LƯỢC VỀ BẮC KỲ:

Bắc Kỳ là tên gọi vùng lãnh thổ phía bắc Thanh Hóa tới biên giới Việt-Hoa từ năm 1834. Trước đó, gọi là Bắc thành, gồm **5 nội trấn** (Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương ở vùng châu thổ), và **6 ngoại trấn** (Hưng Hoá, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Yên thuộc miền thượng và trung du). Năm 1802, cầm đầu là một tông trấn (Nguyễn Văn Thành,) và ba [3] tào Hộ (Nguyễn Văn Khiêm), Binh (Đặng Trần Thường), và Hình (Phạm Như Đăng). Sau đổi làm 6 tào tương ứng với 6 bộ kinh thành. Đứng đầu mỗi tào là một **Tham tri**. (2)

2. *ĐNTLCB*, I, XVIII, 3:1802-1808, 1963:80-82. Tháng 10-11/1802, lập thổ binh ở 6 ngoại trấn, giao thổ quan trông coi. *Ibid.*, , XIX, 3:1802-1808, 1963:84.

Tháng 11-12/1831 vua Nguyễn Phước Đảm bỏ Bắc Thành, chia làm **13 tỉnh**, hiệu lực từ ngày 2/2/1832: Hà Nội, Bắc Ninh, Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, và Quảng Yên. (3)

3. *ĐNTLCB*, II, LXXVI, LXXVII, 10:1830-1831, 1964:355-73, 394.

Nguyễn Phước Đảm cũng tổ chức lại guồng máy hành chính theo kiểu nhà Thanh: lập "*nội các*" giúp việc thư phòng. Triều đình chia làm hai ban văn và võ, từ nhất phẩm xuống cửu phẩm [18 bậc]. Đứng đầu triều là bốn điện sĩ—Cần Chính điện đại học sĩ, Đông Các đại học sĩ, Vũ Hiền đại học sĩ, Văn Minh đại học sĩ, với hàm chính nhất phẩm [I-1]. Kế đến Hiệp Biện đại học sĩ, hàm tòng nhất phẩm [I-2]. Ngoài ra, còn Tôn Nhân phủ (Hội đồng Hoàng tộc); Cơ Mật Viện (Privy Council, phụ trách bàn thảo các sự việc quan trọng), Nội vụ phủ, lo việc tòn trữ quý kim, mua bán hóa vật cho vua, hoàng tộc cùng các quan; Đô sát viện, lo việc can ngăn; Hành nhân ty, lo việc thông dịch; Sử viện, có nhiệm vụ ghi chép mọi và mỗi việc làm hay lời nói của vua. Cơ quan hành chính gồm "*lục bộ*"—*Lai*, về nhân sự; *Binh*, về quân sự; *Hộ*, thuế má, tài chính; *Lễ*, việc tế lễ, học, thi cử, ngoại giao; *Hình*, pháp luật; và, *Công*, lo việc xây dựng, vận tải. Đứng đầu mỗi bộ là một Thượng thư, với hàm chính nhị phẩm [II-1]. Phụ tá có Tham tri, Thị lang, Lang Trung, Viên Ngoại Lang, v.. v.. Tại cấp tỉnh, đặt chức Tổng đốc [chính và tòng nhị phẩm, II-1, 2], Tuần vũ (tuần phủ) [chính và tòng tam phẩm, III-1,2], Bố chính, Án sát ở cấp tỉnh, hay Tri phủ (tùng ngũ phẩm, V-2), Tri huyện/Tri [Thỏ] châu (tùng lục phẩm tới thất phẩm, VI-2 tới VII-1, 2), v..v... ở cấp thấp hơn. (4)

4. *ĐNTLCB*, II, XLII, 8:1826-1827, 1964:133 [11-12/1826: Nguyễn Tri Phương là Biên tu Văn thư phòng, đi tàu tới Hạ Châu], XLVIII, 8:1826-1827, 1964:318; LII, 9:1828-1829, 1964:57 [6-7/1828, Nguyễn Tri Phương và hai người khác cưỡi tàu đi Lữ Tống và Quảng Đông], LXIII, 9:1828-1829,

1964:349, 354; LXIX, 10:1830-1831, 1964:179, 181-182 [Từ tháng 1-2/1831, sau khi đi mua ngựa ở Tiểu Tây Dương về, Nguyễn Tri Phương được thăng Thị giảng học sĩ, sung biện Nội Các, cùng Trương Đăng Quế gặp sứ Pháp ở Đà Nẵng], LXXIX, 1964:275 [đổi làm viên ngoại lang Nội vụ phủ, thự lang trung]; LXXXIII, 11:1832, 1964:151-:156, LXXXVI, 11:1832, 1964:231 [Gặp sứ Mỹ Roberts ở Vụng Lắm, Phú Yên]; 15:1834b, 1966:334-337.

Tư liệu văn khố nhà Nguyễn, như *Châu Bản Tự Đức, Toát yếu*, [17/1 TĐ XXI [10/2/1868], CB 299:72-74] đã được lược dịch từ nguyên bản chữ nho [Hán ngữ, đọc theo âm Việt] sang quốc ngữ mới dành riêng cho Bộ Chính Trị đảng CSVN trong thập niên 1970-1980, dưới dạng roneo, rồi được in thành sách năm 2003 [2003: 139]. Hiện nay danh số các Châu Bản lưu trữ tại Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia I (Hà Nội), đã được xếp đặt khác đi. [Sẽ dẫn: CBTĐ] Trung tâm Văn Khố Hải Ngoại Pháp có nhiều bản sao châu bản và bản dịch tiếng Pháp. nhưng không được chính xác cho lắm. Một trong những lý do là sự yếu kém của các “nho” [lettré] tại Tòa Khâm sứ Huế làm việc trên văn thư Viện Cơ Mật như Lê Duy Hình, v.. v... Từ thập niên 1890, những thông ngôn địa phương như Ngô Đình Khả, Nguyễn Hữu Bài, Thân Trọng Huề, v.. v.. đã khá hơn. Thư viện Yenching của Đại Học Harvard cũng có một truyền bản *Châu Bản Triều Nguyễn*. Đã có nỗ lực phiên dịch các tư liệu cận kim này sang tiếng Việt mới, do Nhật bảo trợ,

#### A. TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH BẮC KỲ:

Đây là chiếc nôi của cổ Việt—được nhắc đến trong dã sử Trung Hoa như “nước của An Dương Vương.” Quốc sử Việt—chỉ xuất hiện từ khoảng năm 1272, đời Trần (10 [20]/1/1226-23/3/1400)—trích dẫn một số dã sử Trung Hoa và truyền khẩu sử hay cổ tích, theo đó thời An Dương vương (257-207 TTL?) người cổ Việt từng biết lợi dụng thủy triều để cấy lúa, giai cấp cai trị có tước hầu, tướng và vương. Đa số dân cư sống ở các khe núi hay dọc theo bờ suối, để râu tóc dài, có tục xăm mình, nhuộm răng đen. Bởi thế, theo truyền bản *Sử Ký* của Tư Mã Thiên, Zhao Tuo [Triệu Đà] đã riều cọt nói về việc lập “vua cho xứ dân khỏa thân.” Sử quan thời Lê sơ (29/4/1428-12/7/1527) bắt đầu nói đến nhà Hồng Bàng với 18 vua Hùng, bị An Dương Vương Thục Phán cướp nước khoảng năm 258 Trước Tây Lịch [TTL]. Sau đó, Tần Doanh [hay Lã] Chính (224 [221]-210 TTL) sai quân xuống xâm lăng và di dân khoảng 500,000 người xuống phía nam sông Dương Tử (tức Trường Giang), lập nên ba thuộc địa Nam Hải [Nan Hai], Quế Lâm [Gui Lin] và Tượng [Xiang]. Khoảng năm 207 TTL, cự huyện lệnh Long Xuyên, Nam Hải quân, là Triệu Đà [Zhao Tuo, 247-136 TTL] lợi dụng tình trạng loạn lạc ở Trung Hoa, tự lập làm vua Nam Việt [Nam Yue] ở Phiên Ngu (Guangzhou ngày nay). Tượng Quân, trở thành một chư hầu của Nam Việt khoảng năm 198 TTL, hai năm trước ngày Triệu Đà xin qui phục Lưu Bang (Liu Bang, Han Gaozu, 206 [202]-195 TTL)—xung vương với nhà Tây Hán (202 TTL-8 TL), và cống lễ định kỳ, nhưng trong nước vẫn tự xưng Hoàng đế.

Có thuyết cho rằng Cổ Việt là đất Tượng Quân đời Tần (Qin, 224 [221]-207 TTL), sau chia làm hai quận Giao Chỉ [Jiaozhi], Cửu Chân [Jiuzhen], hoặc ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam [Rinan]. Từ đầu thế kỷ XX thuyết này đã bị thách đố, vì quận Tượng đời Tần có thể ở phía bắc Lĩnh Nam. Từ đời Tây Sơn (1778 [1788]-1802), sử quan bắt đầu tách biệt dân khỏi Triệu Đà và nước Nam Việt. Sử Nguyễn, hoàn tất khoảng năm 1884, không xếp các vua họ Triệu vào một kỷ riêng biệt như sử cũ. (5)

5. Về sử Nguyễn, ngày 22/1/1856 [15/12 Ất Mão], Hoàng Nhiệm ra chỉ dụ thành lập ban biên tập *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*. gồm 1 tổng tài, 1 phó, 8 toản tu [khởi thảo nội dung], 6 khảo hiệu [nghiên cứu tài liệu], 8 đăng tả [ghi lại ngày tháng rõ ràng trước khi đưa khắc bản]. Dựa theo *Thông Giám Cương Mục* của Zhou Xi (Chu Hy, Chu Nguyên Hối, 1130-1200). (CMTB, *Quyển thủ, Dch I:1a-2b*, (Sài Gòn: 1960), 1:2-9; (Hà Nội: 1998), I:17-9. Ngày 1/7/1856 [10/6 Bính Thìn [TĐ IX], Tấu nghị của Việt sử cục, *Dch I:2b-9a*, (Sài Gòn: 1960), 1:8-35; (Hà Nội: 1998), I:21-7. Ngày 12/8/1856 [12/7 Bính Thìn [TĐ IX]: Hoàng Nhiệm ra chỉ dụ thứ 2. (CMTB, *Quyển thủ, Dch I:9a-10b*, (Sài Gòn: 1960), 1:34-35; (Hà Nội: 1998), I:29-41. Ngoài ra, tiếp tục cập nhật bộ *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, cùng *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*. Tất cả đều được dịch qua Việt ngữ mới.

Quốc sử Lê chép trong phần Ngoại Kỳ: Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu, nay là khoảng huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Phú. Chữ Hùng bộ Chuy [có nghĩa giống đực, hùng mạnh]. “Hán nhân” Hoàng Nhiệm (Tự Đức) và sử quan Nguyễn như Phan Thanh Giản, Phạm Thận Duật đều đặt nghi vấn về Hùng Vương— Hoàng Nhiệm từng hạ bút phê là “nguru qui, xà thần” —nhưng vì “đại quốc thống” chép Hùng Vương và An Dương vương vào phần *Tiền Biên [TB]* bộ quốc sử Nguyễn—và “tín sử” *Chính Biên [CB]* bắt đầu từ Đinh Bộ Lĩnh (Tiên Hoàng, 968 [?]–979). (Dụ chỉ II, 12/8/1856, DCh 9b, 10b [9b-10b], (Sài Gòn: 1960), 1:36-37, 40-41). Trong số những cổ thư đề cập đến Hùng Vương có *Hoàn vũ ký* [q. 170, tờ 9a, 10a] của Nhạc Sử đời Tống, *Thủy Kinh Chú [Shuijingzhu]* ([TKC] của Li Dao Yuan (Lịch (Lê) Đạo Nguyên, 466 [472]-527) et al. [TKC, ch 37, 7a; *Thủy Kinh Chú Sớ*, ch 37; Mão (2004), tr. 427-28 [An Dương Vương]); *Sử Ký Sách Ấn* của Tư Mã Trinh (tk VII-VIII).

Thực tế, Nhạc Sử chỉ trích dẫn chi tiết “Hùng vương, hùng hầu, hùng tướng, hùng dân, hùng điền” [**Hùng bộ Chuy**; ThC, 745] từ **Nam Việt Chí** của **Thâm Hoài Viễn** (thế kỷ V):

*Đất Giao Chỉ rất màu mỡ, người ta di dân đến ở, chính họ là người đầu tiên khai khẩn đất này. Đất đen và xốp, hơi xông lên mùi hùng. Vì vậy người ta gọi ruộng đó là hùng điền, dân đó là hùng dân. [vua nước đó gọi là Hùng Vương]. . .*

*Phong Châu là quận Thừa Hóa, nước Văn Lang xưa.* (6)

6. *Hoàn Vũ Ký*, q. 170, tờ 9a, 10a [vua nước đó gọi là Hùng Vương]; Henri Maspéro, “Etudes d’histoire d’Annam [Nghiên cứu lịch sử An Nam], IV.

Le Royaume de Van Lang [Vương quốc Văn Lang] ;” *BEFEO*, Vol. XVIII (1918), no. 3:7 [1-10]. [Maspéro, “Van Lang,” 1918].

Trịnh Hùng đời Đường ghi trong *Phiên Ngung tạp ký*: Đất Giao Chỉ nhiều màu mỡ. Xưa có vua là Hùng Vương; tướng văn là Hùng hầu, tướng võ là Hùng tướng. (7)

7. Lê Quý Đôn, *VĐLN*, q. III, “Khu Vũ Loại,” số 66, 1973:147.

Hoàng Sâm [Tham] đời Minh (1368-1644) ghi trong *Giao Quảng Ký* [một sách địa lý về Giao Châu và Quảng Châu]: vua nước Giao Chỉ là “Hùng vương.” Chữ “Hùng” này bộ Chuy; ThC 745; khác với chữ “Hùng” [bộ Hỏa [con gấu, dưng sĩ; ThC 373-74] trong truyền bản *Sử Ký* của Tư Mã Thiên để nói về các vua Sở. Truyền bản *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, *Ngoại Ký* của Ngô Sĩ Liên cũng dẫn sách *Giao Quảng Ký* trên.

Tuy nhiên, Hoàng Sâm lại chép:

“Giao Chỉ có ruộng Lạc, làm mùa theo nước thủy triều lên xuống; người hưởng hoa lợi của ruộng đó gọi là Lạc hầu, các huyện tự xưng là Lạc tướng. [Về sau, con Thục vương đem binh đánh Lạc hầu, tự xưng là An Dương vương, đặt trị sở ở Phong Khê.]”

“*Giao Chỉ hữu lạc điền [Lạc bộ mã], ngưỡng triều thủy thượng hạ, nhân thực kỳ điền, danh vị Lạc hầu, chư huyện tự danh Lạc tướng; hậu Thục vương tử tướng binh thảo Lạc hầu, tự xưng An Dương vương, trị Phong Khê.*” (8)

8. *ĐVSK, NKTT*, I:3ab, Thọ (2009), 1:153; Mạc Bảo Thần-Nhượng Tổng, tr. 70, chú 2; *CMTB*, I:9A (Sài Gòn: 1965), 2:40-1. **Hùng trong sử Nguyễn** [*CMTB*, I:1a, 2b (Sài Gòn: 1965), 2:8-9, 14-5] khác Hùng bộ Hỏa [con gấu, dưng sĩ; Thiệu Chửu, 373-74; chỉ các vua Sở]

Một tác giả Việt nghĩ rằng Hùng vương cùng Lạc tướng, Lạc hầu hay Lạc điền không loại trừ lẫn nhau. Vua của Lạc dân, Lạc tướng, Lạc hầu vẫn có thể mang tước hiệu Hùng Vương.

Một truyền bản *Việt Sử Lược* cũng nhắc đến Hùng Vương—nhưng Hùng Vương này xuất hiện ở bộ Gia Ninh; dùng ảo thuật thu phục được các bộ lạc. Đa số sử quan tự nhận CSVN thừa nhận vua Hùng này. Các nhà khảo cổ cũng dùng tư liệu trên làm khung cho việc diễn dịch những công trình “Lật đất lên, bốn ngàn năm lịch sử.” Bởi vậy, sự hiện hữu của Hùng vương rút lại còn đâu đó từ thế kỷ 12, 11 TTL tới 600 TTL. (9)

9. *Đại Việt Sử Lược* [vô danh]; dẫn trong Maspéro, “Van Lang;” (1918), 3:7 [1-10]; Gaspardone, “Bibliographie annamite [Thư tịch An Nam];” *BEFEO*, số 34 (1934), tr. 126-30; Nguyễn Linh, “Về sự tồn tại của nước Văn Lang,” *Nghiên Cứu Lịch Sử [NCLS]* (Hà Nội), số 112 (7/1968), tr. 20-1 [19-32]. [bảng so sánh huyền thoại Việt và Mường].



Tăng Côn [Zeng Gun], tiết độ sứ Tĩnh Hải Quân từ khoảng 878 tới 880, ghi trong *Việt chí* hay *Giao Châu Ký* [đã tuyệt bản]: Giao Chỉ có Lạc điền, theo nước thủy triều lên xuống. Truyền bản *An Nam Chí Lược* [ANCL] của Lê Tắc chép theo *Giao Châu Ngoại vực Ký*, *Việt chí* “**Lạc** tức **Giao Chỉ**,” và dẫn Lưu Chiêu,: “**Giao Chỉ là nước An Dương, tức đất cũ của Lạc vương.**” (10)

10. ANCL, XI: Triệu Thị thế gia. 1961:187 [Việt]). 113 [Hán], col 8 [**Lạc tức Giao Chỉ**]; I: Cổ tích, 1961:39 [Việt], 24 [Hán], col 19-21, 25 col 1 [**Lạc** [điền, dân, vương, tướng] **bộ Chuy**, ThC 746]; Cao Hùng Trưng [Gao Xiongzhen] cũng ghi trong *An Nam Chí* [Annan zhi]: khi Giao Chỉ chưa bị vua quan Hán chia ra quận huyện, gọi là “nước Văn Lang,” có Lạc điền, Lạc dân, Lạc Vương, Lạc tướng, lấy việc thuần hậu chất phác làm phong tục, dùng giầy thắt nút để cai trị, truyền được 18 đời; CMTB, I:2b-3a, (Sài Gòn: 1965), 2:14-17. **Lạc bộ Mã; Lang bộ “Áp;” Giao Chỉ (Chỉ bộ Phụ)**; Léonard Arousseau, “La première conquête chinoise des pays ananmites;” *Bulletin de l’Ecole Francaise d’Extrême-Orient* [BEFEO], XXIII (1923), pp 213n3, 239-40: nhà Thục tồn tại ba [3] năm; Maspéro: bán thần thoại; Bulletin critique, *T’Oung Pao*, XXIII, 1924, pp 373-79; Đinh Văn Nhật, “Đi tìm quê hương cũ của An Dương Vương Thục Phán.” *NCLS*, số 166 (2/1/1976), tr. 65-83, 87; Nguyễn Linh. “Bàn về nước Thục của Thục Phán.” *NCLS*, 124 (7/1969), tr. 33-51; Idem., “Về sự tồn tại của nước Văn Lang;” *NCLS*, 112 (7/1968), tr 19-32.

*Dư Địa Chí* của Nguyễn Trãi chép: Thục gọi nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê. Ngô Thời Sĩ ghép Tây Âu và Lạc thành một nước “Tây Âu Lạc.” [theo Nhan Sư Cổ]. (11)

11. Lê Quý Đôn, *VĐLN*, q. III, “Khu Vũ Loại,” số 66, 1973:147, nhắc đến *Việt chí* [và *Giao Châu Ký*] [đã tuyệt bản; Maspéro, 1918, 3:6] của Tăng Côn—người thay Cao Tầm [Gao Xun], cháu Cao Biền [Gao Bian], không phải Cao Biền] làm Đô hộ từ 878 tới 880, đời Lý Nghiễm (Đường Hy Tông, 874-888) [không phải “tiết độ sứ đời Ý Tông (860-870) [số 66, 1973:147]. Maspéro tin rằng *Việt Điện U Linh tập* chép lại nhiều đoạn trong *Giao Châu Ký* của Tăng Côn. Maspéro, 1918, 3:6n2. ANCL, q. IV, “Tiền triều chinh thảo;” 1961:91; q.II, “Tiền triều thư mạng;” Ibid.,1961:63 [thư Lưu Hằng [Hán Văn đế, 179-157 TTL] gửi Triệu Đà [Zhao Tuo]; *ĐVSK, NKTT*, II:3b, Thọ (2009), 1:166. [Năm 183 TTL, sau khi Lữ Thái Hậu cấm vận kinh tế [đồ sắt và trâu], Triệu Đà xưng đế, mang quân đánh Trường Sa. Năm 181 TTL, Lữ Thái Hậu sai Chu Táo qua đánh, nhưng thất bại. Triệu Đà nhân cơ hội mở rộng bờ cõi, liên kết với Mân Việt (Min-yue), Tây Âu (Ouxi hay Western Wou) và Lạc (Lo-lo). *Rồi bắt chước các phong tục, lễ nghi của triều Hán*]. Tháng 7 Tân Dậu [179 TTL], Lữ Thái Hậu chết. Lưu Hằng lên ngôi. Sai Lục Giả mang thư sang khuyên Đà bỏ tước đế, lấy Trường Sa làm ranh giới phía nam, Đà đồng ý, viết thư xin nội phụ; *ĐVSK, NKTT*, II:4a-6a, Thọ (2009), 1:166-68; *Dư Địa Chí*, số 9, *NTTT*, 1976:215; *ĐVSKTB*, The (1997), tr. 55.

Nhóm phiên dịch của Đại học Huế cũng dùng **Tây Âu Lạc**; *ANCL*, XI: Triệu Thị thế gia. 1961: 187 [Việt]). 113 [Hán], col 8 [Lạc tức Giao Chi]. Xem chi tiết trong Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Viết Từ Chân Đền Hùng* (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2016)

1. **Hà Nội** gồm 4 phủ, 15 huyện; Đây là nơi đặt phủ trị Giao Châu và An Nam Đô hộ Phủ [*Annan duhufu*] thời Bắc thuộc, và rồi kinh đô Thăng Long của Đại Việt hay An Nam từ đời Lý (21/11/1009-10 [20]/1/1226) tới Lê (29/4/1428-2/2/1789). Ngày 18/8/1010, khi thuyền Lý Công Uân (Thái Tổ, 21/11/1009-31/3/1028) từ Hoa Lư (phủ Trường Yên) cập bến **sông La Thành**, vua tin rằng vàng nhảy lên thuyền, nên đổi tên làm **Thăng Long** [rồng bay lên]. (12)

12. *ĐVSK, BKTT*, II:2a-3a, Thọ (2009), 1:296-97, Giu (1967), I:190-91; *ĐVSKTB*, BK, II:3b, The (1997), tr 193. Nguyễn Trãi, “Dư Địa Chí,” số 11, chú của Nguyễn Thiên Túng; *NTTT* (1976), tr 216; *CMCB*, II:9-10; (Hà Nội: 1998), I:285.

Việc dời đô từ “chiến khu” Hoa Lư ra Thăng Long—trung tâm hành chính, văn hóa vương quốc—có thể do **liên hệ với các cộng đồng Việt gốc Hoa ở Đại La và Luy [Liên] Lâu đã cải thiện**. Thành hình thời Tây Hán (202 TTL-8 TL), cộng đồng Việt gốc Hoa đóng góp không nhỏ trong việc du nhập văn hóa Trung Hoa (Đạo giáo, Không giáo và chế độ phụ hệ), cùng văn hóa In-đi-a (India [Juandu], hay Thiên Trúc [Tianzhou]), điển hình là đạo Phật. (13) Giai tầng trung gian bản xứ, gồm tù trưởng, công tào, lại, thổ binh, v.. v.. cũng có thể muôn thấy một chế độ mới vững chắc, lâu dài. **Giai tầng trung gian mới này đã qua giai đoạn được dạy bảo một thứ tiếng Hán thô vụng, cùng lễ nghi quan cách Hán đơn giản.**

13. Fan Ye [Phạm Việp/Diệp], *Hou Hanshu [Hậu Hán thư]*, Zhuan [Truyện]: tập 88: Xiyu [Tây Nam di] (Fan & Hill, 2009), sections 15 & 28 [bình luận về đạo Phật]; *ĐNTLCB*, I, q XXVII, 3:1802-1808, 1963:246.

Cuộc khởi nghĩa của bà Triệu Thị Trinh (248), Lý Bí/Bôn (542-548) và Lý Phật Tử (Li Fozi, 591-602) trong thế kỷ thứ VI có thể đánh dấu sự hình thành **một tinh thần quốc gia mới sau hơn 500 năm thu nhập và địa phương hoá hai nền văn hoá ngoại nhập Trung Hoa và In-đi-a**. Nhưng có lẽ chỉ từ thế kỷ IX-X, phần do sự xuất hiện của **Nan Zhao [Nam Chiếu]**, phần vì sự suy yếu của nhà Đường (Tang, 618-907), đưa đến thời kỳ Năm Triều Đại, 907-960, dân cổ Việt mới có cơ hội tự giải phóng khỏi ách nô lệ Hán tộc, tự chủ một phương. Năm triều đại **“tiềm thiết”** từ Khúc Thừa Hạo tới Dương Diên [Đình] Nghệ, Kiều Công Tiễn, Ngô Quyền, Dương Tam Kha là giai đoạn chuyển tiếp, giải thực—phần nào thành công nhờ sự suy yếu của chế độ Nam Hán ở Quảng Đông, từ khoảng 906 tới 971. Sau cuộc khởi nghĩa thành công của Dương Diên Nghệ năm 930, Lưu Cung (hay Lưu Nghiễm) từng ngán ngẩm tuyên bố dân Giao Chi “ư làm loạn.” Dầu vậy, cho tới khi Triệu Khuông Dẫn [Zhao Kuangyin] lập nên Bắc Tống (960-1127) những nhà cai trị Việt phải xin thụ phong từ Nam Hán. Mãi tới khoảng 973-975, cha con

Đình Tiên Hoàng mới tham gia guồng máy “thông hiếu” qui tâm về kinh đô Tống ở Khai Phong [Kaifeng]—tự chủ dưới sự “vỗ về” của vua quan Tống.

Trong thời gian bị nhà Minh xâm lược, Hà Nội là phủ lỵ của Giao Châu; thành Thăng Long đổi gọi là Đông Quan, nơi đặt Đô thống sứ ti, Án Sát ti, và Bố chính ti của Giao Chỉ Đô Thống sứ ti (5/7/1407-2/1/1428), cùng bản doanh của Tổng binh đạo quân viễn chinh. Đời Hậu Lê sơ (29/4/1428-12/7/1527), gọi là Đông Kinh; triều Lê Duy Diêu (Hiên Tông, 14/6/1740-10/8/1786) đổi gọi Đông đô, để phân biệt với Tây đô (Thanh Hóa).

Phủ Hoài Đức: phủ lỵ đặt ở phía tây tỉnh thành 7 dặm [khoảng 3.5 cây số], phía đông đến bờ nam sông Nhị, đổi ngạn huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh; phía tây đến địa giới Đan Phượng và Yên Sơn, tỉnh Sơn Tây; phía bắc đến bờ sông Nhị đổi ngạn địa giới huyện Đông Ngàn, Bắc Ninh. Gồm ba huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận và Từ Liêm.

Phủ Thường Tín, 31 dặm [khoảng 15.5 cây số] phía nam tỉnh thành, gồm ba huyện Thượng Phúc, Thanh Trì và Phú Xuyên.

Phủ Ứng Hòa, tây nam tỉnh thành 56 dặm [khoảng 28 cây số], gồm ba huyện Sơn Minh (nay là Ứng Hòa), Hoài An (Ứng Hòa và Mỹ Đức), Chương Đức và Thanh Oai (có thể liên hệ với hương Thanh Oai, nhắc đến năm 1207 triều Lý Long Trát (Cao Tông, 14/8/1175 -16/11/1210).(13)

13. *ĐVSK, BKTT*, IV:25a, Thọ (2009), 1:424; *ĐNNTC*, q XIII: Hà Nội, (1997), 3:169, chú 1 [159-236]. Lê Trắc ghi Long Trát mất ngày 28/6/1212 [28/5 Nhâm Thân]; *ANCL*, XII: Lý Thị thế gia, 1961:207-208.

Phủ Lỵ Nhân, đông nam tỉnh thành 90 dặm [khoảng 45 cây số], tức Sơn Nam thượng đời Lê, gồm năm huyện Kiêm Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, Nam Xang, Bình Lục.

Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh 52,335 người, đời Hường Nhiệm, 60,257. Ruộng đất 393,006 mẫu, ngạch thuế, 245,650 hộ thóc, 202,995 quan tiền, 1276 lạng bạc. Năm 1897, diện tích ruộng Hà Nội, 275,300 mẫu; Hà Nam, 157,229 mẫu. (14)

14. *ĐNNTC*, q XIII: Hà Nội, (1997), 3:178-179 [159-236].

Nổi danh là đất ngàn năm văn vật, với hai biểu tượng núi Nùng [chỗ xây thành nhà Lý], sông Nhị.

Năm 1802 Thăng Long là trị sở Tổng trấn Bắc thành. Tháng 8-9/1805, Nguyễn Phước Chung (Gia Long) đổi chữ "Long" [bộ Long, Thiệu Chử, 816 và 817] là “rồng” thành chữ Long [bộ Phụ, Thiệu Chử, 739] là “đầy tràn, thịnh vượng.” Đồng thời, đổi phủ Phụng Thiên làm phủ Hoài Đức, huyện Quảng Đức làm Vĩnh Thuận (nội thành hiện nay). (15)

15. Nguyễn Trãi, “Dư Địa Chí,” số 11, chú của Nguyễn Thiên Túng; *NTTT* (1976), tr. 216; *ĐVSK, BKTT*, II:2b-3a, Thọ (2009), 1:296-97; *ĐVSKTB*, BK, II:3b, Thọ (1997), tr 194; *CMCB*, II:9-10; (Hà Nội: 1998), I:285. *ĐNTLCB*, I, q XXVII, 3:1802-1808,1963:246;



Năm 1888, Hà Nội trở thành nhượng địa của Pháp. Lãnh thổ còn lại thuộc tỉnh Hà Đông mới lập, tỉnh lỵ ở Cầu Đơ; phủ Lý Nhân thành tỉnh Hà Nam. (16)

16. *ĐNNTC*, q XIII: Hà Nội (1997), 3:162, chú 1. [159-236]; *ĐNTLCB*, I, XVIII, 3:1802-1808, 1963:80-82;

2. **Ninh Bình**, (Phủ Hoài Đức, thêm trấn Sơn Nam) gồm 2 phủ, Yên Khánh và Nho Quan, 7 huyện (Yên Khánh, Gia Viễn, Yên Mô, Kim Sơn [do Nguyễn Công Trứ mộ dân lập nên], Phụng Hóa, An Hóa, Yên Lạc [Lạc Thổ]. Tháng 5-6/1836, đặt thổ quan trong ba huyện Phụng Hóa, An Hóa và Lạc Thổ. (17)

17. *ĐNNTC*, q XIV: Ninh Bình (1997), 3:245 [237-284].

Nhà Đinh (968?-980) và Tiền Lê (980-1009) đặt kinh đô ở Hoa Lư, phủ Trường Yên. Đây là khu vực núi đá vôi ở huyện Gia Viễn, phía tây bắc tỉnh lỵ Ninh Bình từ 17 tới 30 cây số. Các nhà khảo cổ đã phát hiện một số di tích về kinh thành Hoa Lư, cùng sinh hoạt Phật Giáo Đại Việt sơ khởi thời tự chủ, trước khi bị Hán hóa lần thứ hai, thứ ba đời Trần, rồi thời Minh thuộc.

Một số gạch khai quật ở di chỉ khảo cổ Hoa Lư-Ninh Bình và thành Thăng Long có đóng dấu “**Đại Việt quốc quân thành chuyên**” [gạch xây thành quân sự của nước Đại Việt]. Giới khảo cổ học VN cho rằng các di vật trên có lẽ được nung đúc vào cuối thế kỷ X đầu thế kỷ XI—tức trong khoảng nhà Đinh, Lê, Lý. Bia đá “Sùng Thiện Diên Linh tháp bi” do Nguyễn Công Bật soạn năm 1121 [đời Lý Càn Đức, 1/2/1072-15/1/1128] cũng ghi “Đại Việt quốc, đời vua thứ tư.”

Theo sử văn cổ điển, mãi tới ngày 3/11/1054, Thái tử Lý Nhật Tôn (1030-1072) lên ngôi, tức Thánh Tông (3/11/1054-1/2/1072), mới đặt quốc hiệu là **Đại Việt**. (18)

18. *ĐVSK, BKTT*, II:39b; Thọ et al. (2009), 1:341.

都居之以其勢狹隘又無設險之利復都嘉閭

今嘉興

戊辰元年

宋得寶元年

帝即位建國號大曆越徙京邑于

嘉閭洞肇新都築城鑿池起宮殿制朝儀羣臣

上尊親曰大勝明皇帝帝欲以威制天下乃置大

集于庭養猛虎于檻下令曰有違者受烹菹之罪

人者畏服無有犯者

黎文休曰先皇以過人之才明蓋世之勇畧

當我越無主羣雄割據之寺一舉而十二使

君盡服其闕國建都改稱皇帝置百官言二

*Mậu Thìn nguyên niên- Tống Khai Bảo nguyên niên, Đế tức vị, Kiến quốc hiệu Đại Cồ [Cù] Việt” [Mậu Thìn năm thứ I [968]. Tống Khai Bảo năm thứ nhất. Đế lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ [Cù] Việt], [cột 2]*

### **NHÀ LÝ (21/11/1009-10 [20]/1/1226)**

1. Lý Công Uẩn (Thái Tổ, 21/11/1009-31/3/1028)
2. Lý Phật Mã / Lý Đức Chính (Thái Tông, 1/4/1028 - 3/11/1054)
3. Lý Nhật Tôn (Thánh Tông, 3/11/1054- 1/2/1072)
4. Lý Càn Đức (Nhân Tông, 1/2/1072 –[16/11/1127] 15/1/1128 ),
5. Lý Dương Hoán (Thần Tông, [16/11/1127?] 15/1/1128 - 31/10/1138)
6. Lý Thiên Tộ (Anh Tông, 5/11/1138 -14/8/1175)
7. Lý Long Trát/Cán (Cao Tông, 14/8/1175 -16/11/1210 [20/6/1212?])
8. Lý Hạo Sảm (Huệ Tông, 16/11/1210 -11-12/1224)
9. Lý Phật Kim/Thiên Hình (Chiêu Hoàng, 11-12/1224-10 [20]/1/1226).

Như thế, quốc hiệu Đại Việt của nhà Lý, chép vào quốc sử Lê, từng thực sự hiện hữu. Nhưng nên lưu ý, năm 917, Nam Hải vương Lưu Nghiễm ở Phiên Ngung xưng đế, từng lấy quốc hiệu **Đại Việt**, sau đổi thành **Nam Hán**; (19)

19. ĐVSKTB, NK VII:1a, The et al. (1997), tr 137; Trịnh Khắc Mạnh, “Bước đầu tìm hiểu những giá trị của văn bia Việt Nam đối với việc nghiên cứu tư tưởng chính trị xã hội nước ta thời phong kiến;” Tạp chí Hán Nôm số 2 (1998).

Phong tục dân phủ Yên Khánh văn nhã; trong phủ Nho Quan, phân nửa là người thiểu số như Mường, Lào. Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh hơn 9,100 người, Ruộng đất 132,855 mẫu, ngạch thuế, 99,404 hộ thóc, 58,339 quan tiền, 7 lạng bạc. Đời Hường Nhiệm, 31,092 đinh. diện tích ruộng 145,629 mẫu; ngạch thuế, 103,394 hộ thóc, 35,208 quan tiền, (20)

20. ĐNNTC, q XIV: Ninh Bình (1997), 3:239-244, 247 [237-284].

Tín đồ Ki-tô khá đông ở vùng ven biển như Bùi Chu. Một trong những tín đồ Ki-tô nổi danh là Trần Văn Triêm, hay Trần Lục (Cha Sáu). Bị tập trung cải tạo đến năm 1862 mới được phóng thích. Người tín cẩn của Giám Mục Paul Puginier từ năm 1868.

3. **Nam Định**, 4 phủ Thiên Trường, Kiến Xương, Nghĩa Hưng, Thái Bình, 17 huyện (Giao Thủy, Nam Chân, Thượng Nguyên, Mỹ Lộc, v.. v..). Đời Lê là trấn Thiên Trường [Sơn Nam], gồm 11 phủ, 42 huyện.(21)

21. ĐNNTC, q XVI: Nam Định (1997), 3: 324-333 [321-362]; CMCB, XXI:16, 18, 25-26; (1998), I:1073, 1075, 1083-1084 [1073-1091]).

**Thôn Tức Mặc** (sau đổi thành làng, hương, rồi phủ Thiên Trường) là đất khai nghiệp nhà Trần (10 [20]/1/1226-23/3/1400). Các tài liệu sử cũ thường ghi sai là lễ

truyền ngôi cho Trần Nhật Cảnh diễn ra năm 1225—quên một điều cơ bản là tháng 12 lịch ta thường tương đương tháng 1 Tây lịch. (22)

22. Xem “Phụ Bản III: Nhà Trần (10 [20]/1/1226-23/3/1400),” trong Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đổ Vũ, *Nhục Hận Biển Đông Nam Á: Kiện Hay Không Kiện?*, 2 tập (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2015), tập I, tr 265-353.

Phủ Kiến Xương, Vũ Tiên, Thư Trì, Chân Định, Tiền Hải sau đổi thành thành **Thái Bình**. (23)

23. *ĐNNTC*, q XVI: Nam Định (1997), 3:326-327.

Thành tỉnh chu vi 3530.61 mét (830 trượng [3,527.5], 7 thước [2.975m], 3 tấc [.13 m]), cao 5.95 m (1 trượng, 2 thước, 2 tấc), mở 4 cửa, hào rộng 25.5 m (6 trượng), sâu 2.55m (6 thước), ở địa phận hai xã Tứ Mặc và Năng Tĩnh, huyện Mỹ Lộc). Năm 1833, xây bằng gạch. Đồi Nguyễn Phước Đám, số đinh hơn 58,003 người, Ruộng đất 515,774 mẫu, ngạch thuế, 40,712 hộ thóc, 236,489 quan tiền, 172 lạng bạc. Đồi Hường Nhiệm, đinh 70,898; diện tích ruộng 145,629 mẫu; ngạch thuế, 103,394 hộ thóc, 35,208 quan tiền, (24).

24. *ĐNNTC*, q XVI: Nam Định (1997), 3:334, 338 [321-362].

Ngã ba Hoàng Giang ở phía đông bắc tỉnh thành, nước từ sông Nhị chảy xuống, tới địa phận xã Đại Hoàng, chia làm hai chi. một chi chảy về hướng tây, tức sông Vị Hoàng, thông tới cửa Đại An đã bị lấp, một chi đổ ra cửa Ba Lát, phía nam huyện Chân Định; (25)

25. *ĐNNTC*, q XVI: Nam Định (1997), 3:340-341 [321-362].

Nam Định là tỉnh đông giáo dân Ki-tô nhất—Trong 4 phủ, 18 huyện, “chỉ có Tiền Hải mới đặt không theo “Gia-tô tả đạo,” còn 17 huyện, 257 xã thôn, đặt 39 “tổng giáo.” (26)

26. *ĐNTLCB*, II, 19:1837, 1968:249-50; 20:1838, 1968:192.

Hàng trăm người bị an trí, lưu đầy hay khắc chữ học Hoa Lan đạo lên mặt. Hàng ngàn người khác phải chịu cưỡng bách tòng quân.

Song song với việc trừng phạt, Nguyễn Phước Đám thuận cho Tổng đốc Nam Định/Hung-Yên Lê Văn Đức lập chức **Tổng giáo** tại các huyện có người theo đạo Ki-tô để dạy bảo. Tổng giáo chuyên dạy 10 điều huấn dụ, tức Thánh Dụ Thập Điều; sau đến đạo lý Nho gia. Mặc dù giữ được tổng số giáo dân Ki-tô dưới 5 phần trăm dân số, giống những người cai trị tiền triều, Nguyễn Phước Đám khó thể tiêu diệt được tín đồ của một tôn giáo mới, có tổ chức chặt chẽ của Tây Âu, đã trải qua nhiều đợt thanh trừ, đánh phá của các giai tầng cai trị.

Cộng đồng người Hoa khá đông, nên thương mại phát đạt. Thập niên 1870, Nam Định là một kho chứa hàng quan trọng của Nha Tuần Tái, do Bùi Viện (1837-1878) làm quản đốc. Một số tác giả tưởng lầm Bùi Viện phụ trách “Thương

chính”—tức thu thuế tàu buôn; nên ngủ mơ thấy Bùi Viện hai lần qua Mỹ, cầu viện Tổng thống Ulysse Grant.

4. **Hung Yên**, (Phủ Khoái Châu, Sơn Nam, và Tiên Hưng, Nam Định, cũ) 2 phủ, 8 huyện; (27)

27. *ĐNNTC*, q XV: Hung Yên (1997), 3:286 (Sơn Nam thượng và hạ; Chu Diên đời Hán), 296 (sông Đuống tức Phố Đà hay Đà Lỗ), 296-97, 306 (sông Luộc, tây bắc huyện Hưng Nhân 7 lí) [285-320].

Thế kỷ XVII, người Âu Châu, đặc biệt là thương gia Dutch [Hòa Lan], đã lập chợ buôn bán Phố Hiến ở Hưng Yên trong thời gian Trịnh-Nguyễn tranh hùng. Các công ty Bri-tên cũng hoạt động ở đây.

Đời Nguyễn Phước Đảm, số đinh 16,604 người, đời Hường Nhiệm, 16,730. Ruộng đất 200,796 mẫu, ngạch thuế, 145,517 hộ thóc, 119,650 quan tiền, 7,036 lạng bạc. (28)

28. *ĐNNTC*, q XV: Hung Yên (1997), 3: 295-296 [285-320].

5. **Hải Dương [Nam Sách]**: 4 phủ, 18 huyện. Đời Lê gồm Thượng Hồng (Đường Hào, Đường An, Cẩm Giàng), Hạ Hồng (Gia Phúc, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Vĩnh Lại), Nam Sách (Thanh Hà, Thanh Lâm, Tiên Ninh, Chí Linh), Kinh Môn (Giáp Sơn, Đông Triều, An Lão, Nghi Dương, Kiêm Thành, Thủy Đường, An Đường).

Ngày 10/1/1718 [9/12 Đinh Dậu]: An Đô vương Trịnh Cương (25/6/1709 [18/5 Kỷ Sửu]-1729) cho người Thanh cư ngụ tại Hải Dương (Mao Điền), Thái Nguyên (Bắc Kạn), Lạng Sơn (phố Kỳ Lừa), An Quảng (phố Vạn Ninh), Cao Bằng (Mục Mã). (*LTTK*, I:269-270)

Qui định số thợ mỏ: Lớn, 300; vừa, 200; nhỏ: 100 trở xuống. (*LTTK*, I:270) Nhưng cho lệnh người Thanh phải theo phong tục người Việt. Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh hơn 23,900 người, đời Hường Nhiệm, 70,898. Ruộng đất 425,547 mẫu, ngạch thuế, 260,319 hộ thóc, 154,417 quan tiền, 2,840 lạng bạc. (29)

29. *ĐNNTC*, q XVII: Hải Dương (1997), 3:392-393 [373-466]; tỉnh Kiến An, Hải Phòng; 3:376. *CMCB*, XXI:16, 18, 24-25; XXXV:7, (Hà Nội: 1998), I:1073, 1075, 1082-1083) II:397; *LTTK*, I:269-270; *ĐNTLTB*, VIII, 1962:169.

Thành phố cảng Hải Phòng ngày nay trong thập niên 1860 chỉ có ít làng chài lưới nghèo nàn.. Tháng 11-12/1866, Hường Nhiệm đặt sở thuế quan Nhu Viễn ở cửa Cẩm, theo lời xin của các chủ thuyền Thanh, đã giúp đánh dẹp. Miễn thuế 5 năm cho 69 thuyền có công. (30)

30. *ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31: 1866-1869, 1974:81 [11-12/1866].

6. **Bắc Ninh**: 4 phủ, 20 huyện. (Bắc Giang [Kinh Bắc]: 4 phủ, 19 huyện).

Nằm về phía bắc sông Nhị, Bắc Ninh trở thành một trung tâm văn hóa cổ thời của Việt Nam, cũng là quê hương của Lý Công Uẩn, vua khai nghiệp nhà Lý.



Ngoài những ngôi chùa cổ kính như chùa Dâu, Bắc Ninh còn được coi như cố đô của An Dương Vương (thành Cổ Loa).

Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh hơn 43,900 người, đời Hường Nhiệm, 45,273. Ruộng đất 450,103 mẫu, ngạch thuế, 274,443 hộ thóc, 157,199 quan tiền, 7 lạng vàng, 1,360 lạng bạc. Năm 1897, ruộng đất 271,584 mẫu, 8 sào, 2 thước; Bắc Giang, 99,205 mẫu. (31)

31. *ĐNNTC*, q XIX: Bắc Ninh (1997), 4:73-74 [53-152].

(Bộ Vũ Ninh đời Hùng Vương; đời Hán là Luy Lô và Long Biên (Giao Chỉ); Bắc Giang thời Tiền Lê; Gia Lâm đời Lý; Bắc Giang hay lộ Kinh Bắc đời Trần; Bắc Giang và Lạng Giang thời Minh thuộc; 4:54 (sông Nguyệt Đức tức sông Cầu, sông Thiên Đức, tức sông Đuống, Nhật Đức tức sông Thương), 82-3, 84-5 (sông Lục Đầu, nước ba sông Nguyệt Đức tức sông Cầu, Thiên Đức, tức sông Đuống, Nhật Đức tức sông Thương, đổ vào sông Phan tỉnh Hải Dương; (Cổ Loa), 91 (giếng cổ Minh Châu), 93-4 (Nguyễn Thiên Tích, huyện Tiên Du), 119 (Nguyễn Thiên Túng, huyện Đông Ngàn) 120. Lưu Triệt sai Lộ Bác Đức đánh Nam Việt năm Nguyên Đinh 6 [111 TTL]; *Shiji [Sử Ký]*, q. 113, tờ 6a; *Tiền Hán Thư*, q. VI, tờ 15b-16b;

Thời Pháp thuộc, chia lập thêm ba tỉnh Vĩnh Yên (1899), Phú Thọ và Phúc Yên (1905). Phúc Yên gồm ba huyện Đông Anh, Kim Anh, Đa Phúc, cách Hà Nội khoảng 28 cây số. Phú Thọ nằm về phía tây, trên bờ sông Thao. Pháp lấy Đoan Hùng, Lâm Thao của Sơn Tây, hợp với Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn và Yên của Hưng Hóa thành Phú Thọ. Cách Hà Nội 90 cây số, Yên Bái, 67 km. (32)

Sau 1975, Phúc Yên hợp cùng Vĩnh Yên và Phú Thọ thành tỉnh Vĩnh Phú; tỉnh lỵ là Việt Trì, một thành phố công nghiệp, lập nên khoảng năm 1954 ở ngã ba sông Hồng và sông Lô, cách Hà Nội 84 cây số. Núi đền Hùng hay Nghĩa Lĩnh ở về phía tây Việt Trì khoảng 15 cây số (cây số 95.5 đường số 2, rẽ hướng tây, 2 cây số).

32. *ĐNNTC*, q XXI: Sơn Tây (1997), 4:186, chú 1 [183-264].

7. **Sơn Tây:** 5 phủ, 22 huyện (Đời Lê: Quốc Oai [Sơn Tây]: 6 phủ, 24 huyện). Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh hơn 35,400 người, đời Hường Nhiệm, 44,302. Ruộng đất 323,098 mẫu, ngạch thuế, 165,905 hộ thóc, 215,392 quan tiền, 8,413 lạng bạc. (33)

33. *ĐNNTC*, q XXI: Sơn Tây (1997), 4: 210 [183-264].

Sơn Tây từng là ranh giới giữa châu thổ và man di. Năm 1224, theo truyền bản ANCL, Trần Thừa đã xin Lý Hạo Sảm gả công chúa Lý Phật Kim cho con trai thứ tư mình là Trần Nhật Cảnh như một phần thưởng cho việc dẹp yên giặc Kim Thiên đại vương” Nguyễn Niên ở Quốc Oai. (34)

34. ANCL, XII: Lý Thị thế gia, 1961:208.

Hiện nay, hợp với Hà Đông thành Hà Tây.

8. **Quảng Yên:** 1 phủ, 3 huyện, 3 châu (Vạn Ninh, Vân Đồn, Tiên Yên). Thị trấn Móng Cái ở cực đông tỉnh đối ngạn Đông Hưng của Trung Hoa. Đồi Lê Tu Thành, An Bang còn bị coi như vùng nước độc, chỗ an trí các tội nhân bị lưu đây.

Là tỉnh duyên hải giáp ranh Trung Hoa, cư dân gồm người Nùng, Kinh và Hoa. Phía Đông và Nam có nhiều quặng than tốt, do người Thanh lãnh trưng. Dòng sông Bạch Đằng chia đôi lãnh thổ Quảng Ninh và Hải Dương là một địa danh lịch sử—nơi quân xâm lược Nam Hán, Tống và Mông Cổ nhiều lần thảm bại vào các năm 938 (Ngô Quyền), 982 (Lê Hoàn), 1285 và 1288 (Hung Đạo Vương).

Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh hơn 2,100 người, đời Hùng Nghiệp, 2,098. Ruộng đất 6,887 mẫu, ngạch thuế, 1,072 hộ thóc, 8,644 quan tiền, 1,500 lạng bạc. (35)

35. *ĐNNTC*, q XVIII: Quảng Yên (1997), 4:16 [5-52]. Lập tỉnh Hải Ninh.

Pháp đặt vào Khu quân đạo [military zone] thứ nhất.

9. **Thái Nguyên:** 2 phủ, 9 huyện, 2 châu. (Thái Nguyên [Ninh Sóc]: 3 phủ, 8 huyện, 7 châu. (36) Tỉnh lỵ ở phía bắc Hà Nội, 79 cây số đường số 3.

36 *ĐNNTC*, q XX: Thái Nguyên (1997), 4:153-172; *CMCB*, XXI:16-35; (Hà Nội: 1998), I:1073-1091.

Bốn rặng núi lớn là Tam Đảo, Pia Blốc, Nà Rì, Pia Ouac. Sông lớn có sông Cầu (lưu thông tốt từ Đáp Cầu đến Chợ Mới), sông Năng, chảy lên phía bắc vùng Chợ Rã; sông Đáy đổ vào sông Lô, trên Bạch Hạc. Người Tày [Thổ] đông nhất. Sau đến người Kinh (ở đồng bằng), Dao (ở Tam Đảo và phía bắc, đặc biệt là Chợ Rã, hồ Ba Bể), Cao Lạn. Có nhiều mỏ, như kẽm ở Lang Hít,

Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh hơn 6,700 người, đời Hùng Nghiệp, 9,461. Ruộng đất 59,507 mẫu, ngạch thuế, 13,705 hộ thóc, 23,848 quan tiền, 57 lạng vàng, 2,168 lạng bạc. (37)

37. *ĐNNTC*, q XX: Thái Nguyên (1997), 4:165 [153-172].

Năm 1900, đổi phủ Thông Hóa thành tỉnh Bắc Kạn, phía bắc Hà Nội, 165 cây số đường số 3. (38) Tỉnh lỵ Thái Nguyên cách Hà Nội 86 cây số đường số 3.

38. *ĐNNTC*, q XX: Thái Nguyên (1997), 4:155.

Tương đương với lãnh thổ Bắc Thái hiện nay. (khoảng 8,600 cây số vuông. Có trung tâm gang thép Thái Nguyên.

10. **Tuyên Quang:** 1 phủ [Yên Bình], 1 huyện [Hàm Yên], 5 châu [Vị Xuyên, Thu Châu, Đại Man, Lục Yên, Bảo Lạc]. (37)

37. *ĐNNTC*, q XXIII: Tuyên Quang (1997), 4:333-364;

Tháng Giêng [5/2-6/3/1723]: Năm Bảo Thái thứ 4 [Lê Du Tông, 1723], Tổng đốc Quảng Tây chỉ thị cho thổ quan châu Tư Lăng Vi Thế Hoa trả cho Vi Phúc Kiêm, thổ quan châu Lộc Bình, 400 lạng bạc, đổi lấy đất Na Oa. (*ĐNNTC*, (1997), 4:366-367. *Cương Mục ghi là 4,000 lạng bạc*; XXXIV:24; (Hà Nội: 1998), II:361-362)

Tháng Hai [15/3-12/4/1725], Tuần phủ Quảng Tây tu bổ Trấn Nam Quan. Đến cuối năm mới xong. Năm 1760, khi đi sứ Thanh báo tin cái chết của Lê Thuận Tông, Quý Đôn đã chép được bài bia này, và bài bia “Tuần duyệt An Nam biên ải ký” của Án sát Quảng Tây Hoàng Nhạc Mục. (Lý Công Phất, “Trùng tu An Nam ký,” (1725), Lê Quý Đôn, *Vân Đài Luận Ngữ*, bản dịch Phạm Vũ, Lê Hiền (Sài Gòn: 1972), tr. 160-62). *Ibid.*, 162-65)]

Tháng Ba **Đinh Mùi [21/4-20/5/1727]:**

Tháng Ba **nhuận Đinh Mùi [Thanh, 21/4-20/5/1727]**, lấy sông Đổ Chú [Douzhou] [chảy vào sông Chảy [Lôi hà], một phụ lưu của sông Lô [Claire] làm ranh giới. Đòi Nguyễn Phước Đảm tô đắp lại.

38. *CMCB*, XXXIV:20b-21b, 40, 42a-44b; XXXV:20b, XXXVI:29; XXXVII:3b-7b (Hà Nội: 1998), II:357-358, 379-382, 466-470; *ĐNNTC*, q XXIII: Tuyên Quang (1997), 4:353-354 [333-364].

Ngày 9 [11]/10/1728 [7/9 Mậu Thân, năm Ung Chính 6], sau khi Ái Tân Giác La Dẫn Chân (Thế Tông, 1723-1735) thuận trả lại Đại Việt mỏ Tụ Long, quan Việt và Thanh đặt bia đá giới mốc “châu Vị Xuyên, Tuyên Quang” trên bờ sông Đổ Chú, huyện Vĩnh Tuy.

Năm 1831, Minh Mạng cho lệnh làm lại bia, khắc thêm văn bia nhà Thanh như sau:

Ngày 9 [11]/10/1728 [7/9 Mậu Thân] Ngô Sĩ Côn, Tri phủ Khai Hoá và Vương Võ Đẳng, Du kích trung dinh trấn Khai Hóa, bàn định biên giới với đại diện “Giao Chỉ” là Nguyễn Huy Nhuận [tả thị lang bộ Binh, và tể tửu Nguyễn Công Thái], đồng ý dựng bia biên giới ngày 22/10/1728 [18/9 Mậu Thân, theo lịch VN], lấy sông Đổ Chú làm căn cứ. (*ĐNNTC*, (1997),4:353-354; *MCB*, XXXVI:4-7; (Hà Nội : 1998), II: 466-70)

Đòi Nguyễn Phước Chung, số đinh hơn 3,831 người, đòi Hường Nhiệm, 4,179. Ruộng đất 16,157 mẫu, ngạch thuế, 4,118 hộ thóc, 16,450 quan tiền, 550 lạng vàng, 5,110 lạng bạc. (39)

39. *ĐNNTC*, q XXIII: Tuyên Quang (1997), 4:343 [333-364].

Đáng ghi nhận là năm 1887, chính phủ Bảo hộ Pháp đã tiếp tay thổ quan phủ Khai Hóa, Vân Nam, lấy lại mỏ đồng Tụ Long được Khang Hy trả lại chúa Trịnh Cương năm 1728, và như thế, ngoài việc chiếm ba động [cantons] Ngưu Dương, Hồ Diệp và Phó Viên thuộc châu [district] Vị Xuyên, nhà Thanh còn xâm lấn nhiều đất đai hơn nữa ở châu Thủy Vỹ, Bảo Lạc. [Năm 1690, Trịnh Căn sai Nguyễn Danh Nho đi sứ Thanh khiếu nại, nhưng việc không thành. Năm 1697, sứ đoàn Nguyễn Đăng Đạo cũng không thuyết phục được vua Khang Hy.

Năm 1891, Pháp chia làm Hà Giang và Tuyên Quang. (4:336, chú 1). Từ Hà Nội, nếu đi đường số 2, 164 cây số tới Tuyên Quang; 317 cây số, Hà Giang. Hà Giang đi Đồng Văn, 146 cây số, Mèo Vạc, 168 cây số. Từ Hà Giang đi hướng tây bắc, men sông Lô, tới Thanh Thủy, 20 cây số; thêm 3 cây số, tới biên giới Vân Nam.

Hà Giang cũng là thủ phủ của Khu Quản Đạo thứ ba thời Pháp thuộc.

Năm 1945, Nguyễn Sinh Côn theo lực lượng quân báo Mỹ xuống Kim Lộng, huyện Sơn Dương, lập mật khu chống Nhật. Toán OSS Mỹ Con Nai [The Deer Team] của Thiếu tá Thomas đã nhảy dù xuống Kim Lộng, huấn luyện khoảng 100 lính Việt Minh, tiến vào Hà Nội tháng 8/1945.

Từ 1976, Hà Giang và Tuyên Quang hợp thành Hà Tuyên. Sáu huyện thuộc vùng cao, 7 huyện thuộc vùng thấp: Vị Xuyên, Bắc Quang, Nà Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương. Hai sông chính là Lô và Gâm.

**11. Lạng Sơn:** 1 phủ, 7 châu. [không đối so với nhà Lê],

Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh hơn 5,300 người, đời Hùng Nhiệm, 7,491. Ruộng đất 7,664 mẫu, ngạch thuế, 4,490 hộc thóc, 10,834 quan tiền, 2 lượng, 9 đồng, 2 phân vàng, 2,024 lượng bạc. (40)

40. *ĐNNTC*, q XXIV: Lạng Sơn (1997), 4:375-376 [365-400].

Dân chúng thường ở nhà sàn, lợp ngói, vách ván.

Đây là một tỉnh biên giới, có nhiều đèo, ải thông với Trung Hoa, như Ải Du Thôn, cửa Thủy Khâu (sang Long Châu, Quảng Tây). Ải lớn nhất là Trấn Nam Quan của nhà Minh, xây năm 1539-1540 triều Chu Hậu Tông (Minh Thế Tông, 27/5/1521-23/1/1567). để chuẩn bị lễ cha con, ông cháu Mạc Đăng Dung tự trối, đầu hàng, cắt đất và dâng nộp sổ sách, bản đồ “An Nam đô thống sứ ti”—đôi lấy chức thổ quan Đô thống sứ ti, tòng nhị phẩm, có thể cha truyền con nối nếu đích thân tới Trấn Nam Quan làm lễ sắc phong, Mạc Đăng Doanh đột ngột chết năm 1540 (vì sét đánh trước khi làm lễ; Mạc Đăng Dung chết năm 1541 trước khi Chu Hậu Tông ban phong, nên năm 1542 Mạc Phúc Hải nhận ấn tín cho ông nội, rồi chính mình. Mạc Phúc Nguyên không đến biên giới làm lễ, nên không được chính thức sắc phong. Mạc Mậu Hợp được sắc phong, nhưng phải trả công lễ thiếu rất nặng nề; trong khi Lê Ninh, rồi Lê Duy Đàm, được giữ bốn phủ hương hỏa ở Thanh Hóa, và anh em Vũ Văn Uyên-Vũ Văn Mật làm chúa Bàu ở Đại Đồng, Tuyên Quang, dưới sự kiểm soát của Vân Nam phiên ti.

Trấn Nam Quan ở về phía tây nam châu Bằng Tường, phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây nhà Thanh.. Chỉ được ghi vào sử từ đời Mạc Đăng Doanh [1539-1540].

(*CMCB*, XXVII:35; (Hà Nội: 1998), II:117; *ĐNNTC*, (1997), 4:384-86)

Theo tin quân sự Pháp thế kỷ XIX, từ Đồng Đăng tới biên giới hai [2] cây số, 800 mét; từ biên giới tới châu lỵ Bằng Tường, phủ Tư Minh, khoảng mười [10] cây số; Nguyễn Vũ, *Ngàn Năm Soi Mặt* (Houston, TX: Văn Hóa, 2002), tr 308-309 [có phóng đồ từ Văn khố Lục quân Pháp năm 1885-1887]

[Ngày 30/11/1540: MĐD qua Trấn Nam Quan tự trời quì lạy, cắt đất đầu hang Mạc Bá Ôn], *Ming shi-lu*, Shizong, (Wade, NUS data base), juan 248:1b-5a; MSL, record 2782, vol 82, pp 4966/73; *CMCB*, XXVII:35-38; (Hà Nội: 1998), II:113-18 [11/9/1541, MĐD chết], 118 [Chu Hậu Tổng đặt An Nam Đô Thống Sứ Ti; đặt 13 tuyên phủ sứ], 118-20 [19/1/1543 Phúc Hải [Mo Fu-hai] làm An Nam Đô Thống Sứ Ti Đô thống sứ; 121-22

*“Ái Du Thôn”*: cách tỉnh Lạng Sơn 30 dặm về phía Bắc. Đi đường núi tới Trấn Nam Quan khoảng 2 canh giờ rưỡi [5 tiếng đồng hồ].

*Quí Môn*: xã Chi Lăng, châu Ôn. [Có lẽ không phải Quí Môn Quan ghi trong sách Tàu, như Nhạc Sử, Thái Bình Hoàn Vũ Ký. Xem Lê Quý Đôn, *Vân Đài Luận Ngữ*, q. 3, Khu Vũ Loại, số 62, (Sài Gòn: 1973), tr 145-46, too]. [IV:387]

Tháng 4-5/1597, nhà Minh sai bọn Vương Kiến Lập viết thư xúc tiến việc hội khám. Ngày 13/5/1597, Lê Duy Đàm cùng bọn Hoàng Đình Chi, Thái úy Nguyễn Hoàng và Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đồ cùng hơn 5 vạn quân, có voi ngựa tới Trấn Nam Quan. Vương Kiến Lập thắp tùng. Ngày 26/5, cùng Trần Đôn Lâm vượt qua Trấn Nam Quan, đề hạp với quan tướng nhà Minh trên đất Bằng Tường, Quảng Tây, hội khám. Bàn định xong việc giao hảo. (*Thông sử*, Long (1978), tr 372; *ĐVSK, BKTB*, XVII:58b, Lâu & Long (2009), 3:239-40, Giu (1967), 3:214-15; *CMCB*, XXX:19; (Hà Nội: 1998), II:214-15) (*Tượng vàng cúi đầu*)

Ngày 4/6/1597 Lê Duy Đàm về đến Hà Nội. Ngày 9/6/1597, Công bộ thượng thư Phùng Khắc Khoan và Nguyễn Nhân Thiêm mang cống vật qua Bắc Kinh. Tháng 11/1598, Phùng Khắc Khoan tới Bắc Kinh. Nhân gặp tiết vạn thọ của Dục Quân (Minh Thần Tông, 1573-1621), Khắc Khoan viết 30 bài thơ chúc mừng. Dục Quân vui lắm, sai khắc bản in, cho sứ Cao Ly Lý Toái Quang viết tựa. (*ĐVSK, BKTB*, XVII:59-60, Lâu & Long (2009), 3:239-40, Giu (1967), 3:214-15, 225; *CMCB*, XXX:19; (Hà Nội: 1998), II:214-15)

**Ngày 25/11/1597, Chu Dục Quân phong Lê Duy Đàm (Thế Tông, 2/2/1573-12/10/1599) làm An Nam Đô thống sứ ti Đô thống sứ.** [commander of the Annam Commandery]. Ngày 2/1/1599 [6/12 Mậu Tuất], Phùng Khắc Khoan rời Bắc Kinh về nước. Mang theo sắc phong của Chu Dục Quân, cho Lê Duy Đàm. Ngày 11/1/1599 [15/12 Mậu Tuất], Phùng Khắc Khoan trở về tới Lạng Sơn. Quan Tả Giang nhà Minh sai Vương Kiến Lập theo Phùng Khắc Khoan xuống Hà Nội. Ngày 21/1 [25/12 Mậu Tuất], Lê Duy Đàm qua sông Bồ Đề đón sứ đoàn.

*Mingshilu*, Shenzong, (Wade, NUS database), juan 315:4ab; MSL, vol 110, pp 5887/88; *Thông sử*, Long (1978), tr 375; *ĐVSK, BKTB*, XVII:70-71b, Lâu & Long (2009), 3:249-50, Giu (1967), 3:224-225; *CMCB*, XXX:26; (Hà Nội: 1998), II:221;

Thỏ quan Quảng Tây nhận hỏi lộ, xin cho Mạc Kính Cung được giữ **4 châu: Thạch Lâm (22 xã), Quảng Uyên (38 xã), Thượng Lang (32 xã), Hạ Lang (22 xã)** [tới 1677]). thuộc trấn Thái Nguyên. Tổng đốc Trần Đại Khoa tâu nên chuẩn y. “Nghĩ chúng là dòng dõi công thần, thì nên gia ơn bảo toàn cho nó. Nên cắt



một nơi ở phủ trị Cao Bằng [?] cấp cho Mạc Kính [Cung] để an trí y ở đó.” (*Thông sử*, Long (1978), tr 372-73). Tuần phủ **Đái Diệu** cũng tâu tương tự. Vì cấp dưới đã nhận hối lộ của con cháu họ Mạc. Lý Trinh, thị lang bộ Binh hoặc bộ Công, trình thuận. Chu Dực Quân (Minh Thần Tông, 1573-1621) đồng ý.

**Phùng Khắc Khoan** khuyên Chúa Trịnh “phải thờ nước lớn.” (*ĐVSK, BKTB*, XVII:71b, Lâu & Long (2009), 3:250; Giu (1967), 3:225; *CMCB*, XXX:27, (Hà Nội: 1998), II:221- 22; *Thông sử*, Long (1978), tr. 375; *Đại Nam Nhất Thống Chí [ĐNNTC]*, (1997), :402); *LTHCLC*, Nhân Vật Chí, q. VIII, (1992), 1:260-61]

Tháng 4-5/1599 Trịnh Tùng xưng vương. Nguyên chức tước như sau: *Đô nguyên soái, tổng quốc chính, thượng phụ Bình Yên vương*. XXX:28, (Hà Nội: 1998), II:222.

12/10/1599 [24/8 Kỷ Hợi]: Lê Duy Đàm chết. (*ĐVSK, BKTB*, XVII:74a, Lâu & Long (2009), 3:252; Giu (1967), 3:2266-7; 15/10/1599 [27/8 Kỷ Hợi]: Trịnh Tùng bỏ Thái tử, lập con thứ Duy Đàm là Lê Duy Tân (Kính Tông, 15/10/1599-23/6/1619) lên ngôi. **13/4/1607: Chu Dực Quân** phong Lê Duy Tân (Kính Tông, 15/10/1599-23/6/1619) **làm đô thống sứ** [commander of the Annam Commandery] *Mingshilu*, Shenzong, (Wade, NUS database], juan 431:5b-6a; MSL, vol 110, pp 5887/88.

Tài liệu và phóng đồ quân sự Pháp năm 1887 ghi là “Porte de Chine,” thuộc Bằng Tường, Quảng Tây, cách biên giới Đại Nam khoảng 3.8 cây số. Tài liệu Việt ghi trên lãnh thổ Lạng Sơn khoảng 1 cây số từ biên giới có Ngưỡng Đức Đài, dựng lên vào thời Lê. Năm 1790, theo Phan Huy Vịnh, sứ đoàn “Nguyễn Văn Bình” vào Trấn Nam Quan, đến thấp hương ở Chiêu Đức Đài, chờ Phúc Khang An tới đón lên Nhiệt Hà làm lễ ôm đầu gối Hoàng Lịch. (41) Những người viết sử và địa lý thời Pháp thuộc và trong thế kỷ XX, thường ghi sai lầm là “Ái Nam Quan.”

41. *Ming shi-lu [Minh thực lục]*, Shizong [Thế Tông], (Wade, NUS, data base 2005), juan 221:16b-17a [14/3/1539], 248:1b-5a; MSL, vols 81, pp 4593/95, 82, pp 4966/72; “Phụ Bản V: Lễ Đầu Hàng Của Ông Cháu Mạc Đăng Dung (30/11/1540),” trong Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Nhục Hận Biển Đông Nam Á* (2015), tập II, tr 304-309 [301-350]; *ĐNNTC*, q XXIV: Lạng Sơn (1997), 4:384-386 [365-400].

Ngoài ra, còn những ả dài theo quan lộ từ Lạng Sơn xuống Hà Nội như Khâu Ôn, Trần Di Quan, Chi Lăng đều được ghi trong lịch sử chống bành trướng của Hán tộc. Chi Lăng, nằm về phía nam Lạng Sơn ba ngày đường, là nơi Liễu Thăng cùng hơn 100 tùy tùng bị diệt ngày 3/10/1427—hay 8/10/1427, theo sử Lê—mở đầu cho việc tan rã của hơn “70,000” quân tăng viện, khiến Tổng binh Vương Thông tại Đông Quan phải làm lễ hội thề ngưng bắn để rút quân trước khi có lệnh của Chu Chiêm Cơ (Zhou Zan-ji, tức Minh Tuyên Tông, 16/6/1425-31/1/1435)—bất chấp những bản án nặng nề cho chính Thông và các tùy tướng, từ tử hình tới thu đoạt chức tước, tịch thu tài sản, cách làm thường dân, tù đầy. (42)

42. Vũ Ngự Chiêu, “Giao Chỉ Đô Chỉ Huy Sứ Ti, 5/7/1407-2/1/1428;”  
Idem. & Hoàng Đỗ Vũ, *Nhục Hận Biển Đông Nam Á* (2015), tập II, tr 289-296 [5-300].

Dân bản xứ gồm người Nùng và Thổ [Tày]. Người Kinh khá đông. Đời sống kinh tế náo nhiệt nhất là các ngày phiên chợ; trao đổi, mua bán hóa vật.

12. **Cao Bằng:** 1 phủ, 4 châu, phía bắc Lạng Sơn.

Đây là tỉnh biên giới chịu nhiều áp lực và sự cướp bóc, lấn chiếm của Hán tộc. Từ đời Lý đã liên tục xảy ra những cuộc tranh chấp biên giới bất tận. Các thủ lĩnh dân Nùng, Tày ở Quảng Nguyên—như Nùng Trí Cao—từng bị quận Tống tàn sát và “tằm ăn dâu” đất đai qua sách lược “đòn điền” trong thập niên 1040-1050 của Địch Thanh. Năm 1076, Lý Can Đức và Lý Thường Kiệt phải tấn công tự vệ ba châu Khâm, Ung và Liêm Châu, rồi ngăn chặn cuộc xâm lăng của Quách Qui (Guo Quei, 1022-1088) năm 1077, chặn đứng 100,000 đại quân Bắc Tống ở sông Như Nguyệt. Năm 1078, Quách Qui phải rút quân về giữ bốn châu thượng du (Tu Lang, Môn châu, Tô Mậu, Quảng Lăng) và mỏ vàng Quảng Nguyên. Mãi tới năm 1082, sau một thời gian khá dài. Lê Văn Thịnh mới xúc tiến việc thương thuyết với nhà Tống để thu hồi những châu bị mất, kể cả mỏ vàng Quảng Nguyên, căn cứ của dân Nùng.

Đời Hậu Lê trung hưng, từ năm 1598, con cháu họ Mạc được **Thổ quan Quảng Tây** nhà Minh **nhận hồi lộ, xin cho Mạc Kính Cung** được giữ 4 châu: **Thạch Lâm (22 xã), Quảng Uyên (38 xã), Thượng Lang (32 xã), Hạ Lang (22 xã)** [tới 1677]). **thuộc trấn Thái Nguyên.** (phía bắc tỉnh thành Cao Bằng 9 cây số). **Phùng Khắc Khoan** khuyên Chúa Trịnh “**phải thờ nước lớn.**” Năm 1677, Đinh Văn Tả mới dẹp được họ Mạc, nhưng một phần đất trong các châu này bị thổ quan châu Tư Minh và Quảng Tây lấn chiếm. Sử quan nhà Nguyễn, chẳng hạn, không thể khảo cứu được “Đương Châu” phủ Bắc Bình dưới đời Lê Tư Thành (Thánh Tông. 26/6/1460-3/3/1497) (43)

43. *Đại Nam Nhất Thống Chí [ĐNNTC]*, q XXV:Cao Bằng (1997), 4: 402, 419 [401-430]; *ĐVSK, BKTB*, XVII:71b, Lâu & Long (2009), 3:250; Giu (1967), 3:225; *CMCB*, XXX:27, (Hà Nội: 1998), II:221- 22; *Thông sử*, Long (1978), tr. 375; *LTHCLC*, Nhân Vật Chí, q. VIII, (1992), 1:260-61]

2/2/1540: Đăng Doanh chết bệnh. *Minh thực lục* ghi có tin Doanh chết vì bị sét đánh ngày 3/3/1540.

Cao Bằng—còn có tên Mục Mã—ít nhiều liên hệ đến các đạo quân xâm lược của Chu Lê/Đệ (17/7/1402-24/8/1424) và con cháu từ 1406 tới 1427, hay Hoàng Lịch (Quian Long, 1735-1796) nhà Thanh, do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu, với chiêu bài “hưng Lê,” tức giúp Lê Tư Khiêm tự Duy Kỳ (10/8/1886-2/2/1789) tái chiếm Thăng Long, nhận lễ phong vương ngày 19/12/1788, với ảo vọng tranh hùng với Nguyễn Huệ. Nhưng Quang Trung Nguyễn Huệ (22/12/1788-1792) đã đánh tan đại quân Tôn Sĩ Nghị trong trận đánh sáu ngày Tết Kỷ Dậu—khiến Hoàng Lịch

phải chấp nhận phong vương cho “Nguyễn Quang Bình,” tốn phí hàng vạn nén bạc để mời Nguyễn Quang Bình giả tới Nhiệt Hà trong dịp lễ thương thọ 80—khuê chiêng, gõ trống cho “chiến thắng ngoại giao” vô tiền khoáng hậu. Thời Pháp thuộc, những tác giả đã sử tiểu thuyết thường gay gắt lên án “Lê Chiêu Thống” là một thứ vua phản quốc, “đã công rấn Tàu về căn gà nhà”—dù thực tế, Lê Tu Khiêm hay Duy Kỳ chỉ là người bị động, khác xa những cụ, cháu Mạc Thúy-Mạc Đăng Dung trong thành tích cắt đất, dâng nước cho giặc Tàu. Mà không được tước vương như Lê Duy Kỳ, và còn truyền lệnh cho cháu không được đóng quan tài, cho đến ngày Chu Hậu Tổng ban cho Dung tước “An Nam Đô thống sứ ti, đô thống sứ ti.” (44)

44. *Ming shi-lu*, Shizong, (Wade, NUS database], juan 268:3ab; MSL, vol 82, pp 5295/96; [lễ sắc phong, 19/1/1543]. **16/12/1542** [10/11 Gia Tĩnh 21]: **Chu Hậu Tổng phong Phúc Hải [Mo Fuhai] làm đô thống sứ ti [Commander of the Annam Commandery]. Hải dâng biểu nói Dung di ngôn không được đóng nắp quan tài nếu chưa có sắc dụ của Hậu Tổng. Chiếu cho Hải: hủy bỏ vị thế một nước.**

**19/2/1788** [22/11 Mậu Thân Thanh], **Tôn Sĩ Nghị** làm lễ phong vương cho **Lê Tu Khiêm/ Duy Kỳ (Chiêu Thông, 8/1786-2/2/1789)** *Đại Thanh Lịch Triều Thực Lục [ĐTLTTL]*, (Tokyo, 1937-1938) 1315:27-28. Tài liệu Việt: 22/1/1788

*CMCB*, XII:20-21, XXVII:32-34, 2 tập, (Hà Nội: Giáo Dục, 1998), I:733-737, II:118-120; *Ming shi-lu*, Shizong (Wade, NUS database, 2005), juan 221:6a-7a [14/3/1539], 248:1b-5a [29/4/1541], MSL, vol 82, pp 4966/73], 268:3ab [16/12/1542], & Shenzong, 315: 4ab [25/11/1597]; *ĐVSK, BKTT*, Nội các quan bản, IX:2b, XVI:6a, bản dịch Thọ, Lâu, Long, et al (2009), 2:273, 3:152; & Quốc tử Giám tàng bản, Cao Huy Giu, et al (Hà Nội: 1967), 2:286-287n10 [*không đúng ngày*]; *ĐVSKTB*, BK X:2ab, The, et al (Hà Nội: 1997), tr 525 [*không đúng ngày*]; Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, bản dịch Long (Hà Nội: 1978), tr 272, 280 [bị khuyết, không rõ ai kiểm duyệt. Nhắc đến việc môi giới đầu hàng, nhưng không nêu rõ Mạc [Nguyễn] Như Quế v.. v.. đứng tên trong tờ biểu cầu phong]. Phan Huy Chú, trong *LTHCLC* ghi đầy đủ chi tiết; q 46: Bang giao chí (Hà Nội: 1992), 3:203-204 [biểu ngày 30/11/1540 của Đăng Dung], 204-206 [biểu của Như Quế], 206 [chiếu của Hậu Tổng, ANĐTST], 207 [biểu tạ ơn của Phúc Hải], 207-209 [25/11/1597, chiếu phong Lê Duy Đàm (Thế Tông, 2/2/1573-12/10/1599) làm Đô thống sứ ti, Shizong, juan 315:4ab; 1647, Lê Thần Tông làm ANQV; 3-4/1667, Lê Huyền Tông (1662-16/11/1671) làm ANQV; 1788, Lê Duy Kỳ (1786-1789), ANQV]. [Sẽ dẫn *Thông sử*, Long (1978)]; *LTHCLC* (1992)]; Lý Văn Phụng [Li Wen-feng], *Việt kiều thư* [Yue qiao shu] (1540), reprint, 2 vols, via ĐVSK, BKTT, Giu (1967), phần cước chú;

### III. Đạo Quân “Hưng Lê” của Nhà Thanh:

1. Ngày 15/11/1788 [20/10 Mậu Thân Thanh], Tôn Sĩ Nghị ra khỏi ải Trấn Nam. Mang quân thuộc bốn tỉnh Hoa Nam, chia làm 2 cánh tiến vào đất Bắc.

Cánh quân phía Đông, chia làm ba [3] mũi:

a. Mũi chủ lực do Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh chỉ huy, ra cửa Trấn Nam Quan, tiến vào Lạng Sơn, xuống Kinh Bắc, rồi Thăng Long.

b. Mũi thứ hai do Sâm Nghi Đông, tri chi phủ Điền Châu, tiến vào Cao Bằng, đến Thái Nguyên.

c. Mũi thứ ba, tiến từ Khâm Châu vào Quảng Ninh, Hải Dương.

Cánh quân Vân Nam phía Tây, dưới quyền Đề đốc Ô Đại Kinh [Wu Dajing], từ Mông Tự tiến vào Tuyên Quang, Việt Trì trên bờ sông Thao.

Trương Bửu Lâm ghi ngày 21/10/1788 Tôn Sĩ Nghị mang quân thuộc bốn tỉnh Hoa Nam, chia làm hai [2] cánh tiến vào đất Bắc. Ra hịch ai có thể bắt được Nhạc và Huệ giải nộp là được công đầu. Quan Tây Sơn ở Lạng Sơn là Phan Khải Đức xin hàng. Nguyễn Văn Nhiệm nương đêm tối trốn chạy. (Dẫn *Đại Thanh Liệt triều Thực Lục, Cao Tông* [ĐTLTTL] (Tokyo: 1937-1938) [q 1315:7ab]; “Intervention versus Tribute in Sino-Vietnam Relations, 1788-1790,” in John King Fairbank, (ed) *The Chinese World Order: Traditional Chinese Foreign Relations* (Cambridge, Mass: Harvard Univ Press, 1968), p 169n18 [165-179, 321-326]; *Đông Hoa Lục [Donghua records, Càn Long]* [ĐHL], 108: 21b-22, 30, 31b; [Dụ ngày 24/9/1788 và 18/10/1788 [*Edict of 18/10/1788: Sĩ Nghị phải ở lại biên giới, điều động*]; ĐNCBLT, XXX:Ngụy Tây, 35B, (Sài Gòn: 1970), tr 144-45)

6. Ngày 15/12/1788 [20/11 Mậu Thân Thanh], Tôn Sĩ Nghị và Lê Duy Kỳ vào tới Hà Nội. Quân Thanh một nửa đóng quanh Hà Nội; một nửa ở bên kia sông. Các làng mạc đánh trống ăn mừng. Trại quân đóng đồn dài xuống phía nam (Đống Đa), Ngọc Hồi, Hà Hồi, Gián Khẩu (Ninh Bình), Sơn Tây, và phía đông (Hải Dương).

ĐNCBLT, XXX:31A; (Sài Gòn: 1970), tr 126-27; ĐNTLCB, I, 2:81 [không ghi ngày]) Trương Bửu Lâm và Hoa Bằng ghi ngày 22/11 Mậu Thân Thanh [**19/12/1788**] theo *Đông Hoa Thực Lục* (q 109, tờ 38b-39a; ĐTLTTL, 1315:27-28)

Hôm sau, ngày 16/12/1788 [21/11 Mậu Thân Thanh], Tôn Sĩ Nghị niêm yết sắc phong Lê Duy Kỳ làm An Nam Quốc Vương. Trong chiếu của Càn Long có đoạn: “**với việc mở bờ cõi làm 11 đạo, không vì ta muốn chiếm đất đai; suốt từ 150 năm trở lại đây, lúc nào cũng giữ chức phận, làm lễ tuế cống, thì sao không nghĩ tới tổ tông của tự quân được?**”

CMCB, XLVII:35-36; (Hà Nội: 1998), II:840-841; ĐTLTTL (Tokyo: 1937-1938), 1315:27-28; Lâm, 1968:169 [**Chiếu phong chức cho Lê Duy Kỳ. Nhờ thành tích này, Hoàng Lịch phong Sĩ Nghị tước công [duke], trong khi Hứa Thế Hanh tước tử [viscount];** dẫn *Thanh Sử Khảo*, Table 1, 3:2201;

5. Đó là chưa kể Nguyễn Phước Chung từng trao con trai, ấn tín và giấy cắt đất cầu viện cho **Pierre J G Pigneau**, một thời được cung vãn thành vua thực sự



Đàng Trong hay “Ô Nam,” sau khi Nguyễn Huệ giết hai chúa Nguyễn cuối cùng, Phước Dương và Phước Thuận, và săn đuổi Chùng khắp Gia Định thành. Hay tự nhận làm con nuôi Rama I, hai lần qua Krung-thêp cầu viện.

Tháng 12/1771-1/1772, **Pigneau** rời Pondichéry qua Xiêm La thành lập chủng viện ở Virampatuam. Rồi thay Piguel làm Giám mục Đàng Trong. Ngày 27/2/1774 được chính thức thụ phong. Năm 1775, vì chiến tranh Xiêm-Miến Điện, rời chủng viện vào Cochinchina.(?) Ngày **12/3/1775**, đến Hà Tiên, thành lập chủng viện Cầu Quay. Tháp tùng có 4 giáo sĩ, 8 chủng sinh và 4 giáo mục Việt. **Morvan Jacques Nicolas** điều khiển trường này cho tới khi chết ngày 15/1/1776. **Le Clerc Tite** lên thay. (BAVH, 16)

*“Cửa quan Nam Giao”*: *Trấn Nam Quan ở về phía tây nam châu Bằng Tường, phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây nhà Thanh.. Chỉ được ghi vào sử từ đời Mạc Đăng Dung [1539-1540]. (CMCB, XXVII:35; (Hà Nội: 1998), II:117; ĐNNTC, (1997), 4:384-86)*

*Theo tin quân sự Pháp thế kỷ XIX, từ Đồng Đăng tới biên giới hai [2] cây số, 800 mét; từ biên giới tới châu lỵ Bằng Tường, phủ Tư Minh, khoảng mười [10] cây số; Nguyễn Vũ, Ngàn Năm Soi Mặt (Houston, TX: Văn Hóa, 2002), tr 308-309 [có phóng đồ từ Văn khố Lục quân Pháp năm 1885-1887]*

*[ngày 30/11/1540: MDD qua Trấn Nam Quan tự trời quì lay, cắt đất đầu hàng], Ming shi-lu, Shizong, (Wade, NUS data base), juan 248:1b-5a; MSL, record 2782, vol 82, pp 4966/73; CMCB, XXVII:35-38; (Hà Nội: 1998), II:113-18 [11/9/1541, MDD chết], [Chu Hậu Tổng đặt An Nam Đô Thống Sứ Ti; đặt 13 tuyên phủ sứ], 118-20 [19/1/1543 Phúc Hải [Mo Fu-hai] làm An Nam Đô Thống Sứ Ti Đô thống sứ; 121-22*

*“Ái Du Thôn”*: *cách tỉnh Lạng Sơn 30 dặm về phía Bắc. Đi đường núi tới Trấn Nam Quan khoảng 2 canh giờ rưỡi [5 tiếng đồng hồ].*

*Quĩ Môn*: *xã Chi Lăng, châu Ôn. [Có lẽ không phải Quĩ Môn Quan ghi trong sách Tàu, như Nhạc Sử, Thái Bình Hoàn Vũ Ký. Xem Lê Quý Đôn, Vân Đài Luận Ngữ, q. 3, Khu Vũ Loại, số 62, (Sài Gòn: 1973), tr 145-46, too]. [IV:387]*

**Ngày 25/11/1597, Chu Dực Quân** vẫn chỉ phong **Lê Duy Đàm (Thế Tông, 2/2/1573-12/10/1599)** làm đô thống sứ [commander of the Annam Commandery] *Mingshilu*, Shenzong, (Wade, NUS database), juan 315:4ab; MSL, vol 110, pp 5887/88.

**13/4/1607: Chu Dực Quân** phong Lê Duy Tân (Kính Tông, 15/10/1599-23/6/1619) làm đô thống sứ [commander of the Annam Commandery] *Mingshilu*, Shenzong, (Wade, NUS database), juan 431:5b-6a; MSL, vol 110, pp 5887/88.

**5/2/1647: Chu Do Lang** (Minh Quê vương, 1647-1664?) phong Lê Thần Tông làm ANQV..

**Tháng 3-4/1667, Khang Hi [Kang Xi]** sai Trịnh Phương Triều và Trương Dịch Bí [Bôn] sang phong **Lê Duy Vũ (Huyền Tông, 12/1662-1/1663-16/11/1671)** làm ANQV.



**19/2/1788** [22/11 Mậu Thân Thanh], **Tôn Sĩ Nghị** làm lễ phong vương cho **Lê Tư Khiêm/ Duy Kỳ (Chiêu Thông, 8/1786-2/2/1789)** *Đại Thanh Lịch Triều Thực Lục* [ĐTLTTL], (Tokyo, 1937-1938) 1315:27-28. Tài liệu Việt: 22/1/1788

CMCB, XII:20-21, XXVII:32-34, 2 tập, (Hà Nội: Giáo Dục, 1998), I:733-737, II:118-120; **Ming shi-lu**, Shizong (Wade, NUS database, 2005), juan 221:6a-7a [14/3/1539], 248:1b-5a [29/4/1541], MSL, vol 82, pp 4966/73], 268:3ab [16/12/1542], & Shenzong, 315: 4ab [25/11/1597]; ĐVSK, BKTT, Nội các quan bản, IX:2b, XVI:6a, bản dịch Thọ, Lâu, Long, et al (2009), 2:273, 3:152; & Quốc tử Giám tàng bản, Cao Huy Giu, et al (Hà Nội: 1967), 2:286-287n10 [*không đúng ngày*]; ĐVSKTB, BK X:2ab, The, et al (Hà Nội: 1997), tr 525 [*không đúng ngày*]; Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, bản dịch Long (Hà Nội: 1978), tr 272, 280 [bị khuyết, không rõ ai kiểm duyệt. Nhắc đến việc môi giới đầu hàng, nhưng không nêu rõ Mạc [Nguyễn] Như Quế v.. v.. đứng tên trong tờ biểu cầu phong]. Phan Huy Chú, trong *LTHCLC* ghi đầy đủ chi tiết; q 46: Bang giao chí (Hà Nội: 1992), 3:203-204 [biểu ngày 30/11/1540 của Đăng Dung], 204-206 [biểu của Như Quế], 206 [chiếu của Hậu Tông, ANĐTST], 207 [biểu tạ ơn của Phúc Hải], 207-209 [25/11/1597, chiếu phong Lê Thế Tông (2/2/1573-12/10/1599) làm Đô thống sứ ti, Shizong, juan 315:4ab; 1647, Lê Thần Tông làm ANQV; 3-4/1667, Lê Huyền Tông (1662-16/11/1671) làm ANQV; 1788, Lê Duy Kỳ (1786-1789), ANQV]. [Sẽ dẫn *Thông sử*, Long (1978)]; *LTHCLC* (1992)]; Lý Văn Phụng [Li Wen-feng], *Việt kiều thư* [Yue qiao shu] (1540), reprint, 2 vols, via ĐVSK, BKTT, Giu (1967), phần cước chú;

Đời Nguyễn Phước Chung, số đinh Cao Bằng hơn 8,063 người, đời Hường Nhiệm, 9,439. Ruộng đất 36,009 mẫu, ngạch thuế, 9,974 hộ thóc, 16,087 quan tiền, 2 lạng 5 đồng cân vàng, 2,181 lạng bạc. (44)

44. ĐNNTC, q XXV:Cao Bằng (1997), 4: 409 [401-430]

Thời Pháp thuộc, đặt vào Đạo quản hạt thứ hai.

13. **Hung Hóa:** Phía tây Bắc Kỳ, gồm ba [3] phủ (Qui Hóa, Gia Hưng, An Tây), năm [5] huyện, mười sáu [16] châu. Phủ Gia Hưng là huyện Tam Nông, phủ Sơn Tây cũ. Đất rộng người thưa. Phủ Điện Biên, gồm 5 châu, Ninh Biên, Lai Châu, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo và Luân Châu; Phủ An Tây. Chưa có phủ lệ, ranh giới không rõ. Chức Bố chính và án sát do Tổng đốc Sơn-Hung-Tuyên kiêm nhiệm.

Năm 1761, con Giặc Khâu Mắt là Hoàng Công Tuấn mang sáu châu Tung Lãng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Tuyền, Tuy Phụ và Khiêm xin nội thuộc Vân Nam, đổi thành sáu động Mãnh [Lại, Thứ, Bạ, Lộng, Đĩnh, Thoá] huyện Kiến Thủy. Chỉ còn châu Chiêu Tấn.[Mường Thu hay Mường So]. (45)

45. ĐNNTC, q XXII: Hưng Hóa (1997), 4:286-291, 291-296 [265-332]; ĐNTLCB, II, 20:1838, 1968:184.

Tháng 2/1769, Tướng Trịnh là Đoàn Nguyễn Thục chiếm được động Mãnh Thiên (huyện Thanh Châu) của “giặc khâu mắt” Hoàng Công Chất [Thư] (1751-1769), gốc huyện Thư Trì, Thái Bình, dư đảng của Nguyễn Cừ. Chất đã chết. Con là Công Toản chạy thoát qua Vân Nam. 7 châu dưới quyền Công Toản [Tung Lãng (Mường La), Lễ Tuyên, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, Lai Châu, Khiêm Châu] đều xin qui phụ nhà Thanh [nay là 6 trại thuộc huyện Kiến Thủy, phủ Lâm An, Vân Nam]. Theo Phạm Thận Duật, **năm 1775, Nguyễn Thục qua nhà Thanh đòi 7 châu, không thành, nên nhà Lê cắt đặt lại làm 16 châu như cũ để dấu việc mất đất**. Năm 1780, nhà Thanh xâm lấn thêm 4 châu Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, và Lễ Tuyên thuộc phủ An Tây (Hưng Hóa, nay thuộc Lai Châu), sát nhập vào lãnh thổ huyện Kiến Thủy, phủ Khai Hóa, Vân Nam. Cuối năm đó, Trịnh Sâm (1767-1782) viết thư cho quan Thanh ở Vân Quý, họ chỉ im lặng. Sau Sâm bệnh, phải bỏ qua. (46)

46. *CMCB*, XLIII:21-22, XLV:23; (Hà Nội: 1998), II:684-685, 754-55; *LTHCLC*, q.IV, “Hưng Hóa,” *Dư Địa Chí*, (1992), I:142-143. Phạm Thận Duật, “Hưng Hóa Ký Lược,” bản dịch Ngô Thế Long; trong Nguyễn Văn Huyền et al., *Phạm Thận Duật: Con người và tác phẩm* (Hà Nội: KHXH, 1989), tr 114-15, 120-21, 121-22 [107-199]. Bản tặng của Giáo sư Phạm Kế Viêm)

Đời Nguyễn Phước Chung, cũng chẳng hề bận tâm, không có hành động nào khi Tổng trấn Nguyễn Văn Thành đề nghị đòi lại đất. số đinh hơn 5,469 người, đời Hường Nhiệm, 17,098. Ruộng đất 20,209 mẫu, ngạch thuế, 8,318 hộ thóc, 50,880 quan tiền, 19 lạng vàng, 7,278 lạng bạc. **Năm 1838, Nguyễn Phước Đảm đặt quan người kinh, nhưng chấp nhận một việc đã rồi. Mối bận tâm của Nguyễn Phước Đảm là mở rộng lãnh thổ để quốc phương Nam, chẳng mấy thiết tha đến những vùng ma thiêng, nước độc**. (47)

47. *ĐNNTC*, q XXII: Hưng Hóa (1997), 4:304-305 [265-332];

Thời Pháp thuộc, các viên chức thực dân mới chú ý đến vùng Bắc Kỳ mở. Họ chia Hưng Hóa làm các tỉnh: **Lào Cai, Yên Bái** (Bảo Hà, Nghĩa Lộ, Yên Bái, châu Lục Yên của Tuyên Quang), **Hòa Bình** (1887, đất Hưng Hóa và Sơn Tây), **Sơn La, Lai Châu** [nay là **tỉnh Điện Biên**]. (48)

48. *ĐNNTC*, q XXII: Hưng Hóa (1997), 4:268 chú 1 [265-332]; *ĐNTLCB*, II, 20:1838, 1968:184; *ĐNTLCB*, II, 20:1838, 1968:184; Thúy, 1978, tr 268-290 [Hoàng Liên Sơn: Phủ Qui Hóa cũ]: Kinh 39%, Mèo, 15%, Tày [Thổ 14%], Dao [10%], Thái [9%], Mường [4%], Nùng [3%], Giáy [2%], các tộc khác, [1%]; Lai Châu [Thái và Mèo, đồng nhất. Mèo ở trên núi, trồng thuốc phiện]. Sơn La: Thái, Xạ, Mường;

## II. NHỮNG YẾU TỐ DẪN ĐẾN VIỆC PHÁP CHIẾM MIỀN BẮC:

### A. MỐI HỌA PHƯƠNG BẮC:

Trong khi người Pháp tiếp tục uy hiếp và xâm lăng Đại Nam, Trung Hoa không phải không có tham tâm nhòm ngó. Tuy nhiên, từ 1834 nhà Thanh cũng trở thành nạn nhân không ngừng của các cường quốc Âu châu. Việc xâm xé con mồi Đại Nam tạm thời do các tổ chức thổ phỉ, hải tặc và con buôn người Hoa thực hiện, hoặc thuần túy vì quyền lợi cá nhân, hay một kế hoạch bán chính thức.

### **1. Thổ phỉ:**

Thổ phỉ người Hoa bắt đầu tràn qua biên giới với số lượng đáng kể từ hạ bán thập niên 1850. Thoạt tiên là các toán giặc theo đạo Hồi ở vùng tây nam Trung Hoa, kéo cờ trắng đến cướp phá vùng Tây Bắc như Bảo Thắng (Lào Cai), châu Thủy Vỹ, từ năm 1861. Mùa Thu 1862, thế giặc mạnh đến độ thành Thái Nguyên bị thất thủ. Tháng 3-4/1864, lại thêm một đợt thổ phỉ Hồi khác từ Tây Nam Trung Hoa kéo sang đánh phá. Gần 3,000 dân chúng huyện Vũ Nhai và hai châu Bạch Thông và Cẩm Hóa phải chạy về tạm trú quanh tỉnh thành Thái Nguyên. Tháng 10/1864, Tổng đốc Bắc Ninh-Thái Nguyên Nguyễn Văn Phong báo tin Thái Nguyên thất thủ (49)

49. *ĐNTLCB*, XXV, XXVIII, XXX, 29:1859-1862, 1974:167, [Tháng 1-2/1861: Quân báo Nguyễn Trọng Túc thắng giặc tại Chợ cũ], 30:1863-1865, 1974:12-13, 18-19 [4-5/1863], 30 [7-8/1863], 135; *CBTD*, 18/9 TĐ XV [Nhâm Tuất, 9/11/1862], CB 279, tờ 117-18.

Tháng 5-6/1865 [Tháng 5 Ất Sửu, 25/5-22/6/1865] Phạm Chi Hương được cử làm tham tán quân thứ Hải Yên, dự trù sẽ thay Nguyễn Tri Phương làm Tổng thống. (*ĐNTLCB*, IV, XXX, 30:1863-1865, 1974:114-15 [9/1864], XXXII, *Ibid.*, 204 [5-6/1865]) *ĐNCBLT*, q. 31, (1993), 4:116.

Tháng 1-2/1866 [Chạp Ất Sửu, 17/1-14/2/1866] giữa lúc Huế tổ chức lễ kính cáo quân công Hải-Yên tại Huế, Tăng Mãn và Lương Tai quấy nhiễu Thái Nguyên. Lãnh binh Nguyễn Cáp chạm giặc ở mỏ Nghĩa Lợi. Phó quản cơ Vũ Thọ, con Vũ Tảo, chết trận. Cáp rút lui. Giặc đuổi theo tới Ngân Sơn, Phúc Sơn. Hường Nhiệm cách chức Cáp; tăng viện 500 lính từ Bắc Ninh. Lấy vệ võ sinh Ninh Bình lên Bắc Ninh. Nhưng tại Cao Bằng, Phạm Chi Hương thu phục được phố Cầu Phong, chạy cờ đỏ báo tin. Tháng 3-4/1866 [2 Bính Dần], Võ Văn Bình và Phạm Chi Hương dẹp xong giặc Khách ở Cao Bằng, thu phục được bọn Trương Cận Bang. Bọn Trương Cận Bang, Lưu Sĩ Anh, Hoàng Trung Hòa, Ngô Côn ra hàng vì lương ăn quần bách. Cấp 200 lạng bạc cho về nước. Cho 300 người trong số 3,000 ở lại làm ăn. Chạy cờ đỏ báo tin. Vua mừng lắm, làm bài thơ “hỉ tiếp” vì 4,5 năm nay Cao Bằng 3 lần thất thủ. : Từ Lạng Bằng về Bắc Ninh, Võ Trọng Bình và Phạm Chi Hương tuyển mộ 200 giặc về hàng khoẻ mạnh thành đội Hường nghĩa, theo Nguyễn Thịnh, Nguyễn Đăng Hộ qua Tuyên Quang đánh giặc. vì giặc lại khuấy phá, đường chở lương không thông. (50)

50. *ĐNTLCB*, IV, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:5, 19, 20-21, 28-29; *ĐNCBLT*, q. 29, (1993), 4:116.

Tháng 7-8/1866, sau khi bình xong giặc biên Tạ Văn Phương, Nguyễn Tri Phương và Võ Trọng Bình về kinh. Hường Nhiệm làm lễ đón tiếp linh đình. Khi Phương vào châu, cho ngồi. Sau phong Phương làm Võ hiền đại học sĩ, Thượng thư Bộ Binh, kiêm hải phòng sứ; sung Cơ Mật viện đại thần. Võ Trọng Bình làm thự Hiệp biện Đại học sĩ, Thượng thư Bộ Lại, Cơ mật viện đại thần. Trần Tiễn Thành đổi làm Thượng thư Bộ Công; phụ tá Phương lo việc hải phòng sứ. Phạm Phú Thứ vẫn giữ Bộ Hộ. Nguyễn Văn Phong, nguyên Thượng thư bộ Lại, đổi nắm bộ Lễ. Phan Huy Vịnh nắm bộ Hình. (51)

51. *ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31:1866-1869, 1974:58-59, 75-77 [11-12/1866]..

Nhưng tàn dư Thái Bình Thiên Quốc, bị quân Thanh truy nã, cũng tràn vào miền Đông Bắc từ giữa thập niên 1860. Thành Cao Bằng và Lạng Sơn, nhiều lần bị vây hãm hay thất thủ. Nhiều quan tướng Việt bị tử trận.

Tháng 6-7/1866 Võ Trọng Bình và Phạm Chi Hương xin dời thành Cao Bằng về Thất Khê, cách Lạng Sơn hai ngày đường. Đình thần không đồng ý. Tháng 8-9/1866 Phạm Chi Hương làm tổng đốc Ninh-Thái.

(*ĐNTLCB*, IV, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:33, 44)

Triều đình Huế phải liên ước với quan chức Lương Quảng để giúp đánh dẹp. Nhưng thế lực thổ phỉ rất mạnh.

Tháng 9-10/1866 Ngô Côn tức Ngô Á Trung dẫn khoảng 2,000 dư đảng Thái Bình Thiên Quốc Trung Hoa, của Thiên Vương Hồng Tú Toàn, theo tràn vào vùng thượng du Bắc Kỳ, đánh phá Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh. Ngô Côn hoành hành ở Đồng Đăng, Kỳ Lừa (Lạng Sơn); Ngô Anh, Lê Thành Mỹ, Chu Tường Lân ở Thái Nguyên; Hoàng Sùng Anh ở Tuyên Quang. Tổng thống Phạm Chi Hương bị giặc bắt. Triều đình Huế phải liên ước với quan chức nhà Thanh ở Lương Quảng để giúp đánh dẹp].

**Ngày 5/8/1868** [17/6 Mậu Thìn], Bộ Binh báo cáo Ông Ích Khiêm bị quân phỉ đánh bại ở Bắc Ninh, Thái Nguyên. (*CBTD*, 17/6 TĐ XXI, CB 307:167).

Ngày 12/8/1868, Ngô Côn đánh phá Cao Bằng, Lạng Sơn, vây hãm Bắc Ninh. Tổng Thống quân vụ Phạm Chi Hương cầm quân tiêu trừ. Ngô Côn xin hàng phục. (*CBTD*, 24/6 TĐ XXI, CB 307:276-77).

16/8/1868: Do sự đề cử của Nguyễn Tri Phương, Hường Nhiệm cử Khâm sai Võ Trọng Bình làm Tổng thống Lạng-Bằng, hợp cùng Tổng đốc Quảng Tây là Phùng Tử Tài đánh Ngô Côn. (*ĐNTLCB*, 31:1866-1869, 1974:240)

Tháng 8-9/1868 [7 Mậu Thìn, 18/8-15/9/1868] quan quân thua trận ở đồn Tú Sơn, Lạng Sơn. Tham tán Nguyễn Mai và Phó đề đốc [Lãnh binh] Nguyễn Viêt Thành chết. Thống đốc Phạm Chi Hương bị hãm trong đồn giặc], (*ĐNTLCB*, 31:1866-1869, 1974:235-36)

Ông Ích Khiêm xin thêm quân và voi. Nguyễn Tri Phương xin ra Bắc, nhưng vua không thuận. Sai Đoàn Thọ ra Bắc làm bình khấu tướng quân. (*ĐNTLCB*, 31:1866-1869, 1974:237-38)

Tháng 9-10/1868 (8 Mậu Thìn] Hường Nhiệm cho lệnh Phạm Chi Hương tìm cách trốn về. Việc đầu hàng của Ngô Côn chưa xong. Muốn dò ý tứ quan Thanh. Ngô Côn cho thuộc hạ tràn sang Thái Nguyên], 248-249

[Đoàn Thọ, Nguyễn Hình trình việc Ngô Côn xin hàng. Đánh dẹp, hay võ về đều khó], 256-257

Ngô Côn xin ra thú. Phạm Chi Hương từ trại giặc tâu về. Đình thần phản đối vì Ngô Côn mạnh, có hơn 10,000 quân, được Lưu Sĩ Anh dẫn dụ vào. Ngô Côn không thực lòng; mà lương thực có hạn, không thể cung cấp đủ. Vua sai Phan Khắc Thận mang ấn Khâm sai ra Bắc xem xét tình hình. (*ĐNTLCB*, 31: 1866-1869, 1974:239-40)

Tháng 7-8/1868, Tổng đốc Bắc Ninh kiêm quản Lạng-Bằng Phạm Chi Hương thua trận ở Cao Bằng, bị giặc bắt. Ngày 16/8/1868, do sự đề cử của Nguyễn Tri Phương, Hường Nhiệm cử Khâm sai Võ Trọng Bình làm Tổng thống Lạng-Bằng.

[Tháng 10-11/1868 [9 Mậu Thìn], Phủ Thái Bình (Quảng Tây) nhà Thanh đề nghị hợp quân đánh. Đình thần bàn luận: Việc đánh dẹp tốn kém, bắt đặc dĩ mới dùng. Nay nếu cho Ngô Côn hàng, thu dụng không nổi; nhà Thanh lại trách là “chiêu nạp.” Tạm thời, dùng chính sách vườn không nhà trống: Di tản dân khỏi vùng lân cận chỗ Ngô Côn. Chặn giữ những nơi hiểm yếu. Nếu chúng quả thực đầu thú, sẽ bàn định với nhà Thanh. Vua đồng ý. (*ĐNTLCB*, 31:1866-1869, 1974:241)

[Hoàng Anh đến xin ở Bảo Thắng. Đánh nhau với Vĩnh Phúc], bị thua Anh chạy khỏi Bảo Thắng, *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 338, 345.

Tháng 1-2/1869 [12 Mậu Thìn, 1-2/1869], theo chính sách “vỗ nuôi” hay “chiêu dụ, Phạm Chi Hương thuyết phục được Ngô Côn tới cửa thành Lạng Sơn xin đầu thú. Đoàn Thọ và Vũ Trọng Bình chấp thuận, cho 10,000 lạng bạc. Ngô Côn trả lại phó Cầu Phong, rút về Cao Bằng. Nhận được cờ đỏ khắp báo tin chiến thắng đúng ngày Tết Kỉ Tị, Hường Nhiệm đồng ý cho Phạm Chi Hương đưa bọn Ngô Côn về Cao Bằng. Tuy nhiên, chỉ ít tháng sau, Ngô Côn lại trở súng làm phản. Tháng 4-5/1869, Phạm Chi Hương, bị cách chức tuần phủ Tuyên Quang, bị án đóng gông giải vào Huế xử tội, nhưng được cho ở lại quân thứ chuộc tội cùng Ông Ích Khiêm. Sau được thụ Bố Chính. (52)

52. *ĐNTLCB*, IV, XL, 31:1866-1869, 1974:316-17.

Tháng 4/1869, mặc dù Đề đốc Quảng Tây Phùng Tử Tài mang 22 doanh tức khoảng 10,000 quân Thanh ra ngoài cửa ải Trấn Nam, hoạt động trong vùng Lạng Sơn, nhưng thổ phỉ vẫn như ong, như muỗi, hoành hành khắp nơi. Không chỉ các tỉnh thượng du mà ngay đến Bắc Ninh, Hải Dương, Sơn Tây cũng nhiều lần nguy khốn. (53)

53. *ĐNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974:12-3, 31:1866-1869, 1974: 200, 229, 232, 248, 324, 362, 32:1870-1873, 1975:94-95. Số đơn vị quân Thanh thay đổi từ "33 doanh" tới "16 doanh."

**Lưu Vĩnh Phúc (1837-?):**

Từ năm 1865, Tả dực của Tô Á Trung ở Quảng Tây, là Lưu Vĩnh Phúc đã dẫn 200 thủ hạ sang Thái Nguyên. Gặp Hứa Nguyên Bản ở Na Lặc, người Khâm Châu, chống Thanh. Nói nên sang An Nam, giúp vua Nguyễn dẹp loạn. Bèn sang Cao Bằng. Ở đây, tại phố Tô Nhài, trên đường đi Chợ Rã, bọn thủ hạ Đặng Chí Hùng, có khoảng 100 giặc, muốn giết Hùng, lập Phúc. Phúc không đồng ý. Ở lại Tô Nhài 5 tháng, kết bạn với Hùng. Sau tới Ba Bể, có 400 người theo.

Năm 1867, sau khi Ngô Côn rút về Quảng Tây, Phúc lập ra quân Cờ Đen. Đánh thắng người H'Mong ở Lục Yên Châu. Giết được Bàn Văn Nghĩa ở gần sông Hồng. Cai quản Lục Yên Châu (Tuyên Quang)-Lào Cai. Được Tuân phủ Tam Tuyên ban chức được cử phẩm bá hộ, rồi Thất phẩm thiên hộ. [Sau lên tới Tam Tuyên đề đốc].

[Năm 1868: Bàn Văn Nhi, Lương Văn Lợi treo Cờ Trắng cướp phá Lục Yên Châu [Tuyên Quang]. Quan tỉnh xin bắt bọn đầu mục mới ra thú Lưu Vĩnh Phúc đi đánh], *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 191.

[Lưu Vĩnh Phúc ở Tuyên Quang xin khai mỏ; Lương Văn Lợi, Cờ Trắng xin ra hàng; Ngô Côn tức Ngô Á Trung lấy Cao Bằng; sai Phạm Chi Hương đi nhờ quân Thanh lấy lại], *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974:197.

[Phúc theo quan quân đánh giặc Mèo, tập trung ở Đồng Văn, [khoảng 317 km + 168 km = 485 tây bắc Hà Nội], lưu vực sông Chảy [60 dặm đông bắc châu Lục Yên, phủ Yên Bình; và Hoàng Su Phi, Tuyên Quang; trên cao độ 3,000 feet; thắng ba lần, được cử phẩm bá hộ], *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974:206; *ĐNNTC*, XXIII: Tuyên Quang (1997), 4:351 [333-363] [thành Bàu ở Đại Đồng, Châu Thu; núi Tụ Long [mỏ đồng, bạc]

[Phúc và Hoàng Thắng Lợi đánh phá phố Bảo Thắng, Hưng Hoá. Cho lệnh Bá Nghi giải quyết ổn thoả], *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974:220 [Hà Nội-Yên Bái, 165 km; Lào Cai, 299 kms đường sắt]

[Phúc đến Hưng Hóa đánh nhau với Hà Viễn Phương. Cho lệnh Bá Nghi giải quyết], *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974:228

[1869: Phúc chiếm Bảo Thắng. Trần Đình Túc xin cho Nguyễn Bá Nghi đuổi Phúc đi]. *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 379

*ĐNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975: 42, 89, 332, 349,

Hủy bỏ đồn điền Lục Ngạn, Đa Phúc và Kim Anh. Do Võ Trọng Bình đề xướng, Phạm Chi Hương phát triển thêm. Đồn điền không thành, việc biên phòng không bổ ích. (*ĐNTLCB*, 31: 1866-1869, 1974:243)

Thân Văn Nhiếp dâng sớ. Vua nói: Những điều người thiết trịch đều là lỗi của ta. (*ĐNTLCB*, 31: 1866-1869, 1974: 245-46)

[Tháng 1-2/1869 [12 Mậu Thìn], Phạm Chi Hương đưa Ngô Côn tới cửa thành Lạng Sơn xin đầu thú. Đoàn Thọ và Vũ Trọng Bình cấp cho 10,000 lạng bạc. Ngô Côn trả lại phố Cầu Phong, rút về Cao Bằng. Vua đồng ý cho Phạm Chi Hương đưa bọn Ngô Côn về Cao Bằng. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIX, 31: 1866-1869, 1974:288-89)



Tháng 4-5/1869 [3 Kỷ Tị, 12/4-11/5/1869], bản án Phạm Chi Hương. (*ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974:316-17)

Tuy nhiên, chỉ ít tháng sau, Ngô Côn lại trở súng làm phản. Cựu tuần phủ Tuyên Quang Phạm Chi Hương bị đóng gông dẫn vào Huế xử tội.

***Yên Bái: Cách Hà Nội 156 km đường xe lửa, Lào Cai, 140 cây số.***

Tình hình bị đất đến độ ngày 16/11/1868 [3/10 Mậu Thìn], Khoa đạo Nguyễn Quế đề nghị cử Nguyễn Tri Phương ra Bắc đánh dẹp. (50)

50. *CBTD*, 3/10 TĐ XXI, CB 311:41-3.

Chính Hoàng Nhiễm cũng phải nhận định vào tháng 4-5/1869 [3 Kỷ Tị] rằng thế giặc khiến "quan quân còn khiếp sợ, huống chi là dân." (*ĐNTLCB*, IV, XLI, 31:1866-1869, 1974:324 [Tháng 4-5/1869]).

Tháng 4-5/1869, do sự yêu cầu của Hoàng Nhiễm, Phùng Tử Tài dẫn 22 doanh quân Thanh vào vùng Lạng Sơn. Mỗi doanh trên lý thuyết vào khoảng 500 người, nhưng chỉ có khoảng 250-300 tại hàng.

Phùng Tử Tài đưa thư nói. Có 2 cách đánh dẹp: chiêu dụ, và đánh dẹp. Nếu giặc hàng, triều đình cung cấp tiền gạo, con buôn ở Hà Nội, Nam Định cung cấp bạc. Đóng 10 doanh ở Lạng Sơn, 11 doanh ở Thái Nguyên đợi lệnh. (*ĐNTLCB*, IV, XLI, 31:1866-1869, 1974: 362)

(*ĐNTLCB*, IV, XL, 31:1866-1869, 1974: 323, XLI, 31:1866-1869, 1974:362. Tsuboi 1990, tr. 133-34. Số đơn vị quân Thanh thay đổi từ "33 doanh" tới "16 doanh;" XLIV, 32:1870-1873, 1975:94-95),

Tháng 5-6/1869, Hoàng Nhiễm cử thượng thư bộ Hình Nguyễn Văn Phong làm Khâm sai ra Bắc để phối hợp với Tài. (*ĐNTLCB*, IV, XLIX, 31:1866-1869, 1974:325-27) Phan Huy Vịnh thay giữ bộ Hình.

Ngô Côn bỏ Lạng Sơn trốn qua Cao Bằng.

Tháng 6/1869, Liên quân Nguyễn-Thanh thu phục lại Cao Bằng. Nội bộ thổ phi bị chia năm xẻ bảy. Thừa thắng, quân Thanh chia làm ba cánh vây đánh giặc ở Thái Nguyên, Sơn Tây, và Tuyên Quang.

Thời gian này, chiến trường miền Bắc xuất hiện vài ba khuôn mặt trẻ, đáng kể nhất là Hoàng Kế Viêm, Tôn Thất Thuyết, Ông Ích Khiêm, v.. v..

Tháng 7-8/1869, Án sát Hải Dương Tôn Thất Thuyết [V-1 tới IV-1] được cử làm Tán tương Thái Nguyên. Tháng 8-9/1869, Tôn Thất Thuyết thắng giặc lấy lại được thành Phú Bình.

*ĐNTLCB*, IV, XL, 31: 1866-1869, 1974:350, 356, 357.

Tháng 8/1869, [8-9/1869?] [Tháng 7 Kỷ Tị] thổ phi của Ngô Côn vì bị truy đuổi, lại kéo xuống đánh thành Bắc Ninh rất nguy cấp. Ông Ích Khiêm từ huyện Kim Anh kéo tới giải vây. Côn lạc đạn bị thương. [Tháng 10-11/1869 [9 Kỷ Tị], Ngô Côn chết ở trại Na Hưu, Nậm Quang, tỉnh Thái Nguyên, vì vết thương lạc đạn trong trận Bắc Ninh. Nhờ vậy dân Bắc Ninh mới tạm thời được yên ổn. (51)

51. *CBTD*, 8/8 TĐ XXII [13/9/1869]: 8/8 Kỷ Tị, CB 324:121-127; *DNTLCB*, IV, XLI, 31:1866-1869, 1974: 357;

XLIV, 32:1870-1873, 1975:11-12, 94-95 [không muốn nhận 16 doanh của Phùng Tử Tài, vì tiếp vận và phục vụ khó khăn).

Côn chết, thổ phỉ chia làm ba [3] phe: Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc, Cờ Vàng của Hoàng Sùng Anh tiếp tục hùng cứ ở vùng Tuyên Quang / Thái Nguyên, và Cờ Trắng của Bàn Văn Nhị. Ngoài ra, còn các nhóm Tô Quốc Hán ở Na Dương, Tăng Á Trị, v.. v... Thoạt tiên quân Cờ Vàng có ưu thế hơn cả, với khoảng 3,000 tay súng. Hoàng Sùng Anh chiếm Yên Bái làm căn cứ. Lưu Vĩnh Phúc—đã sang Bắc Việt từ năm 1865, nương tựa vào Đặng Chí Hùng ở chợ Rã-hồ Ba Bể từ năm 1865—thì đặt bản doanh ở Bảo Thắng (Lào Cai), đối diện Hà Khẩu. Vì Lào Cai giàu có hơn Yên Bái, Hoàng Sùng Anh thường tấn công quân Cờ Đen để giành lãnh thổ. Yếu thế, Phúc xin hàng nhà Nguyễn để chống lại Cờ Vàng. Phúc cũng liên kết với lãnh tụ Thái trắng ở Lai Châu là Đèo Văn Sinh. Như một dấu hiệu đồng minh, Sinh gửi con trai trưởng của mình là Đèo Văn Trí tới Lào Cai làm con nuôi Phúc. (52)

52. *CBTD*, 21/5 TĐ XXII [1/7/1869], CB 326:56-7; 2003:148 [Ngày 1/7/1869, Bộ Hộ báo cáo là Lưu Vĩnh Phúc, thủ lĩnh Cờ Đen, và Hoàng Sùng Anh, thủ lĩnh Cờ Vàng, đánh nhau ở châu Thủy Vĩ, Hưng Hoá]; Edmond Chabani, "Notes sur l'histoire des Haut-Pays du Nord-Ouest Vietnam (25/5/1951);" SHAT (Vincennes), Indochine, 10H xxx [1040]).

Tháng 8-9/1869, Hoàng Nhiệm sai thông chính sứ Phạm Ý và Hồ Đĩnh thị sát tình hình Bắc Kỳ. *DNTLCB*, IV, XLI, 31:1866-1869, 1974:354.

Bọn Phan Huy Vịnh, Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ lại xin đưa Nguyễn Tri Phương ra Bắc. Hoàng Nhiệm không đồng ý. Cử con Trương Đăng Quế là Viên ngoại lang Trương Văn Đê, Tú tài Trương Quang Dẫn ra Bắc. *DNTLCB*, IV, XLI, 31:1866-1869, 1974:356, 357)

Hoàng Nhiệm cũng định lại vùng quân thứ để tiện việc đánh giặc. Toàn miền Bắc chia làm hai đạo: Đạo Bắc Ninh / Thái Nguyên do Đoàn Thọ làm Tổng thống, Tham tán Lê Bá Thận làm phó; và đạo Sơn-Hung-Tuyên do Đào Trí chỉ huy, Tấn lý Ông Ích Khiêm làm phó. (53)

53. *DNTLCB*, IV, XLI, 31:1866-1869, 1974: 360.

Vì không đủ khả năng đánh dẹp thổ phỉ Hoa, Tổng thống Tam Tuyên Hoàng Kế Viêm chọn giải pháp ngầm mua chuộc, cho các đầu lĩnh lập căn cứ ở miền thượng du để thu thuế sông, thuế chợ, khai khẩn đồn điền và ngay cả buôn bán phụ nữ. Nhưng chúng sớm đầu, tới đánh, "chỗ nào cũng tụ họp đông như muối, đường trạm từ Bắc Ninh đến Lạng Sơn đi lại không được thông đồng. Các địa phương Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Yên ngày nào cũng báo tin về việc biên giới." (54)

54. *CBTD*, 8/8 TĐ XXII, 6-9, CB 324:121-127; *DNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 357, 32:90-91.

Nhưng tháng 10-11/1869 [9 Kỷ Tị], quân triều thua to ở Sơn Tây. Đốc binh Trần Tuân chết ở Vĩnh Tường. Ông Ích Khiêm cũng thua trận. Chết 221 người, kể cả quan tướng. Đào Trí, Ông Ích Khiêm, v.. v... đều bị giáng chức. 55.

55. *ĐNTLCB*, IV, XLI, 31:1866-1869, 1974: 360-361, 365-67.

Vua giáng chức Bùi Tuấn và Nguyễn Bính vì không cung cấp kịp gạo cho quân Thanh. Phùng Tử Tài xin vay 5,000 lạng bạc. Vua đề nghị Phùng đóng quân ở Bắc Ninh. Thống lĩnh Nguyễn Phương nhà Thanh tới Sơn Tây. Hơn 2000 phi ra hàng. (31:370) Phùng Tử Tài đến Bắc Ninh, rồi đi Thái Nguyên. Võ Trọng Bình, Nguyễn Văn Tường ra sức tiếp đãi. Hai tháng sau, **khoảng hơn 10,000 thổ phỉ xin hàng Phùng Tử Tài ở Sơn Tây, Thái Nguyên**. Tình hình tạm yên phần nào. Dầu vậy, thời gian này, quân Thanh hai lần bị bại trận ở Đắc Hiên, Thái Nguyên. Tướng Thanh là Thủ bị Đường Liên Thắng tử trận. (31:378) Thống lĩnh Tạ Kế Quý thua trận ở Bạch Thông, Thái Nguyên.. Tháng 12/1869, thổ phỉ tấn công đồn Thanh Liễu. Giết Đốc binh Trần Văn Mỹ; bắt sống đề đốc Nguyễn Hữu Thân. 56.

56. *ĐNTLCB*, IV, XLI, 31:1866-1869, 1974: 362, 370-371, 373, 378, 382-83.

Triều Nguyễn sai Đoàn Thọ mang quân lên Lạng Sơn đánh giặc. Thọ bị bắt, còn Võ Trọng Bình chạy thoát. Quan quân Việt thiếu luyện tập, bất lực. Tướng soái chia rẽ, kinh chống nhau vì hai kế sách “an phủ” hay “võ nuôi” (Nguyễn Bá Nghi, Phạm Chi Hương, Hoàng Kế Viêm) và “truy diệt” (Tôn Thất Thuyết, Ông Ích Khiêm, v.. v...). Hường Nhiệm vội phái Hoàng "Tá" Viêm cùng Tôn Thất Thuyết ra tăng viện.

Thực trạng bi thảm đến độ Hường Nhiệm chỉ cho trình lên những đám giặc có trên 50 tên, hay những trận đánh chém được trên 10 thủ cấp.(57)

57. *ĐNTLCB*, IV, 34:5.

Tháng 1/1870 [Chạp Kỷ Tị], tại vùng châu thổ, giặc giã cũng nổi lên tại ba tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, dân chúng siêu tán, cơ khổ.

Ngày 18/1/1870 [16/12 Kỷ Tị], Võ Trọng Bình báo cáo tình hình phỉ Lạng Sơn-Cao Bằng; tình hình diệt phỉ của tướng Phùng Tử Tài. Tài từ Thái Nguyên về Bắc Ninh nghỉ. Muốn kéo quân về nước. 13/2/1870 [14/1 Canh Ngo]: Viện Cơ Mật trình báo cáo của Nguyễn Bá Nghi về việc Phùng Tử Tài than phiền không được cung cấp đầy đủ lương thực. (59)

Vua sai Đoàn Thọ và Võ Trọng Bình khuyên can, Tài mới chịu ở lại. (58)

58. *CBTD*, 16/12 TĐ XXII, CB 336:215-23; *ĐNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975:383-84.

Tháng 12/1870-1/1871, cử Nguyễn Văn Tường, Đặng Toản đi Lạng Sơn; Phạm Chi Hương đi quân thứ Thái Nguyên, [quyền sung bộ chính Thái Nguyên], (59)

59. *ĐNTLCB*, IV, XLIV, 32:1870-1873, 1975:70, 76

**Ngày 18/1/1870 [16/12 Kỷ Tị]**, Võ Trọng Bình báo cáo tình hình phi Lạng Sơn-Cao Bằng; tình hình diệt phi của tướng Phùng Tử Tài. Tài từ Thái Nguyên về Bắc Ninh nghỉ, và muốn kéo quân về nước. Được Nguyễn Bá Nghi báo cáo Phùng Tử Tài than phiền không được cung cấp đầy đủ lương thực Hường Nhiệm sai Đoàn Thọ và Võ Trọng Bình khuyên can, Tài mới chịu ở lại.

60. *CBTD*, 16/12 *TĐ XXII*, CB 336:215-23; *ĐNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975:383-84

Ngày 20/2/1870, Hường Nhiệm cho Võ Trọng Bình thay Đào Trí và Nguyễn Bá Nghi liên hệ với Phùng Tử Tài để liên minh dẹp phi. (61)

61. *CBTD*, 17/1 *XXIII* [16/2/1870], 21/1 *XXIII* [Canh Ngo, 20/2/1870] CB 341:118-119, 172-173)

Vào cuối năm 1870, giữa lúc Hường Nhiệm cho giảm số quan binh để cắt bớt chiến phí, Đặng Chí Hùng lại dấy loạn ở Thái Nguyên. Tuần phủ Phạm Chi Hương bị giặc bắt. Vì nể tình thầy cũ, Hùng tha Hương. Hường Nhiệm sai Đoàn Thọ mang quân lên Lạng Sơn chuẩn bị đánh giặc, nhưng chưa kịp ra quân Thọ đã bị bắt, chỉ có Võ Trọng Bình chạy thoát. Hường Nhiệm vội phái Hoàng Tá Viêm cùng Tôn Thất Thụyết lên tăng viện.

Giữa thời gian này, Phạm Chi Hương mất. Triều thần luận tội cựu Bộ chính Thái Nguyên về việc Đặng Chí Hùng làm loạn sau khi đầu thú. Mộ bị xiềng "để răn những kẻ chịu nhục theo giặc." Sử quán toàn tu Vũ Phạm Khải cũng bị dính líu vào vụ này. (62)

62. *ĐNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975:75-76, 110-111; *ĐNCBLT*.

### **Phạm Chi Hương**

**1828: Hương giải [Cử Nhân thời Minh Mạng; ĐNCBLT, q. 31, (1993), 4:115 [115-16].**

Tháng 25/5-22/6/1865 [Tháng 5 Ất Sửu, 25/5-22/6/1865] Phạm Chi Hương làm tham tán quân thứ Hải Yên. Dự trừ thay Nguyễn Tri Phương làm Tổng thống. (*ĐNTLCB*, IV, XXX, 30:1863-1865, 1974:114-15 [9/1864], XXXII, *Ibid.*, 204 [5-6/1865]) *ĐNCBLT*, q. 31, (1993), 4:116.

17/1-14/2/1866: [Tháng Chạp Ất Sửu] Huế: Tổ chức lễ kính cáo quân công Hải-Yên. Ngày 23/1, lễ kính cáo trời đất. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIII, 30:1863-1865, 1974:288)

Thái Nguyên: Tăng Mãn và Lương Tai quấy nhiễu. Lãnh binh Nguyễn Cáp chạm giặc ở mỏ Nghĩa Lợi. Phó quản cơ Vũ Thọ, con Vũ Tảo, chết trận. Cáp rút lui. Giặc đuổi theo tới Ngân Sơn, Phúc Sơn. Cách chức Cáp. Tăng viện 500 lính từ Bắc Ninh. Lấy vệ võ sinh Ninh Bình lên Bắc Ninh. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIII, 30:1863-1865, 1974:291)

Cao Bằng: Phạm Chi Hương thu phục được phố Cầu Phong. Chạy cờ đỏ báo tin. (31:5) *ĐNCBLT*, q. 29, (1993), 4:116.

Lạng-Bằng: Trịnh Lý Hanh thắng trận Đồng Bộc. chiếm thêm đồn Khôn Quang. Phi chạy về nước. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIII,30:1863-1865, 1974:297)

15/2/1866: Tết Bính Dần Nhận được tin thu phục phủ Cầu Phong, Cao Bằng. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:5.

15/2-16/3/1866 [Tháng Giêng Bính Dần]: Trần Tiễn Thành đề nghị dùng lại thổ quan ở thượng du Bắc Kỳ. Thời Minh Mạng, dùng người kinh làm lưu quan. Vua nói sẽ tính sau. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:6.

Tháng 3-4/1866 [2 Bính Dần], Võ Văn Bình và Phạm Chi Hương dẹp xong giặc Khách ở Cao Bằng, thu phục được bọn Trương Cận Bang. Bọn Trương Cận Bang, Lưu Sĩ Anh, Hoàng Trung Hòa, Ngô Côn ra hàng vì lương ăn quần bách. Cấp 200 lạng bạc cho về nước. Cho 300 người trong số 3,000 ở lại làm ăn. Chạy cờ đỏ báo tin. Vua mừng lắm, làm bài thơ “hỉ tiệp.” (*ĐNTLCB*, IV, XXXIV, 31: 1866-1869, 1974:20-21.

Cao Bằng: Giặc lại khuấy phá. Đường chở lương không thông. (XXXIV, 31: 1866-1869, 1974:19, 20-21.

: Võ Trọng Bình và Phạm Chi Hương từ Lạng Bằng về Bắc Ninh. Tuyển mộ 200 giặc về hàng khoẻ mạnh thành đội Hướng nghĩa, theo Nguyễn Thịnh, Nguyễn Đăng Hộ qua Tuyên Quang đánh giặc. Hưởng Nhiệm: 4,5 năm nay Cao Bằng 3 lần thất thủ. Cho tinh thần tùy liệu. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:28-29)

Tháng 6-7/1866 Võ Trọng Bình và Phạm Chi Hương xin dời thành Cao Bằng về Thất Khê, cách Lạng Sơn hai ngày đường. Đình thần không đồng ý. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:33)

.Nguyễn Văn Tường, Bang biện huyện Thành Hóa,

Phản đối âm mưu khai man đất đai ở ba cửa biển Quảng Yên, Ba Lạt và Đà Nẵng là đất tư để cầu lợi. Và lại, “dân đi giáo làm tai mắt cho người Tây dương, có khác gì người bít tai mình mà đập phá trộm chuông không?” [38] Vua nghe theo. (*ĐNTLCB*, IV, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:37-40)

Quảng Trị, xin cho dân Thanh khai đất hoang. (*ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31:1866-1869, 1974:89).

Tháng 8-9/1866 Phạm Chi Hương làm tổng đốc Ninh-Thái. (*ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31:1866-1869, 1974:44)

XLIV, 32:1870-1873, 1975:70 [12/1870-1/1871, cử Phạm Chi Hương đi quân thứ Thái Nguyên, Nguyễn Văn Tường, Đặng Toán đi Lạng Sơn], 76 [quyền sung bố chính Thái Nguyên], XLIV, 1975:110-112 [Vũ Phạm Khải chết], XLVIII, Ibid., 1975:310 [chết]

1868 [Mậu Thìn]: [Tuần phủ Lạng Bằng Đặng Toán xin triều đình cho Phạm Chi Hương, Tổng đốc Bắc Ninh kiêm quản Lạng-Bằng, cho quân sang trừ tiểu phi Thanh ở Lạng Sơn. Yêu cầu phối hợp với Quảng Tây. Vua đồng ý. (34)

34. *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974:190.

191 [Tháng 1-2/1868 (1 Mậu Thìn, 25/1-22/2/1868) Bàn Văn Nhị và Lương Văn Lợi treo cờ trắng cướp châu Lục Yên (Tuyên Quang). Phan Văn Thuật sai quân cơ Nguyễn Văn Phan mang bọ đậu mục mới ra hàng là Lưu Vĩnh Phúc đi đánh. [Tháng 3 Mậu Thìn (24/3-22/4/1868). Vua sai Nguyễn Bá Nghi dự trừ cho yên],

[Tháng 4 Mậu Thìn (23/4-21/5/1868) Ngô Côn mang 2000 thuộc hạ qua cướp phá Lạng Sơn. Lãnh binh Đặng Văn Hội bị đánh bại. Hoàng Nhiệm sai Phạm Chi Hương làm Thống đốc Lạng Bằng quân vụ, cùng Bùi Tuấn làm hộ lí tổng đốc Ninh Thái và tiểu phủ sứ Ông Ích Khiêm làm tán lý], 206 [Lưu Vĩnh Phúc được cử phẩm bá hộ văn giai], vua sai Phạm Chi Hương thưởng tiền cho 4,000 quân Thanh qua đánh phi ở Lạng Sơn], 200

[Tháng 4 nhuận Mậu Thìn (22/5-19/6/1868) Ông Ích Khiêm cùng Tạ Kế Quý nhà Thanh thắng giặc ở Thất Khê]. 209

[Tháng 5 Mậu Thìn (20/6- 19/7/1868) Ông Ích Khiêm làm tả tham tán, Nguyễn Mại làm hữu tham tán], 214

[Cao Bằng, giải cứu được bố chính Cao Bằng Nguyễn Văn Vỹ, LV Phúc và Bàn Văn Nhị tranh nhau phó Bảo Thắng], 220

[Tháng 6 Mậu Thìn (20/7-17/8/1868) Sai Lê Tuấn đi sứ Thanh], 225

[Phạm Chi Hương đưa quân đến Cao Bằng], 228

[Ngô Côn chia quân đánh Cao Bằng. Tại Bắc Ninh, án sát sứ Tôn Thất Phan và phó quản cơ Phan Văn Diên chết] 229

[Tháng 7 Mậu Thìn (18/8-15/9/1868) Thống đốc Lạng Bằng quân vụ Phạm Chi Hương bị hãm trong đồn giặc], Tham tán Nguyễn Mại và Lãnh binh Nguyễn Viết Thành chết ở đồn Tú Sơn, Lạng Sơn. 235-36 [Ông Ích Khiêm xin thêm voi và viện binh], 237

[Đoàn Thọ làm bình khấu tướng quân]. (35)

35. *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 238

[Theo lời tấu của Phạm Chi Hương, Ngô Côn xin ra thú, Vua sai Phan Khắc Thận mang ấn Khâm sai đi tra xét]. 239

Ban sách Càn Long ngự phi lịch đại thông giám tập lãm cho các tỉnh để dạy học trò. [243]

Tháng 8 Mậu Thìn (16/9- ?/10/1868) [Cho lệnh Phạm Chi Hương tìm cách trốn về. Việc đầu hàng của Ngô Côn chưa xong. Muốn dò ý tứ quan Thanh. Ngô Côn cho thuộc hạ tràn sang Thái Nguyên], 256

[Đoàn Thọ, Nguyễn Hình trình việc Ngô Côn xin hàng. Đánh dẹp, hay võ về đều khó], 248-249

[Tháng 9 Mậu Thìn (?/10-?/11/1868], 257

[Tháng 1-2/1869 [12 Mậu Thìn], Phạm Chi Hương đưa Ngô Côn tới cửa thành Lạng Sơn xin đầu thú. Đoàn Thọ và Vũ Trọng Bình chấp thuận, cho 10,000 lạng bạc. Ngô Côn trả lại phó Cầu Phong, rút về Cao Bằng. Vua đồng ý cho Phạm Chi Hương đưa bọ Ngô Côn về Cao Bằng.(36)

36. *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 288-89.



Tháng 12/4-11/5/1869 [3 Kỉ Tị], bản án Phạm Chi Hương. Tuy nhiên, chỉ ít tháng sau, Ngô Côn lại trở súng làm phản. Cựu tuần phủ Tuyên Quang Phạm Chi Hương bị đóng gông dẫn vào Huế xử tội; nhưng được cách lưu. Làm việc ở quân thứ chuộc tội. Sau được thụ Bô Chính. 37. *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 316-17

Sau khi chết bệnh, còn bị xiềng vì bản án thất bại trong việc “vỗ về” Ngô Côn và Đặng Chí Hùng..

*Yên Bái: Cách Hà Nội 156 km đường xe lửa, Lào Cai, 140 cây số.*

## 2. Hải tặc:

Hải tặc là mối đe dọa thường xuyên của dân và ngay cả triều đình Việt Nam. Hải tặc Thanh đông đảo đến độ vùng Hong Kong [Hương Cảng] như chúng ta biết hiện nay từng một thời được đặt tên là đảo hải tặc. Trong Vịnh Bắc bộ, hải tặc thường lấy đảo Cát Bà ngoài khơi Vịnh Hạ Long, bốn bề vách đá, ở giữa có gò đồng bằng cát làm căn cứ, và là nơi tụ họp ngầm. Người Hoa mở tiệm ăn, giúp hải tặc tiêu thụ hàng hóa. (Cát Bà, diện tích hơn 140 cây số vuông, ngang 24 cây số, dọc 18 cây số, hiện nay thuộc huyện Cát Hải, thành phố cảng Hải Phòng.) Từ thời Pháp thuộc mới có thành phố Hải Phòng—trước đó chỉ là một trạm thu thuế nghèo nàn bên bờ Cửa Cấm—một trong những cửa biển của sông Lục Đầu. Từ thập niên 1870 trở thành Hải phòng sứ tỉnh Hải Dương, nơi đặt ty Thương Chính, tức thu thuế tàu bè ra vào buôn bán. Từ năm 1896, cắt nhượng cho Pháp, cùng với Hà Nội và Tourane (Đà Nẵng). Trong khi đó, Nha tuần tải do Bùi Viện (1837-1878) chỉ huy—phụ trách việc vận chuyển hóa vật, và sử dụng một số tàu chở thuê của người Hoa—có trụ sở ở Nam Định) Năm 2005, thị trấn Cát Bà có dân cư, chợ búa, khách sạn, và một đơn vị quân đội trú đóng

Hải tặc Thanh với chiến thuyền trang bị hùng hậu thường đánh cướp tàu buôn và ngay cả thuyền công chở vũ khí, tiền bạc, hàng hóa, thóc gạo của triều Nguyễn. [Năm 1842 tàu công *Thanh Dương* bị đánh cướp, khiến trên 300 người chết đuối, 51 người bị bắt sống. [Tháng 6/1843, hơn 20 thuyền hải tặc Hoa tới cửa Đại Chiêm (Quảng Nam). Sau đó, cướp phá Lý Sơn]. (62)

62. *ĐNTLCB*, IV, XLVIII, 32:1870-1873, 1975:303.

Không chỉ cướp phá miền bắc, hải tặc Thanh còn làm ăn tới Nghệ An, Huế, Qui Nhơn, v.. v..

Từ tháng 4-5/1865, Hoàng Nhiệm đã sai thương bạc Phan Huy Vịnh viết thư cho Thống đốc de Lagrandière yêu cầu tàu Pháp giúp chống hải tặc. Lại sai Tuần phủ Bình Thuận Nguyễn Hữu Cơ mang quà tặng; nhưng người Pháp có giá riêng để ra tay. (63)

63. *ĐNTLCB*, IV, XXXI, 30:1863-1865, 1974:188.

Năm 1869, Sứ đoàn do Lê Tuấn, Nguyễn Tư Giản và Hoàng Tịnh qua Trung Hoa được mật lệnh chuyển một lá thư xin nhà Thanh giúp đánh hải tặc. Triều

Thanh đồng ý. Ngày 2/2/1870, Hoàng Nhiệm thư cho Tuần phủ Quảng Tây cảm tạ nhà Thanh đã giúp đánh hải tặc. (64)

64. *CBTD*, 3/1 TĐ XXIII [**Canh Ngọ**] [2/2/1870] CB 343:1-4)

### 3. Thương nhân:

Hiểm họa phương Bắc không chỉ có hải tặc hay thổ phỉ. Các con buôn Trung Hoa cũng tạo nên những mối quan tâm lớn. Một trong những hiểm họa này liên quan đến vấn đề kinh tế.

Đáng sợ nhất là vấn đề buôn bán thuốc phiện. Thoạt tiên, Tự Đức xuống lệnh nghiêm cấm bán thuốc phiện. Sau vì thiếu hụt ngân sách—phần do loạn lạc liên miên, phần phải trả bồi thường chiến phí cho Pháp—từ năm 1865 triều đình cho phép Hoa thương thầu thuế thuốc phiện.(65)

65. *CBTD*, 28/12 TĐ XII (1860), 10-12, CB 250:244; [Dụ cấm các quan hút thuốc phiện] *CBTD*, XII:270-74.

Ngày 5/12/1869 [3/11 Kỷ Tị] Bộ Hộ còn xin cho phép Hoa thương thầu thuế thuốc phiện tại Thừa Thiên nộp bằng tiền thay vì bằng bạc, vì khan hiếm. (66)

66. *CBTD*, 3/11 TĐ XXII [5/12/1869], CB 334:270-74)

Nhiều gian thương nhà Thanh còn đúc tiền giả, phỏng theo tiền đồng của nhà Nguyễn, tung vào thị trường nội địa. Tháng 5/1871, vua phải sai các hạt xét bắt tiền giả; ai buôn bán tiền giả thì bị bắt; ai lấy làm phải đem nộp để tiêu hủy đi. (67)

67. *DNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975:104-113. Thế kỷ XX-XXI, dân Trung Hoa còn nổi danh với tài “nhái” xe gắn máy, đĩa hát nhạc của thế giới. Trong kế hoạch đường tơ lụa hàng hải, Trung Hoa làm nhái hai hàng không mẫu hạm của Ukraine để xây dựng hạm đội chinh phục thế giới.

Hoa thương cũng được độc quyền khai thác các quặng vàng ở Miêu Bông, Quảng Nam, hay quặng sắt ở Tư Nông, Thái Nguyên, và rồi các mỏ than ở vùng ven biển. (68)

68. *CBTD*, 27/5 TĐ XXIII, 5-6, 354:159-166 [vàng]; 8/9 TĐ XXIII, 7-9, CB 352:319-321 [sắt];

Tóm lại, người Hoa không những độc quyền việc ngoại thương mà còn chi phối cả nền thương mại trong nước.

Ngoài ra, còn có vấn đề mua bán nô lệ. (69)

69.

### 4. Thị trường Trung Hoa:

Mối họa Bắc phương đáng sợ nhất là chính thị trường Trung Hoa mà các nước Tây phương đang nhòm ngó. Từ triều Minh, Trung Hoa đã được giới doanh thương và giáo sĩ Âu châu vây phủ với những huyền thoại. Với dân số hơn 300 triệu người, gồm hàng ngàn sắc dân, Trung Hoa có một mãi lực đầy hấp dẫn. Nếu

mỗi người Trung Hoa tắm bằng xà-phòng thơm ngoại hóa mỗi năm một lần, số xà-phòng bán ra mang lại lợi tức khổng lồ. Nếu mỗi ngày một người Hoa chỉ hút một điếu thuốc lá thơm, và/hay yên-sĩ-phi-lý-thuần với một ngao thuốc phiện, những nhà trồng tía từ Mỹ châu qua India tha hồ trục lợi. Ngoài ra, còn những mặt hàng mua một, bán mười khác như đại pháo, súng đạn cá nhân, v.. v... mà các tay tham vọng ở Trung Hoa, từ vua quan ở Bắc Kinh xuống tới các vùng đất còn tự trị ở phía Tây và Nam không ngừng đòi hỏi. Cảnh bị lừa gạt mua hai tàu bọc đồng vận tải Mẫn Thỏa và Thuận Tiệp của lái buôn Phố Na [Bona] Bri-tên để canh tân ngành vận tải là những kinh nghiệm cay đắng và Ngõ ngành như huyền thoại Mạc Đĩnh Chi “vò chim sẻ vẽ trên vách nhà tể tướng Minh.”

### 5. "Phên dậu" của Thiên triều:

Vị trí địa dư của Đại Nam còn tạo nên một mối hiểm họa trường cửu về chiến lược toàn vùng. Là một cường quốc ở Á châu, Trung Hoa có những quan niệm đặc biệt về vấn đề an ninh của một thượng quốc. Đại Nam, giống như các nước lân bang, đều bị xếp hạng như “phên, dậu” của Trung Hoa—sớm muộn sẽ bị “tổ hợp” vào đế quốc. Sự hiện diện của bất cứ thế lực ngoại cường nào trên những thuộc quốc phên dậu này đều khiến Trung Hoa quan tâm và tìm cách củng cố ảnh hưởng. Trong thập niên 1860 và đầu thập niên 1870, phần vì những cuộc biểu dương lực lượng của các cường quốc Âu châu mà kết quả chung cuộc thường là triều đình nhà Thanh phải bồi thường tiền chiến phí và chấp nhận một số yêu sách—như tôn trọng quyền tự do hút thuốc phiện và buôn bán thuốc phiện, tự do giảng đạo Ki-tô, cắt đất hay mở thêm 9 hải cảng buôn bán—Yên Kinh quay mặt làm ngõ trước việc Pháp chiếm đóng Nam Kỳ. Tuy nhiên, Tổng lý nha môn cực lực chống lại mọi ý định bành trướng ra miền Bắc của Pháp. Sự hiện diện của Pháp tại châu thổ sông Hồng, dưới mắt Yên Kinh, đe dọa trực tiếp vùng Vân Nam cũng như Quảng Tây, và xa hơn nữa, Lương Giang. Ngoài ra, Pháp sẽ lấy đi những nguồn lợi kinh tế như mua bán lúa gạo và khai thác quặng mỏ mà người Thanh được triều Huế cho độc quyền lãnh trung.

Ngược lại, Pháp và những cường quốc Tây phương sau này cũng đều quan tâm đến vị trí chiến lược của Đại Nam, đặc biệt là Bắc Kỳ, trong những sách lược đối xử với Trung Hoa. Việc Tổng đốc Lương Quảng Trương Thụ Thanh cho quân sang đánh dẹp thổ phỉ ở vùng thượng du Bắc Kỳ từ thập niên 1860 khiến Pháp không thể không nghĩ đến việc cắt bỏ mọi liên hệ giữa Huế và Yên kinh, để bảo đảm một thuộc địa đóng kín cho quyền lợi Pháp. Bởi thế, chẳng phải vô tình mà Pháp nhấn mạnh điểm “An Nam” muốn ký hiệp ước hay cắt đất cho nước nào phải được sự chấp thuận của Pháp.

Vị trí địa dư của Đại Nam, đặc biệt là Bắc Kỳ, trở thành một yếu tố quyết định sau khi đoàn thám hiểm Pháp khám phá ra vào năm 1868 rằng sông Cửu Long không tiện cho việc giao thương.

Vấn đề giao thông với Hoa Nam rồi sẽ mang lại những hậu quả trầm trọng cho chính Liên bang Đông Dương thuộc Pháp vào thập niên 1930 và 1940, đưa đến việc Nhật chiếm đóng Đông Dương. (71)

71. Xem Vũ Ngự Chiêu, "Political and Social Change in Vietnam Between 1940 and 1946," Part 1: Japan's Occupation of Indochina, Ph.D. dissertation, Univ. of Wisconsin-Madison, Dec 1984. Các tác giả Pháp thích dùng thuật ngữ Nhật "đóng quân" hay "có mặt" ở Đông Dương từ 1940-1945.

Khoảng một thập niên sau, chính vị trí địa lý chiến lược tại tuyến phòng thủ Đông Nam Trung Hoa ít nhiều lôi cuốn chính phủ Harry Truman, và rồi Dwight D Eisenhower và John F Kennedy vào cuộc chiến Ba Mươi Năm (1945-1975) tại Đông Dương.

## B. PHẢN ỨNG CỦA GIỚI SĨ PHU:

Đối diện hiểm họa mất nước, các sĩ phu Việt có ba quan điểm dị biệt, nếu không phải đối nghịch nhau. Một thiểu số đề nghị triều đình phải gấp rút canh tân. Phe khác cổ võ việc đặt ưu tiên hàng đầu vào việc kháng Pháp, và duy trì hiện trạng. Phe khác nữa, mà số người ngày càng nhiều, bắt đầu nhìn gió, chuyên buồm, tìm cách gây thiện cảm với các giáo sĩ Ki-tô và người Pháp để mở đường tiến thân.

### 1. Nhóm Canh Tân:

Trong số những người nổi danh nhất có Phạm Phú Thứ (1820-1881), từng tháp tùng Phan Thanh Giản qua Pháp và Espania năm 1863. Từ năm 1865, Thứ đề nghị khai khẩn các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế, đưa đến việc tổ chức các doanh điền sứ hay đồn điền. Sau đó, trong thập niên 1870, Thứ đề nghị canh tân binh đội và hạm đội. Thứ cùng Thượng thư Trần Tiền Thành (1813-1883) được coi như hai nhân vật cấp tiến nhất trong hàng quan chức.

Người chủ trương canh tân khác là Đặng Huy Trứ, từng du học ở Nhật. Trứ là người được dự thi đình vào cuối đời Miên Tông; nhưng bị cách tuột vì phạm húy chữ "Gia Miêu" là quê hương cũ của vua chúa Nguyễn tại Thanh Hóa. Sau đó, lại đỗ giải nguyên. Ngày 2/2/1868, Trứ dâng điều trần về kinh nghiệm tự lực canh tân của nhà Thanh, Cao Ly, Nhật Bản, Ba Tư. Ít lâu sau, Trứ xin vua xin nghiên cứu tờ mật tấu của Tăng Quốc Thuyên [Phiên], Tổng đốc Lạng Giang, trước tình hình ba nước Bri-tên, Pháp và Mỹ muốn giảng hòa với nhà Thanh. (72)

72. TTLTQG II (TP/HCM), CBTĐ, 22/12 TĐ XXI [15/2/1868], CB 313:263-272; 2003:146 [Đặng Huy Trứ xin sao tờ tấu của Tăng Quốc Phiên]; 9/1 TĐ XXI [2/2/1868], CB 299:16-20; 2003:138-139 [Đặng Huy Trứ trình bày việc canh tân ở TH, Cao Ly, Nhật]

Nhưng những nỗ lực tiếp xúc Nhật chỉ đưa đến việc mua đại bác Nhật. Sau đó, Trứ bị thất sủng vì "nói thì cao mà tài thì kém." (73)

73. ĐNTLCB, IV, LI, 33:1874-1876, 1975:105; TTLTQG II (TP/HCM), CBTĐ, 22/11 TĐ XXII [20/12/1869], CB 333:127-129, 2003:157 [mua súng Nhật];

Trong giới giáo dân, nhiều người cũng gửi điều trần xin canh tân như sử quán biên tu Lê Cơ (Nam Định, 5-6/1867) về tệ nạn quan lại, Đinh Văn Điền. (Ninh Bình, tháng 11-12/1869), về kế hoạch tự cường để chống Pháp như việc khai thác quặng mỏ, thành lập bình chuẩn ty [sở buôn bán] ở kinh đô các nước, canh tân quân đội, v.. v...]. (74) Đinh thần xin trừng phạt Lê Cơ, và không cứu xét đề nghị của Điền vì đang có tranh chấp, thù hận lương giáo. Hường Nhiệm đồng ý tâng lờ những yêu sách trên.

74. *ĐNTLCB*, IV, XXX, 30:1863-1865, 1974:148, & XXXVI, 31:1866-1869, 1974:124 [Lê Cơ]; 262-263 [tháng 11-12/1869, Đinh Văn Điền],

Nổi danh nhất có lẽ là nhân vật “huyền thoại” Nguyễn Trường Tộ (1827[1931?]-1871)—một giáo dân gốc Nghệ An. Tộ là người hầu cận Giám mục Gauthier [Ngô Gia Hậu], từng theo Gauthier qua Hongkong. Sau đó làm thông ngôn hay nho ở Sài Gòn, ít nhiều giúp vào việc thương thuyết giữa Nguyễn Bá Nghi với Phó Đô đốc Charner năm 1861. Tộ tự nhận từng chu du thiên hạ, việc gì cũng nghiên cứu—trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý, ở giữa tường tận lòng người. Từ năm 1863, Tộ viết nhiều điều trần góp ý về chính sách hòa với Pháp, đồng thời dựa theo Ki-tô giáo canh tân, qua trung gian của Giáo hoàng và Giám mục Gauthier. Tộ còn tiết lộ từng tham dự vào việc nghị hòa của Nguyễn Bá Nghi với Charner năm 1861, và gửi “Hòa từ” cho Nghi cùng các sứ thần Việt khác như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản, Trần Tiễn Thành, v.. v... Đưa ra “thuyết” tung-hoành, thâu tóm “túi khôn của nhân loại suốt 500 năm,” Tộ còn hô hào triều Nguyễn tìm cách “dĩ man, trị man,” khai thác mâu thuẫn giữa các nước phương Tây—đặc biệt là Bri-tên, Espania, Nga và Pháp—để kèm chế tham vọng và đả bại Pháp.

Từ năm 1865, triều đình đã có ý sử dụng Tộ. Năm 1866, cử Tộ đi từ Quảng Bình ra Bắc xem xét các quặng mỏ. Rồi, mùa Thu 1866, cho Tộ tháp tùng Gauthier ra ngoại quốc tham quan và mua sắm vật liệu thiết lập một trường Quốc học ở Huế. Cùng đi có hai phái viên Nguyễn Tăng Doãn và Trần Hiếu Đạo. Rồi Sài Gòn đầu năm 1867, phái đoàn Gauthier bị triệu hồi sau khi Thống đốc de Lagrandière chiếm đóng ba tỉnh miền tây Nam Kỳ năm 1867. Về tới Huế mùa Xuân 1868, giữa cao trào “Bình Tây Sát Tả” lần thứ hai, Tộ mật tấu xin được qua Pháp lần thứ hai để mở mặt trận địch vận ngay tại thủ đô Pháp. Tuy nhiên, sau đó Tộ được lệnh Gauthier phải trở lại Nghệ An (ngày 7/4/1868).

Năm 1870, nhân dịp Pháp bị Prussia đả bại, Tộ mật tấu hai phương sách đối với Pháp:

1. Xin sai người đến Gia Định do thám, dâng kế khiến cho Pháp trả lại 6 tỉnh miền Nam, đem quân về nước để dẹp nạn trong nước, rồi lại sang buôn bán như người Bri-tên ở Hạ Châu;

2. Chơi thân với người Bri-tên, nước Pháp thấy Đại Nam tìm đến người Bri-tên, mới dễ nguôi lòng về bản định hòa ước. Lại đề nghị cử người qua thủ đô Bri-tên thăm dò, tùy tiện bày kế. (75)

75. *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32:1870-1873, 1975:59-60 [tháng 10-11/1870]; Kho Lưu trữ Trung Ương II (TP/HCM), *Nguyễn Triều Châu Bản, Tự Đức [CBTD]*, 30/11 TĐ XXIII (20/1/1871), CB 364:90-4, dẫn trong *Châu Bản triều Tự Đức, 1848-1883* (chọn tuyển và tóm lược), tài liệu nội bộ; *Ibid.*, q. 233, dịch qua Việt ngữ trong Trương Bá Cần, *Nguyễn Trường Tộ: Con người và di thảo*, tái bản có bổ sung (TP/HCM: Phương Nam, 2002), t. 569-71. **Tác giả quên tính tháng 10 nhuận năm này [23/11-21/12/1870]** nên ghi ngày Tây lịch là **23/12/1870**, thay vì **20/1/1871**].

Trần Tiễn Thành ủng hộ sách lược mới của Tộ, xin cho Tộ cùng Linh mục Hoàng qua Pháp. Hường Nhiệm đồng ý, mật triệu Tộ về kinh. Ngày 20/1/1871, Thành lại xin theo kế hoạch của Tộ là tạm thời ôn hoà với Pháp, chờ thời cơ đòi lại 6 tỉnh. Năm ngày sau, Viện Cơ Mật (gồm Nguyễn Tri Phương, Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ, Lê Tuấn) nhận xét rằng Tộ là người có lòng, xin cho lệnh tinh thần Nghệ An đưa gấp Tộ về Huế thảo luận việc qua Pháp để liên lạc các nước Anh, Nga, Áo, Phổ, cùng hai viện thứ dân và công hầu tại Paris. (76)

76. *CBTD*, 30/11 TĐ XXIII (20/1/1871), CB 364:90-94 [2003:177]; *Ibid.*, 5/12 TĐ XXIII (25/1/1870), CB 233; dịch qua Việt ngữ trong Cần, 2002:571-72.

Tuy nhiên, tới Huế một thời gian, Tộ lại trở về quê nhà vì bệnh. Ít tháng sau, Tộ chết. Gauthier đưa ra giả thuyết rằng có thể Tộ bị đầu độc. (77)

77. Thư ngày 1/11/1871, Gauthier gửi Paris; Cần, 2002:68-9.

Tháng 11/1870, vua cũng sai Nguyễn Hữu Lập—nhị giáp tiến sĩ năm 1862 (cùng Lê Khắc Nghị), lấy đậu 6 tiến sĩ, 5 phó bảng. (*ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:306)—đi sứ nhà Thanh cảm tạ việc Phùng Tử Tài đã mang 31 doanh quân qua Bắc Việt đánh dẹp thổ phỉ tại Bắc Kỳ. Nguyễn Hữu Lập nhận mật chỉ liên lạc các nước Cao Ly, Nhật Bản, Lưu Cầu [Ryukyus], gợi ý việc “các nước phương Tây chuyên dùng kế liên hợp với nhau để xâm chiếm các nước phương Đông, ta phần nhiều bị nọc độc ấy, nước tôi và các quý quốc đều là chung một thứ văn tự, nhưng địa thế xa cách, về phương kế tự cường, tự trị, xin để bàn riêng với người có chuyên trách.” Vua còn dặn dò, trong khi bút đàm về nước Tây, nếu là chuyện bí mật, viết vào mảnh giấy nhỏ, rồi thu lại bỏ đi, không để truyền bá ra ngoài. Tháng 10/1872, Lập về nước, được khen ngợi, thăng thực thụ Thị lang, thụ Tham tri bộ Hộ. Phó sứ thứ hai Trần Văn Chuẩn bị mất cấp bộ áo châu tam phẩm được miễn tội. Trên đường đi, Nguyễn Hữu Lập gửi thư cảm ơn Tô đại nhân về việc dẹp Ngô Côn, và yêu cầu đánh phỉ Tô Quốc Hán, đang chiếm cứ Cao Bằng. (78)

78. *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32:1870-1873, 1975:59-60 [10-11/1870], XLVII, *Ibid.*, 1975:240; TTLTTU 2 (TP/HCM), *CBTD*, thập nhị tam niên, thập nguyệt-thập nhất nguyệt, không ngày, Đồng Trị IX [1870], CB 362:336-39.



Trong những năm kế tiếp, triều đình Huế nỗ lực thực hiện các đề nghị ngoại giao “hé cửa” theo chiều hướng này, nhưng chẳng đạt được kết quả nào. Cuối cùng, Huế chỉ còn một chỗ tựa duy nhất là Yên Kinh và Lương Quảng; nhưng vua quan Thanh cũng đang lâm vào cảnh “óc không mang nổi mình ốc,” chỉ tạo thêm những nỗi hổ nhục cho vua quan Nguyễn và sự khổ đau của dân chúng miền Bắc. (79)

79. Xem Vũ Ngự Chiêu, “Nguyễn Ái Quốc: Người Việt đầu tiên đến Mỹ?,” *Hợp Lưu* (Fountain Valley, CA), số 93 (2-3/2007), tr 26-31, và 94 (4-5/2007), tr 14-21.

Từ đầu năm 1870, Bộ Lễ cũng bắt đầu chú tâm vào việc học tiếng Pháp và tiếng Anh. Học sinh tiếng Pháp sẽ được đưa vào Sài Gòn cho Petrus Ký khảo hạch. Tuy nhiên, mức tiến bộ có những giới hạn. [31:204] Ngay đến Linh mục Nguyễn Hoằng hay các giáo sĩ Pháp cũng không đủ khả năng dịch lại một số tác phẩm kỹ thuật Tây phương.

Trong khi đó, triều đình không ngừng hiện đại hóa quân đội. Mua tàu gấn đại bác của Hong Kong, Prussia, và tàu chiến của Pháp. Ngoài ra, còn tìm cách mua và chế biến súng đạn với người Nga. Tuy nhiên, ngân sách eo hẹp và sự phong tỏa của Pháp khiến các kế hoạch hiện đại hóa này bị đình trệ. Đó là chưa kể vấn đề yếu kém về nhân sự và kiến thức kỹ thuật khoa học đương thời.

(1). Ba sứ đoàn Espania tới Huế năm 1870. Sứ thần năm 1870 ký một thương ước và “đứng vái ba lần” tại điện Văn Minh. Nhưng Espania không đủ khả năng hay ước muốn chống Pháp. Espania cũng không muốn trở thành lá bài của Hoàng Nhiệm, và chính sách đại cương của Madrid là duy trì và củng cố các thuộc địa hiện hữu. (80)

80. ĐNTLCB, IV, 33:17-18. Theo học giả Nguyễn Thu Hoài, có khoảng hơn 20 tư liệu Châu bản triều Tự Đức về các sứ đoàn Espania tới Huế; TTLTQG I (Hà Nội), CBTĐ, CB 212, TL 59, tr. 190-191 (9/3 TĐ23) [8/4/1870]; TL 62, tr. 194-197 (11/3 TĐ23) [10/4/1870]; TL 63, tr. 198-199 (12/3 TĐ23) [11/4/1870]; TL 70, tr. 216-218 (17/3 TĐ23) [16/4/1870]; TL 67, tr. 209-211 (16/3 TĐ23) [15/4/1870]; TL 71, tr. 219-225 (18/3 TĐ23) [17/4/1870]; TL 73, tr. 229-230 (19/3 TĐ23) [18/4/1870]; TL 76, tr. 236-237 (20/3 TĐ23) [19/4/1870]; TL 78, trang 241-242 (21/3 TĐ23) [20/4/1870]; TL 80, tr. 245-247 (22/3 TĐ23) [21/4/1870];

(2). Việc tiếp xúc với Bri-tên đã mở ra từ thập niên 1860. Nhu cầu mua khi giới, tàu chiến và đạn dược, quân nhu giúp quan hệ với Hong Kong gia tăng. Năm 1866, hãng buôn Bri-tên Bonan [Phố Na] ở Hong Kong đòi triều đình Huế phải cho thu thuế thuốc phiện ở các hải cảng Đại Nam để trừ vào số tiền mua tàu Mẫn Thòa, Hoàng Nhiệm sai Phan Thanh Giản vào Sài Gòn nhờ Pháp can thiệp. Ngày 17/8/1867, sau khi Giản tự tử, Nguyễn Tri Phương, Võ Trọng Bình và Trần Tiễn Thành trình việc thông ngôn Nguyễn Đức Hậu, khi qua Hong Kong trao trả nạn nhân đắm tàu, được người Bri-tên nói sẵn sàng giúp chống Pháp, và xin gửi sứ

đoàn qua Hong Kong nhờ Bri-tên can thiệp. Ba ngày sau, 20/8, lại trình việc cử Trần Đình Túc, Nguyễn Văn Thúy cùng thông ngôn Hậu qua Hong Kong tạ ơn. Tuy nhiên, nỗ lực này chẳng mang lại kết quả nào ngoài bản án của tòa Hong Kong, bắt triều đình phải trả món nợ Hậu còn thiếu, và Constantin đến tận Huế đòi nợ. (81)

81. *DNTLCB*, IV, q XXXIV, 31:1866-1869, 1974:11, 33, 34-7 [tháng 12/6-10/7/1866, tháng 5 Bính Dần ; mua tàu Thuận Tiệp bằng đồng, thay cho tàu Mẫn Thòa. Nhưng cũng bị lừa], 100, 33:1874-1876, 1975:211, 214, 258-259 [11-12/1875, sửa chữa xong ống khói tàu Mẫn Thòa], [281-262, thàu Nần Thòa phát nổ tại bờ biển Thừa Thiên ; Hồ Văn Long cùng 26 người khác chết] 283 [23/5-21/6/1876 : đóng thuyền lớn để vận tải ; cho thuyền dân về buôn bán ; 1975 :283]

(3) Tháng 5/1872, Lãnh sự Prussia ở Hương Cảng là Mang Cơ cùng 7 sĩ quan và 12 thủy thủ Đồ Bà tới tiếp xúc Thương Bạc, muốn thông thương. Hường Nhiệm mừng lắm, sai Nguyễn Chính sang Hongkong bằng tàu *Thuận Tiệp*. Lãnh sự Prussia hứa chuyên thư về nước và thông báo quyết định của vua Prussia. Rồi cho tàu đưa Nguyễn Chính về nước, và bán tàu trên cho Việt Nam. (82)

82. Tháng 10/1872, mua tàu thủy *Viễn Thông* của Prussia, giá 1 vạn đồng; *DNTLCB*, IV, XLVIII, 32:1870-1873, 1975:237-238. Có lẽ vì vậy, các giáo sĩ tung tin Prussia đã nộp cho Tự Đức dự thảo một hiệp ước “42 điều.”

Dĩ nhiên, một số viên chức Bri-tên chẳng ưa gì Pháp (và ngược lại). Nhưng ở thời điểm này, London chủ trương một liên minh với Paris có lợi hơn kinh chống lẫn nhau. Từ thập niên 1830, liên minh Bri-tên và Pháp không chỉ khiến nhà Mẫn Thanh nghiêng ngửa trong nỗ lực bảo vệ quyền tự do hút ma túy của dân Trung Hoa do Bri-tên chủ trương, và tự do tín ngưỡng mà Pháp cổ võ, mà còn khiến Nga phải chịu khuất phục. Bởi thế, những nỗ lực cải thiện liên hệ với Bri-tên, qua Hong Kong và Singapore đều không có hồi âm. Bộ Ngoại Giao (Foreign Office) Bri-tên còn bổ nhiệm một Lãnh sự tại Sài Gòn từ hạ bán thập niên 1860.

(4). Các phái viên của Hường Nhiệm tiếp xúc được vài nhà buôn Nga, như Lạc Sĩ Điền hay Xuy Di để mua diêm tiêu làm thuốc súng. Nhưng hàng không tốt, Phạm Phú Thứ còn bị thư nặc danh tố cáo móc ngoặc Nga thương kiếm lợi. Năm 1871, bộ Hộ, Binh và Công cho rằng không nên mua đồng, gang, súng và máy móc của Nga vì khó sử dụng. Đề nghị bán tàu và khí giới cho Việt Nam của thương gia Nga cũng không đạt kết quả. Kết quả cuối cùng là một vụ kiện ở Hong Kong, và sau khi chỉ được bồi thường 6 vạn nguyên. Lạc Sĩ Điền bỏ về nước với lời đe dọa sẽ mang binh thuyền qua đánh Hong Kong để trả hận! (84)

84. TTLTQG II (TP/HCM), CBTĐ, 26/7 TĐ XXIII, 7-9, CB 352:16-28 [2003:173] [mua diêm tiêu của Lạc Sĩ Điền] & 26/7 TĐ XXIII, 7-9, CB 346:44-49 [2003:173] [Tự Đức khiển trách bộ Hộ, Phạm Phú Thứ cải chính thư nặc danh tố cáo mưu toan với Nga thương]; 8/12 TĐ XXIII, CB 366:18-20 [28/1/1871 [8/12 Canh Ngo]: \* Huế: Minister of Finance reported on the

purchase of diem tieu from a Russian trader named Xuy Di. The last delivered stock was not good. (CBTĐ, 8/12 TĐ XXIII, CB 366:18-20) & 25/12 TĐ XXIII, CB 367:145-152 [15/2/1871 [25/12 Canh Ngo]: \* Huế: Russian traders wanted to sell to Vietnam copper, cast iron (gang), guns and engines. The three ministries of Finance, Defense and Public Works disagreed because it was discomfort to use them. (CBTĐ, 25/12 TĐ XXIII, CB 367:145-152)] 4/2 TĐ XXIII, CB 367:220-224[24/3/1871 [4/2 Tan Mui]: Minister of Finances reported that a Russian trader stopped by, proposing to sell ships and weapons to Vietnam. (CBTĐ, 4/2 TĐ XXIII, CB 367:220-224)]

4/11 TĐ XXXI: Lê Điền trình việc Khâm phái Tạ Huệ Kế từ Hong Kong về, thuật lại tin đồn người Nga Lan Sĩ Điện, vì chỉ được bồi thường 6 vạn nguyên trong vụ kiện triều đình Việt Nam tại tòa án Hong Kong, đe dọa sẽ dẫn binh thuyền đến Hong Kong đánh rửa nhục. CBTĐ, 4/11 TĐ XXXI (1878), 7-12, CB 440:61-62.[2003:258]

(5). Một số nhà duy tân, như Đặng Huy Trứ, cổ võ việc noi gương Nhật Bản. Nhưng những nỗ lực tiếp xúc Nhật chỉ đưa đến việc mua đại bác. Tokyo đang bận rộn về vấn đề Đài Loan, nên chưa có thời gian nghĩ đến vùng nampo [biển Nam]. Cuối cùng, Bộ chính sự Trứ bị thất sủng vì “nói thì cao mà tài thì kém.” (85)

85. *ĐNTLCB*, IV, 31:105; *TTLTQG II (TP/HCM)*, *CBTĐ*, 22/11 TĐ XXII, CB 333:127-129, 2003:157 [mua súng Nhật]; 22/12 TĐ XXI, CB 313:263-272; 2003:146 [Đặng Huy Trứ xin sao tờ tấu của Tăng Quốc Phiên]; 9/1 TĐ XXI, CB 299:16-20; 2003:138-139 [Đặng Huy Trứ trình bày việc canh tân ở TH, Cao Ly, Nhật]

(6). Liên bang Mỹ, như đã lược nhắc, không còn nỗ lực nào để mở quan hệ với “An Nam” sau năm 1851. Mặc dù Hải quân Trung tá Matthew Perry và các nhà ngoại giao nhắc đến “Cochin-china” hay “Tonquin” trong các báo cáo của họ, Oat-shinh-tân chẳng mấy quan tâm đến phần lãnh thổ còn lại của Đại Nam. Chủ trương “*American business is business*”—tức thương mại là hòn đá tảng—thống trị chính sách ngoại giao Mỹ thời gian này. Cung cấp vũ khí cho Xiêm hay Trung Hoa, cùng dầu hỏa cho Cochinchine [Nam Kỳ] thuộc Pháp mang lại những lợi tức đáng kể. Mỹ và Pháp cũng có liên hệ khá tốt đẹp: Bức tượng nữ thần Tự Do ở New York là món quà lập quốc của Pháp. Thêm vào đó, cuộc nội chiến Bắc-Nam (1861-1865) và nhu cầu tái thiết cùng Tây tiến khiến Mỹ mất cơ hội tranh chấp thuộc địa ở Viễn Đông.

**20/12/1860:** Bang Carolina tuyên bố tách ra khỏi Liên Bang. 2/1861: 6 bang miền Nam theo chế độ nô lệ tuyên bố ly khai. Mở đại hội ở Montgomery (Alabama) thành lập một quốc gia khác. Bầu Đại tá Davis làm Tổng thống. Chính phủ Union lấy Richmond (Virginia) làm thủ đô. 12/4/1861: Nội chiến Mỹ bùng nổ [cho tới 1865]. 1/1/1863: Lincoln (1809-1865) tuyên bố chấm dứt chế độ nô lệ. 14/4/1865: Lincoln bị ám sát ngay đúng buổi lễ mừng chấm dứt nội chiến.

Tư liệu Mỹ cũng tiết lộ từ thập niên 1870, các nhà ngoại giao Mỹ tại Yên Kinh, Hongkong, Singapore hay Bangkok chỉ chú ý đến Sài Gòn. Tàu Mỹ chở than và gạo trên đường Hongkong-Sài Gòn mỗi năm lên tới 30 chiếc. Có trường hợp thủy thủ nổi loạn, cần giúp đỡ trên bờ. Họ đề nghị Bộ Ngoại Giao đặt tại Sài Gòn một đại diện thương mại hay nhân viên lãnh sự, nhưng năm 1873, Ngoại trưởng Hamilton Fish không tán thành.

Mười lăm năm sau, vào tháng 9/1888, BNG Mỹ mới đồng ý cử Aimée Fonsales, thuộc công ty *Denis Frères*, làm đại diện thương mại ở Sài Gòn. Fonsales nhận chức ngày 10/3/1889. Năm 1893, Schneegans thay Fonsales. Ba năm sau, 1896, Lauritz Stang thay Schneegans. Sau ngày chiếm Phi-lip-pin [Philippines] năm 1898, Mỹ mới có một Phó Lãnh sự ở Sài Gòn. Năm 1908, Jacob E Connor, được cử làm lãnh sự. Tháng 5/1908, hai chiến hạm Mỹ thăm Sài Gòn. Năm sau, 1909, Joblin thay Connor. (86)

86. Miller, 1990:142-45, 151-53.

Cuộc chiến Pháp-Phổ trong hai năm 1870-1871, và hòa ước Oat-shinh-tân giữa Mỹ và Bri-tên năm 1871 khiến Hường Nhiệm hé cửa ngoại giao với các nước Tây phương và Á Châu. Riêng với Liên bang Mỹ, Huế có những nỗ lực sau:

a. Giữa năm 1871, Bộ Hộ trình việc muốn thuê một số người Mỹ để sửa chữa và làm hoa tiêu cho tàu Mẫn Thỏa. (87)

87. TTLTTƯ 2 (TP/HCM), CBTĐ, Tự Đức Nhị Thập Tứ Niên, Tam-Ngũ nguyệt, ngày 22/4 TĐ 24, CB 369:203-207.

b. Mùa Thu 1873, nhân dịp tháp tùng sứ đoàn Lê Tuấn vào Sài Gòn, Linh mục Nguyễn Văn [Hữu] Thơ hay Cu—một trong hai giáo mục Ki-tô làm quan thông ngôn cho triều Nguyễn—ghi trong nhật ký là từng gặp Lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn. Theo Thơ, sứ đoàn tới Sài Gòn tối 31/8/1873 với hai nhiệm vụ: thương nghị việc xin trả lại ba tỉnh miền Tây, đồng thời dàn xếp việc Jean Dupuis ở miền Bắc. Ngay tối đó, Paul Philastre [Hoắc Đạo Sinh] (1837-1902), Giám đốc Bản xứ vụ Nam Kỳ, xuống tàu thăm. Ngày 2/9/1873, Đô đốc Jules Dupré (1813-1881) tiếp sứ đoàn Việt. Có mặt lãnh sự Bri-tên, Đức, Espania, Belgium, Denmark, Dutch và Mỹ, nhiều viên chức cao cấp và 4 nhà truyền giáo. (88) Tuy nhiên, đây chỉ là cuộc gặp xã giao, và vào thời điểm này, Mỹ chưa đặt lãnh sự tại Sài Gòn. (Mới chỉ có Lãnh sự Hong Kong, Singapore, Bangkok).

88. *BAVH*, VII, No. 3 (Jul.-Sept. 1920), tr. 370 [365-384]; *DNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975:304.

Những cuộc nổi loạn năm 1866-1867 khiến Pháp ngày một can thiệp sâu hơn vào nội tình Kambojia. Quan chức Việt có thể đứng sau lưng Assoa (Ong Bướm) trong cuộc nổi dậy ở vùng biên giới Thất Sơn năm 1866, vì nhân vật tự nhận là con Ang Em (Nặc Yểm) này thực tế chỉ là một cựu nô lệ tị nạn ở An Giang từ năm 1864. Sau đó, còn cho Assoa về Thất Sơn để thu phục dân Khmer. Dưới áp lực Pháp, mùa Hè 1866, Tuần phủ Nguyễn Khắc Thận phải bắt “Ong Bướm” giao

nap.(89) Năm sau, Hoàng Nhiệm quyết dứt tình với sáu tỉnh miền Nam—dù lúc nào cũng thờ than, ao ước chuộc lại—và đồng thời đoạn tuyệt với Kambojia cùng các tiểu quốc Lào.

89. *ĐNTLCB*, IV, XXIX, XXXIII, 30:1863-1865, 1974:86 [4/6-3/7/1864], 293 [17/1-14/2/1866].

## **2. Tinh Thần Bài Ngoại:**

Nhưng tinh thần bài ngoại nói chung, và chống Pháp nói riêng, là ngôn ngữ thời đại của giới Nho sĩ. Vì yếu thế, họ dồn mọi nỗ lực vào việc chống đánh giáo dân Ki-tô. “Loạn Văn thân” là một hiện tượng đặc thù trong thời gian này. Từ ngày 13/4 tới 17/5/1868, học trò làng Thanh Xuyên (Nghệ An), dưới sự lãnh đạo của nhóm Tú Tài Trần Tấn, gốc huyện Thanh Chương, nổi lên tấn công đốt phá 30 làng theo đạo Ki-tô. Phong trào lan rộng qua Hà Tĩnh, rồi Nam Định, Hải Dương gây nên những cuộc tương tàn Giáo-Lương đẫm máu. (90)

90. TTLTTU' II (TP/HCM), CBTĐ, 7-4/ TĐ XXI, CB 302:113-116 [2003:139] [khiếu nại của dân Ki-tô]; 10-9 TĐ XXI, CB 311:41-43 [2003:145]; *ĐNTLCB*, IV, 31:189, 192 [Nam Định], 206 [Nguyễn Huy Điền, Hà Tĩnh], 208 [bỏ thuốc độc ở Huế], 213 [Trần Tấn, Đặng Như Mai và 3 người khác, Nghệ An], 32:205 [được tha?], 33:10-11 [1974, lại nổi lên, sai Hồ Uy đi đánh], 27 [dân tị nạn ở nhà thờ NghệAn], 35 [Trần Tấn, Đặng Như Mai trốn lên núi], 37 [Trần Tấn liên kết với Trương Quang Cán], 39 [Nguyễn Huy Điền nổi kết với Trương Quang Thủ ở Hà Tĩnh], 107 [Trương Quang Cán bị giết; Đặng Như Mai bị bắt, chém]

## **3. Thuận Gió, Đổi Buồm:**

Một phe thứ ba, không phải là không đồng đạo, bắt đầu nghiêng về phía tân trào. Án sát Tôn Thất Đản, Tôn Thất Bá, hay Nguyễn Hữu Độ, Hoàng Cao Khải, Cao Xuân Dục, v.. v.. chỉ là những người nổi danh nhất. Họ âm thầm mua chuộc cảm tình của các viên chức Pháp, mở ra cửa ngõ cho danh lợi bản thân tương lai—một tương lai đầy bất trắc với những người còn mang quan điểm trung quân, ái quốc.

Sau ngày sứ đoàn Phan Thanh Giản về nước—với lời hứa cho sửa lại hòa ước 5/6/1862 của Napoléon III—phong trào duy tân mới có cơ hội lên cao. Hongkong, Macao, Singapore, và Bangkok trở thành những điểm tiếp cận với thế giới bên ngoài ảnh hưởng Pháp. Nhưng nỗ lực của các nhà duy tân chỉ có kết quả rất giới hạn.

Tháng 2-3/1863 [Tháng 1 Quý Hợi (TĐ XVI), 18/2-18/3/1863]: Tàu buôn Xích Mao bị đắm. Cho đưa qua Hong Kong. (*ĐNTLCB*, IV, 30: 1863-1865, 1974:9)

Một mặt, giai tầng văn thân bảo thủ hung hăng chống đối. Mặt khác, Pháp đã có chủ ý: Đại Nam chỉ được duy tân theo khuôn khổ Pháp mong muốn—dù ở thời

điểm này Pháp chưa có chính sách rõ ràng với Đại Nam, ngoài giấc mơ biến bán đảo “Án Hoa” thành cửa ngõ vào thị trường lục địa Hoa Nam.

Nhân dịp Pháp và Prussia (Phổ) lâm chiến năm 1870-1871, thầy kẻ giảng Paul Tô mật tâu hai phương sách—(1) sai người đến Gia Định do thám, dâng kế khiến Pháp trả lại 6 tỉnh miền Nam, đem quân về dẹp nạn trong nước, rồi lại sang buôn bán như người Bri-tên ở Hạ-châu; và (2) chơi thân với Bri-tên, Pháp thấy Đại Nam tìm đến người Bri-tên, mới dễ bàn định hòa ước. Lại đề nghị cử người qua Bri-tên thăm dò, tùy tiện bày kế. Trần Tiễn Thành xin theo kế hoạch của Tô: Hoà với Pháp, chờ thời cơ đòi lại 6 tỉnh, và buôn bán như trường hợp Bri-tên với Trung Hoa. Thành xin cho Nguyễn Hoàng và Tô qua Pháp, tiếp xúc với Hội truyền giáo và lưỡng viện quốc hội, cùng các nước Bri-tên, Nga, Úc, Phổ. Vua mật triệu Tô về kinh. (91)

91. *DNTLCB*, IV, q XLIII, 32:1870-1873, 1975:59-60; TTLTTU 2 (TP/HCM), CBTĐ, 30/11 TĐ XXIII, CB 364:90-94 (30/11 Canh Ngọ [20/1/1871]); [Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối*, I:209-215, 225-233].

Theo một nguồn tin, tháng 2/1871, Tô còn đề nghị đánh úp Gia Định. Nếu vậy, Tô chưa nhận hiểu khả năng quân đội Nguyễn, chính sách chủ hòa của Hoàng Nhiệm và Từ Dự thái hậu (10/6/1810-22/5/1901), cùng âm mưu của Puginier và Gauthier (cha đỡ đầu Tô và Linh mục Hoàng) nhằm xúi dục soái phủ Sài Gòn chiếm Bắc Kỳ. [Tháng 8/1873, Tổng đốc Nghệ An Tôn Thất Triệt bắt được thư Dupuis gửi Gauthier về việc góp vốn làm ăn, chuyển cho Thống đốc Pháp; *DNTLCB*, IV, q XLVIII, 32:1870-1873, 1975:306] Đánh úp Sài Gòn hẳn sẽ biến thành một cái cớ toàn vẹn nhất cho Pháp mang quân ra Bắc, nơi “6,000” tay súng của Puginier sẵn sàng giúp vài chiến hạm và khoảng một tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến đánh chiếm thành trì, tạo nên vương quốc Bắc Kỳ Ki-tô tự trị.

Ngày 22/11/1871 [10/10 Tân Mùi], Paul [Bảo Lộc] Nguyễn Trường Tô chết. Thọ 41 tuổi. Táng tại địa phận Bùi Chu. Do lời xin của Đốc học Nghệ An Lê Thước (người Hà Tĩnh) và Kiểm giáo Nguyễn Hiệt Chi, Cơ Mật viện trưởng Nguyễn Hữu Bài, tân Hiệp sĩ Vatican, cho phép Tổng đốc Tôn Thất Đàm lấy tên Nguyễn Trường Tô đặt cho “Kiêm bị tiểu học trảng” ở Vinh. Ngày 14/6/1925, lễ chính thức đặt bảng. Năm 1926 [?], bộ Học còn truy tặng Nguyễn Trường Tô chức Gia Nghị đại phu Hàn Lâm Viện trực học sĩ [3:1]. (92)

92. Nguyễn Trường Cửu; *Cần* 2002:507; Đinh Văn Cháp (?), “Biên khảo bổ túc vào tiểu sử của Nguyễn Trường Tô;” Lê Thước, “Tiểu sử Nguyễn Trường Tô tiên sinh;” *Nam Phong*, số 102, tr. 4-12; dẫn trong *Cần*, 2002:526-27.532.

#### D. CÁC NHÀ TRUYỀN GIÁO:

Đáng sợ hơn nữa là các nhóm tử thù nhà Nguyễn được tổ chức và điều giết bởi những nhà truyền giáo nhiệt tình—không những chỉ tự phong cho mình sứ mệnh khai hóa [*mission civilisatrice*] thế giới mọi rợ, mà còn nhận được thánh lệnh [*papal bulls*] để tàn sát, bắt làm nô lệ, cướp đoạt tài sản của tất cả những kẻ ngoại



đạo. Sau hơn 300 năm du nhập Đại Nam, các giáo sĩ cũng đã đặt xuống những cộng đồng vững mạnh, đủ sức để bắt đầu phản công theo số lượng chiến hạm tập trung ở Biển India, biển Đông Nam Á, và Hoa Đông trong cao trào thực dân Âu Mỹ. Giặc Ba Vành tại Ninh Bình-Nam Định trong thập niên 1820, hay sự hiện diện của Marchand cùng hơn 100 tín đồ trong cuộc nổi loạn ở Gia Định thành, chỉ là khởi đầu.

Từ hạ bán thập niên 1840, các cộng đồng giáo dân Ki-tô bị dồn đẩy vào thế công khai nổi loạn chống lại lệnh cấm đạo mới của Miên Tông và Hoàng Nhiệm. Nhiều giáo dân Ki-tô liên kết với hải tặc Tàu đánh phá vùng duyên hải, từ Quảng Yên vào tới Thanh Hóa, Nghệ An. Việc chiến hạm Mỹ bắn phá Đà Nẵng năm 1845, hay chiến hạm Pháp bắn phá năm 1847, 1856 đều có bàn tay các giáo sĩ, giáo dân. Sau nghị quyết năm 1857 của Ủy Ban Cochinchine, các giáo mục ráo riết chuẩn bị các lực lượng chống đối triều đình, và tang gia việc đào tạo các thầy kẻ giảng ở Penang, dọn đường mời đón các nhà “giải phóng” được Đấng Tạo Vật gửi tới.

Tháng 2-3/1859 [1 Ki Mùi, 3/2-4/3/1859]: The bandit leader Vu Van Kich of Hai Duong ravaged the citadel of Phuong Hoang (Quang Yen); *DNTLCB*, IV, q XX, 29:1859-1862, 1974:12. Tháng 3-4/1859 [2 Ki Mùi, 5/3-4/1859], Kịch bị thua ở cửa biển Lân Hải. Tịch thu 7 thuyền, bắt được 27 tên. Tháng 12/1860-1/1861 [tháng 11 Canh Thân], bị bắt ở Quảng Nam, đóng cũi giải về kinh, xử tử; *Ibid.*, q XXIII, 29:1859-1862, 1974:165.

Paul Francois Puginier [Phú], Giám mục Đường Ngoài Tây, ở Kẻ Sở, sau cái chết đột ngột của Theurel năm 1868, là một trong những người hăng say nhất trong nỗ lực vận động Pháp đánh chiếm “Tonkin.” Tới Đường Ngoài từ năm 1862, Puginier xứng đáng với biệt danh **“le Tonkinois”** hơn bất cứ người đương thời nào. Được những thủ hạ thân tín như “thầy Sáu” Trần Lục (Trần Văn Triêm, Père Six, 1825-1899), gốc họ đạo Phát Diệm, xúi dục và cố vấn, Puginier trở thành một Giám đốc tình báo nhân dân cho các viên chức Pháp—từ Trú sứ Rheinart des Essarts ở Hà Nội tới các tướng lĩnh, toàn quyền Pháp trong thập niên 1880. Năm 1886, Puginier còn từng quay mặt làm ngơ khi Nguyễn Hữu Độ đề cử làm Tuyên phủ sứ Thanh Hóa để đánh phá phong trào Cần Vương tại Thanh-Nghệ-Tĩnh. (93)

93. Văn khố Hội truyền giáo Hải ngoại Paris có một tuyển tập thư từ trao đổi giữa Puginier và viên chức Pháp. Nguồn thông tin chính của chúng tôi rút từ những tư liệu này, cùng nhiều báo cáo khác rải rác trong Văn khố Hải ngoại Pháp tại Aix en-Provence.

### **TRẦN VĂN TRIÊM (1825-1899)**

#### **X Cha Sáu, Trần Lục**

Một giáo mục Ki-tô, được coi như khai quốc công thần của chế độ Bảo hộ Pháp.

Gốc Ninh Bình. Thuở nhỏ có tên là Hữu. Đi tu mới đổi tên thành Triêm. Thường được gọi là “Cha Sáu” [Père Six]. Sau này, trên danh sắc đề là Trần Lục.

Năm 1858, khi còn là “Thầy Sáu,” bị đẩy lên Lạng Sơn. Ngày 13/7/1862, được phóng thích. 1865: Chánh xứ Phát Diệm.

1872-1873: Nhận lệnh Giám Mục Puginier tiếp tay Jean Dupuis, và rồi Francis Garnier trong việc đánh chiếm Bắc kỳ. Tổng số lính tập giáo dân lên tới 14,000. Nhiều người được Pháp phong chức tước, đưa lên thay quan của triều đình Việt.

**Ngày 5/12/1873**, Chuẩn úy (*aspirant*) Hautefeuille chiếm Ninh Bình. Trần Lục tức Triêm, nhận lệnh Puginier hướng dẫn Hautefeuille tới Ninh Bình. Rồi tuyển mộ 150 tay súng Ki-tô tới bảo vệ an ninh Ninh Bình. Tài liệu Nguyễn ghi là ngày 2/12/1873 [13/10 Quý Dậu]. (*CBTD*, 13/10 TĐ XXVI [Quý Dậu], CB 287:56-57)

Thập niên 1880: Giúp quân Pháp đánh phá các phong trào Cần Vương ở vùng Bắc Trung kỳ.

1-30/9/1883 [Tháng 8 Quý Mùi]: Tuần phủ Ninh Bình Tôn Thất Úy báo cáo:

“Toàn quyền” Harmand đã đặt một công sứ Pháp tại tỉnh thành, tịch thu thuốc súng, phong tỏa kho tàng. Đường dịch trạm bị tắc nghẽn. Ở xã Phát Diệm trong hạt ấy có viên giáo mục Trần Lục thông mưu với sứ Pháp, y mộ nhiều giáo dân và hàng ngàn tên vô lại, nhiều lần ra chặn bắt dịch phu để cướp lấy công văn. Các quan trú quân tại các tỉnh đều phải theo đường qua Phủ Nho Quan mà đệ công văn về. [*Xem 11/9/1883*]

Tháng 2-3/1884 [Tháng 2 Giáp Thân, 27/2-26/3/1884] Tôn Thất Trường, Hộ lý Tổng đốc Thanh Hoá; Hồ Tư Chung, Chánh sứ sơn phòng; và, Đỗ Huy Toàn, Phó sứ, bị kết tội vì việc phá đốt giáo dân. Trần Lục hay tới dinh sứ Pháp khiếu nại. (*ĐNTL, CB, V, 36:89-90*)

Ngày 30/9/1884, Trần Lục viết thư cho Brière de l’Isle, giới thiệu Nguyễn Hữu Độ như người có khả năng chống lại Tường và Thuyết. Thư viết bằng tiếng Latin. (*CAOM [Aix], Indochine, A.F., carton 17/A 30 (60)*). “Auxiliaire zélé de l’évêque Puginier, ce dernier était plus connu du corps expéditionnaire français sous le nom de Père Six, et lui avait toujours fourni des renseignements très estimés.” (Nguyễn Thế Anh, 1992:100)

1886: Được Nguyễn Hữu Độ đề cử làm Tuyên phủ sứ, đánh dẹp phong trào chống Pháp tại Thanh-Nghệ-Tĩnh.

1899: Được *hàm* Thượng thư. Kiến tạo một di tích lịch sử là nhà thờ Phát Diệm.

1899: Chết.

Lý do đơn giản và dễ hiểu là từ năm 1862, triều Nguyễn vẫn kiểm soát tới ba phần tư khối giáo dân Ki-tô. Mặc dù **điều 2** của Hiệp ước 5/6/1862 [9/5 Nhâm Tuất] giữa Louis Adolphe Bonard, cùng Đại tá Don Carlos Palanca y Guittiérrez,

với Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiệp qui định tự do giảng đạo Ki-tô trên toàn cõi Đại Nam, và trên thực tế đã sử dụng một số linh mục, thầy kẻ giảng và giáo dân—như Nguyễn Điều, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Văn Cư hay Thơ—giáo sĩ Ki-tô miền Bắc và An Nam [Trung Kỳ] chưa được ân hưởng hoàn toàn lợi nhuận của tân ước như thiếu số giáo hữu miền Nam. Hơn nữa, chính phủ Pháp dường có vẻ tạm hài lòng với số tiền bồi thường chiến phí lên tới 4 triệu Mỹ Kim, trả trong vòng 10 năm kế tiếp (**điều 8**), dồn nỗ lực thực thi chính sách vét dầu loang ở miền nam và Căm-Bốt, rồi các cộng đồng Lào, chẳng có vẻ gì vội vã khai thác ba hải cảng Cửa Hàn (Tourane), Ba Lạt (Nam Định) và Quảng Yên (An) cho việc giao thương (**điều 5**). Có lẽ vì vậy Bonard và Palanca đã gạt bỏ các giáo sĩ—ngoại trừ Théophile Legrand de la Liraye, tên Việt là cô Trường hay Dương, người thân cận và đồng hành của cựu Giám mục Pierre Retord trong thời kỳ giáo nạn—hay các thuộc hạ tín cẩn như Petrus Key (Dominico Lefèbvre), Nguyễn Hoàng và Nguyễn Trường Tộ (J. D. Gauthier) khỏi vai trò thông dịch, sử dụng người Hoa làm thông ngôn. (94)

94. Xem chú 109, chương V. Ngày 12/6/1862, Giám mục Herrengt, Đàng Trong Đông, báo cáo với Hội đồng các Giám đốc Hội truyền giáo [SME] Paris là không biết gì về chi tiết hiệp ước 5/6/1862. Theo một giáo sĩ: "**Missions annamites: Nos confrères, même ceux qui avaient le titre officiel d'interprètes, ne furent ni consultés ni employés dans cette circonstance** [traité du 5/6/1862]. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 28:172, 174.

Các giáo sĩ như Puginier [Phú] và Gauthier [Hậu] là những người cổ vũ hăng say nhất việc đánh cướp đất Bắc. Sinh ra và lớn lên trong một xã hội kỹ nghệ hóa, vật bản—giữa giai đoạn suy thoái của thần quyền nói chung, và Giáo hội Vatican nói riêng, khi thuyết tiến hóa Darwin giúp mở rộng kiến thức nhân loại—rồi thâm tóm quyền lực tinh thần và vật chất giữa một vùng đất mà họ cho là mọi rợ Thượng Đế đã dành sẵn cho Pháp, các giáo sĩ tìm đủ cách kích động lòng ham muốn lợi lộc của giới tài phiệt và các tay phiêu lưu mạo hiểm Pháp. Vì Đại Nam chỉ là một nước nhỏ, nghèo tài nguyên thiên nhiên, Puginier và các đạo hữu tìm cách rao bán lợi thế địa dư của miền Bắc như một cửa ngõ dẫn vào thị trường Trung Hoa. Sông Hồng—con sông phù sa nối liền Vân Nam với cửa Căm của Biển Đông Nam Á mà các giáo sĩ gọi là “sông Coi [Cái],” nơi Hoàng Nhiệm mới đặt trạm thu thuế Nhu Viễn từ tháng 11-12/1866, để thưởng công cho các thuyền chủ Thanh đã tiếp tay vào việc đánh phá hải tặc Tạ Văn Phụng—bỗng dựng biển thành một cửa ngõ vào thiên đường. Puginier bộc lộ sự thù ghét đặc biệt với triều Nguyễn. Đồng thời, đưa ra đề nghị mua trẻ em con giới ăn mày và những người nghèo khổ để phát triển giáo phận; (95)

95. Thư ngày 20/5/1870, về "tracasseries du gouvernement annamite"; ASME (Paris), Tonkin 704:103 ; báo cáo ngày 24/11/1870, Ibid., Tonkin 704:137ff,

Sự lộng hành và thủ đoạn khuynh đảo của các giáo sĩ khiến sau này Thống đốc dân sự đầu tiên của Nam Kỳ, Charles Le Myre de Vilers, người có công lớn trong việc chiếm đóng miền Bắc năm 1882-1883, phải nhận định:

Thật bất hạnh là đáng lẽ phải đương nhiên đồng minh với vương triều . . . [Trung Hoa], chúng ta đã trở thành quán quân tinh thần Ki-tô và sự truyền giáo; mà ở xứ này, được coi như một thứ tuyên truyền chống lại chính quyền (cách mạng); và hậu quả bất thường là nước Pháp dân chủ, dù dưới hình thức chính quyền nào, đang rao giảng lý thuyết thần học cho một dân tộc đã đưa được chế độ dân chủ xuống tới cấp tỉnh, xã.

Chúng ta đã trở thành đối nghịch, chẳng những với vương triều [Trung Hoa], mà cả với những người dân lương thiện vì trong mắt họ chúng ta là đồng minh và người che chở cho lũ du thủ, du thực, những tên mất gốc và những kẻ trộm cắp chẳng còn giai tầng xã hội, trốn vào các họ đạo, kiêu những tiểu quốc độc lập, vượt ngoài pháp luật nhờ sự yểm trợ của chúng ta. (96)

96. Báo cáo ngày 8/9/1882, de Vilers gửi BTHQ&TĐ; CAOM (Aix), A30(55), carton 16. Việc Pháp xâm chiếm Trung Hoa trong cuộc chiến tranh nha phiến cũng do sự xúi dục và đòi hỏi của Hội truyền giáo Pháp. Cao Huy Thuần, *Les missionnaires et la politique coloniale française au Vietnam (1857-1914)*, (New Haven: Yale Center for International and Area Studies, 1990), tr.262-63. Sẽ dẫn: Thuần 1990).

Như đã lược nhắc, từ giữa thập niên 1850, các giáo sĩ đã trực tiếp nhúng tay vào các băng đảng thổ phi và hải tặc bản xứ ở miền Bắc, với sự tiếp tay của sĩ quan Hải quân Pháp, để mở mặt trận yểm trợ cho cuộc xâm lăng miền Nam. (97)

97. Ki-tô phò Lê Duy Huân: CBTĐ, 23/2 TĐ XII [1859], 1-4, CB 239:159-63 [2003:63];

Ngày 22/10/1861, Đình Kỳ Diên báo cáo về tình hình dân chúng từ Quảng Bình ra Bắc.

1. Dân Gia-tô bị câu thúc, ban đêm bị gõ cửa, nên đã phải tuân theo luật lệnh của triều đình chứ không phải tự nguyện.
  2. Sưu dịch khổ sở từ ngày Pháp xâm lăng, nên rất oán thù Pháp.
  3. Tại Quảng Yên, khoảng 50 thuyền Trung Hoa đã tụ tập để tự vệ, không nhằm làm loạn.
  4. Ở ngoài Bắc, bão lụt khiến việc đồng áng khó khăn. (98)
98. CBTĐ, 19/9 TĐ XIV, CB 261:189)

Lúc này, tình thế miền Bắc vô cùng rối ren. Thổ phi và Thanh phi cướp phá trên cạn và vùng Trung du, trong khi hải tặc lộng hành khắp miền châu thổ. Triều đình đã cử ra miền Bắc hàng chục đại thần, kể cả Nguyễn Bá Nghi, Đào Trí, Trương Quốc Dụng, Phạm Chi Hương v.. v... mà tình hình chẳng khả quan hơn.

Giám Mục giáo phận Đường Ngoài Đông cũng không ngớt cổ vũ việc thành lập một thuộc địa Đường Ngoài tự trị.

Tháng 6-7/1861 một tàu Espania tới thành Biên Hòa, nhờ chuyển thư cho Hường Nhiệm. Đòi cho đóng quân ở Đồ Sơn, Hải Dương, lập trạm kiểm soát ở Nghiêu Phong, Quảng Yên, trong vòng 10 năm sẽ trả lại. Nếu không chấp thuận, sẽ sinh sự. Hường Nhiệm cho là vô lý, sai giao trả lại thư. Tàu Espania ra cửa Cần Giờ, bỏ đi. Hường Nhiệm hỏi ý đình thần. Đình thần nói họ đang gây sự ở Cát Bà chắc vì mục đích ấy. Hường Nhiệm cho lệnh phòng bị. (99)

99. *ĐNTLCB*, IV, q XXIV, 29:1859-1862, 1974:220; H le Marchant de Trigon, “Le traité de 1862 entre la France, l’Espagne et l’Annam. Documents réunis;” *BAVH* (Hà Nội), V, No. 4 (10-12/1918), pp 218 [217-252].

Ngày 17/7/1862, sau nhiều lần khẩn khoản xin viện binh, Tổng đốc Nam Định / Hưng Yên Nguyễn Đình Tân báo cáo mất nhiều đồn, trấn, tình thế rất cấp bách. (100)

100. *CBTĐ*, 21/6 *TĐ XV*, 4-7, CB 275:190-94.

Tháng 8-9/1862, thêm giặc Nông Hùng Thạc, Hoàng Anh tàn phá Tuyên Quang. Đình thần cử Nguyễn Tri Phương đi đánh dẹp. Trương Đăng Quế đề cử Trần Tiễn Thành. Thành xin miễn, xin tiền cử Phương. Chỉ riêng Đoàn Thọ xin mang quân ra Hà Nội.

Hường Nhiệm bèn phong **Nguyễn Tri Phương** chức Tây Bắc tổng thống quân vụ đại thần, cùng Hoàng Kế Viêm dẹp loạn.. Phan Đình Tuyển làm tán lý, Tôn Thất Tuệ làm đề đốc. Tri Phương xin thêm Phạm Hàn và Hoàng Mân ở Bình Thuận làm đốc binh. Vua chấp thuận. (101)

101. *ĐNTLCB*, IV, q XXVII, 29:1859-1862, 1974:326-327; *DNCBLT*, Nhị tập, q 24: Nguyễn Tri Phương (hạ), (Huế: Thuận Hóa, 1993), tập 3:447-448. [q 23: Nguyễn Tri Phương (thượng), 3:427 , 429 [427-446] [không xuất thân khoa cử, nhà giàu; làm việc trong nội các của Nguyễn Phước Đảm; lập nhiều chiến công, kể cả trận thu phục Gia Định thành năm 1835; không nói đến việc Tổng lãnh sự Mỹ]

Sự hiện diện của Nguyễn Tri Phương ở quân thứ Tây Bắc, tức Tuyên Quang-Thái Nguyên, khiến tình hình sang sửa hơn.

Ngày 24/10/1862, Bộ Binh báo cáo Nguyễn Tri Phương thắng trận ở Tây Bắc [Tuyên Quang]. Một tuần sau, ngày 31/10, Bộ Binh lại báo cáo Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Đình Tân thắng trận ở Tây Bắc, kéo cờ đỏ báo tin về triều. (*CBTĐ*, *TĐ XV*, cửu nguyệt-thập nguyệt, 2/9 *TĐ XV*, CB 279, tr 22-23; 9/9 *TĐ XV*, CB 279, tr 57-60; (Hà Nội: Văn Học, 2003), tr 125.) Tháng 4-5/1863 [3 Quý Hợi (*TĐ XVI*)]: thu phục lại thành Tuyên Quang. Đốt phá trại của Hùng Thạc; bắt được Lê Duy Huân. Sau bắt được thổ phỉ Thanh là Chu Lợi, và Quận Bột, người Kinh. (*ĐNTLCB*, IV, XXVIII, 30:1863-1865, 1974:12-13.) Ngày 18/5/1863 [Tháng 4 Quý Hợi]: Nguyễn Tri Phương lấy lại được thành Thái Nguyên. Giặc Tàu

hợp với người Man, người Nùng vây thành đã 8 tháng (từ tháng 9 năm ngoái). Giết chết Bộ chính sứ Nguyễn Đăng Sĩ; bắt án sát sứ Phan Trị. Đầu đảng là Lê Văn Thanh, Doãn Văn Đắc bị bắt mang về. Giết chết Nguyễn Văn Vân, Lê Văn Nghiêm. Một số phi rút chạy về Hoa Nam. (102)

102. *ĐNTLCB*, IV, XXVIII, 30:1863-1865, 1974:18-19.

Tháng 6-7/1863 [5 Quý Hợi], mặc dù giặc Thạc vẫn còn ở Tụ Long, Bảo Lạc (Tuyên Quang), Nguyễn Tri Phương được đổi sang trông coi làm tổng thống Hải Yên quân vụ. Mang theo 2, 3 vệ quân ở Tây Bắc. (103)

103. *ĐNTLCB*, IV, XXVIII, 30:1863-1865, 1974:20, 30 [7-8/1863].

Hiểm họa đáng sợ nhất ở miền Bắc thời gian này là giặc nước bất bình vì chính sách bài đạo của Hoàng Nhiệm hoặc bị các cố đạo xúi dục tiếp tay cho Pháp giải phóng, sớm lập một vương quốc Ki-tô. Những “minh chủ” như Lê Duy Huân, Lê Duy Cự, Lê Duy Hòa, Lê Duy Minh, rồi Lê Duy Định—mà chính Hoàng Nhiệm cũng không rõ lý lịch—khiến Huế ăn ngủ không yên.

Trong báo cáo ngày 24/7/1862 về hiện tình chính trị Thống đốc Bonard tóm lược khá rõ ràng tình trạng nổi loạn của giáo dân miền Bắc:

Tất cả các nhà truyền giáo đều ấp ủ giấc mơ trở lại giai đoạn mà Giám mục d'Adran [Pigneau] thật tế làm vua đất Cochinchine [?], thời kỳ mà bất cứ gì cũng cần lời cổ vũ hay sự thỏa thuận của ông ta.

.... Tôi nghĩ rằng các nhà truyền giáo dòng Dominican Espania còn hung hăng và cực đoan hơn cả các giáo sĩ Pháp....

Một người con cháu nhà Lê, dù thật hay giả, đã được đón nhận tại các tu viện ở Trung Hoa, và sau khi đã ngược đãi y đủ đường, kể cả việc bắt y giữ chân gác cổng, các giáo sĩ bề trên lại có ý dựng y làm vua, vì họ tin rằng sẽ có ảnh hưởng sâu đậm trên y một khi mưu toan hoàn tất. (104)

104. *AMAE* (Paris), *Asie*, vol. 28, fol. 85-86; Thuận, 1990:83-5.

“Lê Duy Minh” là một thí dụ cụ thể. Trong thập niên 1860, quan chức Nguyễn bốn lần báo cáo bắt giết được “Lê Duy Minh.” Lê Duy Minh thứ nhất là Đỗ Tảo. Tảo thường giao thông với Pháp, khi họp nhau ở cửa Ba Lát (Nam Định), khi đón nhau ở động La Phù châu Khâm mà các quan không biết. Cuối năm 1858, Hoàng Nhiệm cho lệnh Hải Dương, Quảng Yên, Nam Định cẩn thận đề phòng, tra xét. Tháng 12/1858-1/1859, bắt được Tảo cùng hai đồng đảng là Trần Văn Tùng (Lý Thừa, đại nguyên soái) và Trần Đức Thịnh (tham mưu), mang về Huế giết đi. Bêu đầu ở Quảng Nam, rồi đốt thành tro, ném xuống biển. (105) Lê Duy Minh thứ hai là Lê Duy Hòa. Duy Hòa, bị bắt vào tháng 3/1859, khai là con Duy Đạo, cháu Duy Cự, Duy Uẩn, có thời gian mạo xưng là Lê Duy Huân. Khai ra con Hồ Đình Hỉ (Thành), Đào Trí Phú (Mỹ), Cao Bá Đạt (Nhạ), Cao Bá Quát (Phùng), Đỗ Lệnh Hựu (Tú Hựu, từng cướp bóc ở Kinh Môn), Lương Nhuận (chết trong ngục) Phụ tá đặc lực là Vũ Văn Kịch (người Hải Dương). Kịch có khoảng 300 thủ hạ và 20 thuyền, hoạt động tại vùng Quảng Yên và Ninh Giang. Mùa Xuân 1859, Kịch bị



đánh bại nhiều lần ở Nam Định. Sau đó, hợp tác với Pháp. Cuối năm 1860. bị quân thứ Quảng Nam bắt, mang về Huế xử tử. (106)

105. *ĐNTLCB*, IV, XIX, 28:1854-1858, 1973:465, 468.

106. *ĐNTLCB*, IV, 28:1854-1858, 1973:473, 29:17, 21, 42-43 [tháng 5 Kỷ Mùi, 1-30/6/1859, khai tử mạo danh Lê Duy Huân và Lê Duy Minh], 165.

Lê Duy Minh nổi danh nhất là Pedro Tạ Văn Phụng (Phụng), gốc Hà Nội, một thầy kẻ giảng bỏ tu. Theo Giám mục Joseph Theurel, năm 1855, Phụng định làm loạn; đầu bị treo giá. Do thương tình, LM Tritaud xin GM Pierre Retord đưa y qua Hong Kong. Năm 1858, Phụng theo Rigault de Genouilly tới Đà Nẵng, nhưng rồi bị đuổi trở lại Hong Kong. Từ cuối năm 1861, Phụng rời Hong Kong, vào Đường Ngoài Đông (Tonkin Oriental), và được các thủ lĩnh tôn làm vua. Y thường tự xưng là dòng dõi nhà Lê, tức Lê Duy Phụng. Quân đội của y chiếm hết 9 tỉnh miền Bắc (2/3 diện tích), và số dân theo y lên tới 200,000 hay 300,000. Đã đánh thắng quân triều đình hơn 60 trận, bắt sống hay giết chết 4 Tư lệnh Nguyễn. Năm 1862, thay vì giết tù binh, Phụng cắt ngón tay cái (poignet) hay 3 ngón, rồi trả tự do. Hai Tướng nổi danh từng cầm quân chống Pháp [Nguyễn Tri Phương và Đào Trí] được cử chống lại y. “Nếu các nhóm phản loạn đoàn kết, chúng có hy vọng thành công. Với ông vua mới này, con cái cũ của chúng ta, chắc chắn chúng ta sẽ có được sự hòa bình tôn giáo, và dân chúng sẽ theo vua chúng mà theo đạo. Nhưng y chỉ là một tên giả mạo.” (107)

107. Thư ngày 9/10/1862, GM Theurel (Hà-Nội) gửi GM Faurie; SME (Paris), vol. 704; Chính Đạo, *Nhân Vật Chí* (Houston: Văn Hóa, 1997).

Điều các giáo sĩ Espania và Pháp không nhắc đến là từ năm 1862, Linh mục Theophile Le Grand de la Liraye cùng Trung sĩ Duval gia nhập lực lượng hải tặc của Phụng. Mãi tới năm 1863, Bonard mới rút Le Grand de la Liraye và Duval về Sài Gòn, sau khi nhận được thư Phụng, do chính Giám Mục Đường Ngoài Đông dịch qua tiếng Pháp và chuyển giao. (108)

108. AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol. 28, fol. 201-203; Thuần, 1990:85-86.

Năm 1865, “Lê Duy Minh” Tạ Văn Phụng bị xử tử; nhưng hai năm sau lại bêu đầu “Lê Duy Minh” Trần Hữu Phụng ở Bắc Ninh. (109)

109. *ĐNTLCB*, IV, XXXVII, 31:1866-1869, 1974:165 [8-9/1867])

Hùng Nghiệp còn gửi trình sát qua Hongkong điều tra minh chủ Lê Duy Định—thường lui tới các nhà thờ và tìm mua vũ khí, với những đầu lãnh là thông ngôn—vì không ít thủ hạ Định bị bắt giết trong nước. Ngoài ra còn những nhân vật như “Nguyễn Khắc Sinh” nào đó khiến Hùng Nghiệp nhiều lần bận tâm. (110)

110. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:21 [Lê Duy Huân], & XXXVI, XXXVII, 31:1866-1869, 1974:111-112 [3-4/1867, Lê Duy Định], 165 [Nguyễn Khắc Sinh].



Giai đoạn này, Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ [An Nam] còn phải gánh chịu những cuộc bạo động đột phát của giới nho sĩ/văn thân qua các phong trào "Bình Tây, Sát Tà," cùng những cuộc phản công sắt máu của giáo dân, dưới sự chặn giết của giáo sĩ Pháp, đưa đến những cuộc tương tàn Giáo-Lương bi thảm suốt ba thập niên kế tiếp. Mặc dù Tạ Duy Phụng đã bị bỏ rơi từ năm 1863, Giám mục Puginier—người sau này sẽ trở thành chủ nhân khu nhà Chung Hà Nội, sau khi tuần phủ Nguyễn Hữu Độ bán rế chùa Báo Thiên và huyện Thọ Xương với giá 100 quan—nuôi tham vọng thành lập một vương quốc Ki-tô ở miền Bắc, độc lập với Huế. Chẳng những tung ra thứ luận điệu như Bắc Kỳ chỉ là một chư hầu của vương quốc An Nam, từ thập niên 1820, các nhà truyền giáo còn liên tục tìm một truyền nhân của “họ Lê” để nhờ binh lực Pháp phò lập làm vua. Trong mắt họ, kẻ ngoại đạo Hoàng Nhiệm (Tự Đức) cũng chỉ là một thứ "ác quỷ" (*demon*)—tàn ác và nham hiểm có phần hơn cả ông nội là Nguyễn Phước Đảm (Minh Mạng). Ngay tại Sài Gòn, vào cuối năm 1859, các giáo sĩ Pháp đã công khai chống đối việc thành lập một hội đồng thành phố hỗn hợp Hoa-Việt để giúp việc trị an. Họ nói thẳng với Đề đốc Page là “dân An-nam-mít không thể tuân phục một chính quyền ngoại đạo. Đó là chính tiếng họ dùng.... [*les missionnaires sont venus me déclarer que les chrétiens annamites ne pouvaient pas obéir à une autorité payenne, c'est leur mot*]. Ngoài ra không một người Ki-tô nào không xin tòng phục dưới lá cờ của chúng ta. Ông vua ngoại đạo chẳng phải là vua của họ....” [*Du reste, pas un annamite catholique n'hésite à demander à s'enroler comme soldat sous notre drapeau, le Roi payen de Cochinchine n'est point leur Roi*].